

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Niềm vui
trong cô đơn

Tr. 55

Nợ
bao giờ mới trả?

Tr. 4

Thiền tịnh
độc cư

Tr. 14



TÔN HOA SEN

Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



Cam kết BÁN → Đúng Giá Đúng Tiêu chuẩn Đúng Chất lượng

ĐỂ MUA ĐÚNG SẢN PHẨM TÔN HOA SEN

Quan sát dòng in trên mặt dưới sản phẩm được thể hiện rất rõ ràng và cụ thể các thông tin về sản phẩm và thông số về tiêu chuẩn chất lượng như sau:

68M - TON HOA SEN - THUONG HIEU QUOC GIA - TON LANH MAU - 15/5 μ m -

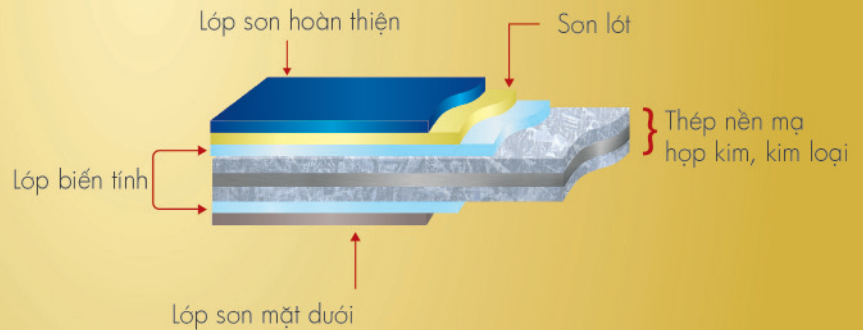


- a : Số mét
- b : Tôn Hoa Sen
- c : Thương hiệu quốc gia
- d : Loại sản phẩm (Tôn kẽm, Tôn kẽm màu, Tôn lạnh, Tôn lạnh màu)
- e : Độ dày lớp sơn mặt trên và mặt dưới (đối với trường hợp sản phẩm là tôn màu)
- f : Độ dày của sản phẩm (dung sai)
- g : Tiêu chuẩn ISO
- h : Mã số cuộn và ngày giờ sản xuất

• Sử dụng thiết bị đo Palmer để đo độ dày:



• Minh họa cấu tạo tấm Tôn Hoa Sen:



ĐỂ GIÚP BẠN:

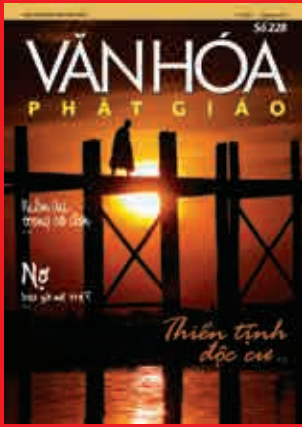
Tránh nhầm lẫn mua phải tôn giả, tôn nhái, tôn kém chất lượng

Hãy gọi ngay: 1800 1515

Tổng đài tư vấn miễn phí cuộc gọi
Thứ hai đến thứ bảy (từ 08g00 - 17g00)

www.hoasengroup.vn





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÀN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Nợ bao giờ mới trả? (Nguyễn Cảnh)	4
Các giai thoại vụ án dưới triều vua Tự Đức (Nguyễn Văn Toàn)	8
Thử bàn về địa danh Huế (Tôn Thất Thọ)	12
Thiền tịnh độc cư (Thanh Hòa)	14
Ba pháp quán Hoa Nghiêm (Nguyễn Thế Đăng)	18
Quản lý Tăng sự (Thích Giác Toàn)	21
Nước trong tâm thức người Khmer Nam Bộ (Trần Phong Điều)	24
Phật giáo với tuổi trẻ (Thích Nguyên Thành)	26
Bồ-đề tâm hành (phẩm 4 Bồ-tát) (Đỗ Hồng Ngọc)	30
Nghĩ về tính nhân văn trong nghi thức tế lễ (Nguyễn Thị Hoa)	33
Thầy kệ! (Nguyễn Hữu Đức)	36
Nơi tỏa bóng yêu thương (Lê Hải Đăng)	38
Áp lực từ xa: mặt trái của sự tiện lợi (Alecia Santuzzi - Nguyễn Quang Hải dịch)	40
Có cần chính xác? (Hồ Anh Thái)	42
Công nghệ in ở nước ta thời phong kiến (Đặng Việt Thủy)	43
Độc sách của thầy Trung Hậu (Cao Huy Thuần)	46
Bức tranh tuổi thơ và giấc mơ cội nguồn (Nguyễn Khắc Thạch)	48
Tôi có vết sẹo trên đầu (Song Thuận)	49
Thơ (Sông Hương, Nguyễn Văn Đôn, Phan Thành Minh, Hồ Nhật Quang, Phương Phương, Kim Hoa, Nguyễn Tiêu)	50
Lấy chồng xa (Trần Kiêm Hạ)	52
Niềm vui trong cô đơn (Phạm Chánh Cảnh)	55
Tượng Phật ở Bamiyan tái hiện dưới dạng "quang minh" (Nguyễn Văn Nhật)	56
Lời cảm ơn cuộc sống	58

Bìa 1: Độc hành. Nguồn: shutterstock.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Vừa qua, nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21.6.1925 – 21.6.2015), Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đã có hân hạnh được đón tiếp đại diện một số cơ quan, đơn vị như Ban Tôn giáo Chính phủ, Tập đoàn Tôn Hoa Sen, Công ty In Trần Phú, Hệ thống Nhà hàng TIB, Công ty TNHH TM&DV Nam Giang, Công ty TNHH Muối Thái Long... đến thăm, tặng hoa và gửi thiệp chúc mừng. Bên cạnh đó, một số cộng tác viên trong và ngoài nước cũng như các độc giả thân thiết cũng đã gọi điện thoại đến chúc mừng. Sự quan tâm của quý vị đối với VHPG chính là sự khích lệ lớn, nhắc nhở chúng tôi luôn luôn giữ đúng tôn chỉ của tờ báo, cố gắng góp phần vào việc xây dựng một xã hội hiền thiện.

Như quý độc giả đã biết, ngay từ số báo thứ 2 phát hành vào tháng 3.2005, VHPG đã mở chuyên mục Lời Cảm Ôn Cuộc Sống để đăng tải những trải nghiệm sống thực của các độc giả thể hiện sự xúc động và lòng biết ơn trước những tấm lòng quảng đại, trung hậu, bao dung... vốn là nền tảng của một xã hội hiền thiện. Suốt mười năm qua, chuyên mục đó đã được đông đảo quý độc giả đóng góp một cách tích cực, với những mẫu chuyện sống động, chân thực, đơn giản... cho thấy sự tinh tế của rất nhiều người viết không chuyên đã tiếp nhận sự giúp đỡ của người khác, nhiều khi hành động giúp đỡ được thực hiện một cách kín đáo. Thời gian gần đây, chúng tôi vẫn tiếp tục nhận được nhiều bài viết như vậy, nhưng có rất nhiều bài thuật lại những sự kiện có nội dung gần giống với những mẫu chuyện đã đăng tải. Chúng tôi cho rằng những việc tốt đều giống nhau, cho nên sự trùng hợp về nội dung là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, nếu tiếp tục đăng tải thì e có sự nhàm chán.

Vi thế, sắp tới, chuyên mục Lời Cảm Ôn Cuộc Sống sẽ không xuất hiện thường xuyên như trước. Thay vào đó, những khi không có lời cảm ơn nào được đăng tải, chúng tôi sẽ thay bằng mục Hỏi đáp Phật giáo cũng do Bàn Ấn phụ trách như trước đây. Mong quý độc giả đồng tình với sự sắp xếp của chúng tôi.

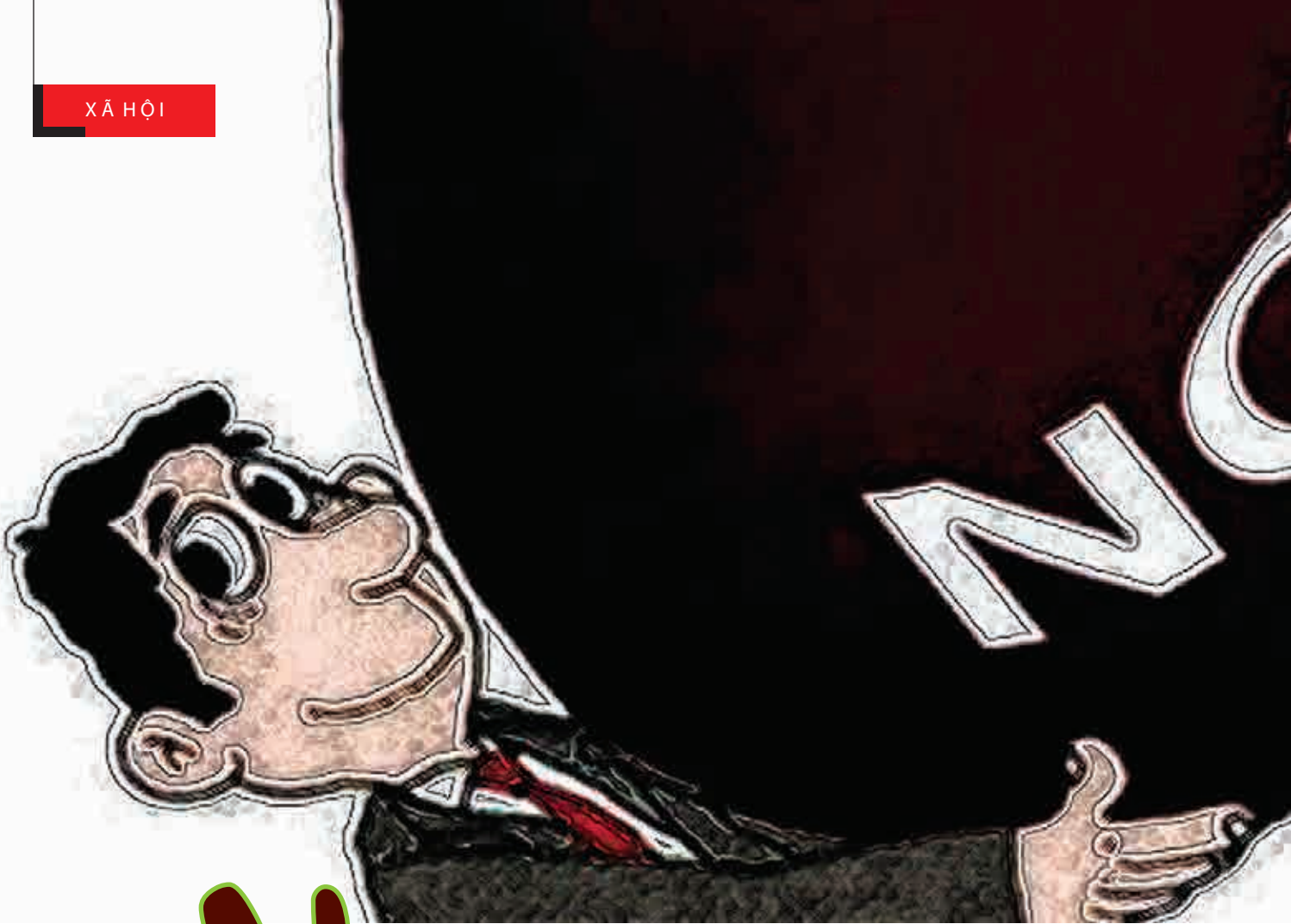
Trong mùa An cư, nguyện cầu Tam bảo gia hộ chư Tăng Ni đang kiết hạ tiếp tục thúc liễm thân tâm tăng trưởng đạo hạnh để làm chỗ y cứ cho hàng Phật tử tại gia. Kính chúc quý độc giả thành tựu mọi hạnh nguyện cúng dường Tam bảo.

Văn Hóa Phật Giáo



**Không làm các nghiệp ác
Làm nhiều điều thiện sự
Khi thân hoại mạng chung
Người có thiện trí tuệ
Được sanh lên cõi trời.**

**(Chương 2, Hai pháp, phẩm I,
Kinh *Phật thuyết như vậy*)**



Nợ bao giờ mới trả?

NGUYỄN CÂN

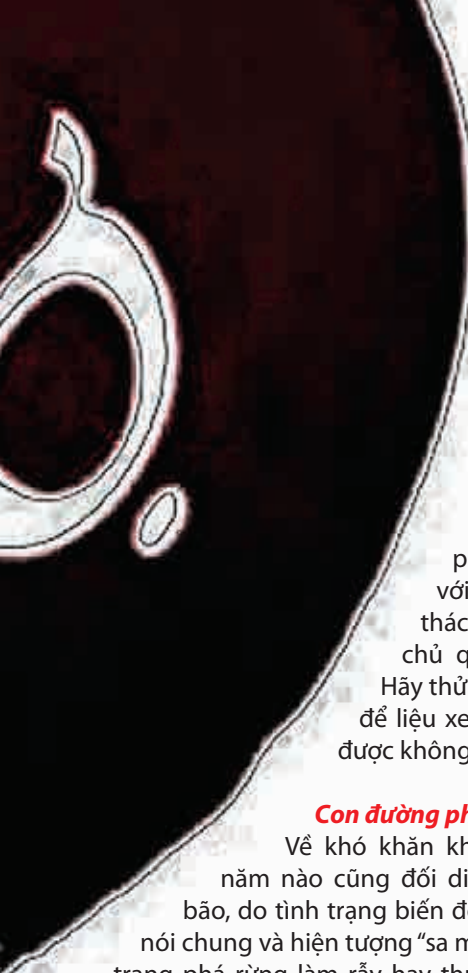
Từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến thời kỳ quá độ

Năm 1977, tôi theo Phó Tiến sĩ Trần Tráng, giáo sư Toán của Trường Đại học Sư phạm TP.HCM về Long An đi tiên trạm để chuẩn bị đưa sinh viên thực tập “ba cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc) với đồng bào nông thôn. Tâm sự với những người dân xã Phú Ngãi Trị, ông nói: *“Trong kháng chiến, người nông dân đã hy sinh rất nhiều, và trong hòa bình vẫn tiếp tục hy sinh”*. Trên đường về, tôi gặng hỏi sao thầy lại nói như thế, không giống với những bài giảng chính trị mà chúng em được học trong lớp. Ông chỉ nhẹ nhàng bảo, *“Thầy xuất thân từ nông dân mà, em cứ chiêm nghiệm về sau. Đừng hỏi nhiều!”*.

Tôi vẫn nhớ, lúc ấy sinh viên chúng tôi được học rằng: *“Nước ta là một nước nông nghiệp, nông dân chiếm hơn 90% số dân. Chủ nghĩa đế quốc dựa vào chế độ phong*

kiến bóc lột nhân dân ta căn bản là bóc lột nông dân. Vì vậy, giải phóng dân tộc trước hết và căn bản phải là giải phóng nông dân. Nói dân chủ ở đây trước hết và căn bản cũng là nói dân chủ cho nông dân. Nguyên vọng thiết tha của nông dân là dân tộc độc lập và người cày có ruộng, là được giải thoát khỏi cả hai tầng áp bức của đế quốc và phong kiến” (Tạp chí Xây dựng Đảng -1970).

70 năm qua, nông dân đã tin theo lý tưởng ấy và tham gia kháng chiến. 70 năm qua chúng ta đã làm được gì cho họ? Chúng ta đã thể chấp lời hứa và danh dự của mình khi “vay” niềm tin từ họ. Rồi sau đó là những sai lầm đau thương của “cải cách ruộng đất” ở miền Bắc để những nhà lãnh đạo phải rút kinh nghiệm sâu sắc! Rồi tiếp tục là những sửa sai cho chế độ hợp tác hóa mà người khởi xướng, ông Kim Ngọc, chịu rất nhiều hàm oan và phải vượt bao nhiêu thành kiến để bảo vệ quan điểm “khoán ruộng đất” của mình!



Những người có chức trách của chúng ta vẫn vừa học vừa làm...

Cho đến hôm nay nhìn lại cuộc sống người nông dân vẫn chưa như chúng ta mong đợi. Vì sao? Vì sao họ đang phải tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức khách quan và chủ quan, trong và ngoài. Hãy thử xem khó khăn ấy là gì để liệu xem rằng có khắc phục được không?

Con đường phát triển gặp ghềnh

Về khó khăn khách quan, nông dân năm nào cũng đối diện với hạn hán, mưa bão, do tình trạng biến đổi khí hậu của trái đất nói chung và hiện tượng "sa mạc hóa" đất đai vì tình trạng phá rừng làm rẫy hay thủy điện, để lũ tràn về gây tai họa. Khó khăn ấy còn đến do sự "phá hoại" của thương lái Trung Quốc phát động chiến dịch thu gom bừa bãi nông sản rồi ép giá tại cửa khẩu; tuyên truyền để bán được những thứ độc hại như "ốc bươu vàng", "đĩa"... Ngoài ra còn phải kể đến áp lực của hàng rào thuế quan các nước dưới chiêu bài "chống phá giá" và lạm luận Việt Nam chưa có nền kinh tế thị trường.

Ông Nguyễn Đình Bích, chuyên gia nghiên cứu và phân tích thị trường nông sản Việt Nam, dẫn các số liệu trong bốn năm trở lại đây (tính đến năm 2014) về 7 mặt hàng nông sản chủ yếu có thống kê về lượng và giá trị (bao gồm gạo, cà-phê, hạt điều, sắn và các sản phẩm sắn, cao su, hạt tiêu, và chè), cho thấy tổng kim ngạch xuất khẩu cơ bản không tăng nhiều vì năm 2011 đạt 12,3 tỉ đô-la Mỹ, còn năm 2014 vừa qua cũng chỉ đạt 13 tỉ đô-la Mỹ. Ông phân tích, "Thế nhưng, nếu quy về giá của năm 2011, thì kim ngạch xuất khẩu trong năm 2014 phải là 16 tỉ đô-la Mỹ, có nghĩa chúng ta đã bị thua thiệt về giá (giá giảm) đến 3,2 tỉ đô-la Mỹ, tương đương 35,8% tổng kim ngạch xuất khẩu 7 mặt hàng này". Nền nông nghiệp trong nước sẽ vẫn tiếp tục đối mặt với đà giảm giá trong những năm tới bởi giá hàng nông sản thế giới dao động rất dữ dội, trong khi hiện tại hàng nông sản của chúng ta đang bị thua thiệt về mọi mặt. Ông Bích nói thêm, "đây là thách thức rất lớn mà tôi nghĩ rằng trong những năm tới vẫn còn phải đối mặt".

Thế nên điệp khúc "trúng mùa mất giá" cứ lặp đi lặp lại nhiều năm! Thậm chí mất mùa vẫn rớt giá, theo các chuyên gia trong một buổi hội thảo về nông nghiệp gần đây.

Chúng ta nghĩ gì về việc hàng hóa Việt Nam không

cạnh tranh được với các nước khác; dù gạo xuất với giá thấp hơn giá gạo Thái Lan; dù dưa hấu, thanh long bán rẻ như cho; rồi hành tím, rau sạch phải đổ đi...

Hàng hóa không xây dựng được thương hiệu

"Vì sao như vậy?", có người đặt câu hỏi và tự trả lời rằng vì hàng không có thương hiệu, không đảm bảo chất lượng, cho nên những thị trường đòi hỏi khắt khe về chất lượng thì họ "cắm cửa". Chúng ta gặp khó khi xuất khẩu gạo, trong khi Thái Lan dễ dàng hơn vì gạo của họ có thương hiệu uy tín với rất nhiều thị trường nhập khẩu; vì vậy, nếu họ không thể xuất khẩu vào một thị trường nào đó, thì họ có thể xuất sang thị trường khác; còn Việt Nam thì... đành chịu!

Trước vấn đề này, ông Phạm Văn Dư, Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cho rằng xây dựng cánh đồng lớn là con đường "lý tưởng" để làm thương hiệu cho gạo Việt Nam. "Muốn có thương hiệu gạo, thì doanh nghiệp phải có vùng nguyên liệu ổn định về chất lượng, chứ không thể nay chất lượng thế này, mai thế kia là làm được", ông khuyến cáo. Nhưng thử hỏi 40 năm qua bao nhiêu nghị quyết, bao nhiêu nhà chiến lược ở đâu mà không nghĩ ra điều này? Vai trò của các cơ quan xúc tiến thương mại, của các tham tán thương mại sứ quán, của hiệp hội lương thực ở đâu?

Chúng ta nghĩ gì khi đọc những tin như:

- Những ngày gần đây, nông dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đang như "ngồi trên đống lửa", bởi hàng ngàn hécta trồng ổi của địa phương đang rơi vào tình cảnh rớt giá thê thảm. Ổi hiện chỉ bán được với giá 400-500đ/kg, tính ra mỗi tấn chỉ thu về từ bốn đến trăm ngàn đồng, trong khi đó, chi phí thuê nhân công, tiền phân thuốc... cao hơn rất nhiều lần.

- Toàn huyện Bình Tân (cũng thuộc tỉnh Sóc Trăng) hiện có khoảng 10.000ha khoai. Thời điểm đầu vụ, khoai được thương lái thu mua với mức giá lên đến 700 - 800 ngàn đồng/tạ, nhưng hiện khoai tốt chỉ còn 85 - 100 ngàn đồng/tạ, trong khi đó hộ sản xuất trên đất nhà cũng phải bỏ ra từ 11 - 13 triệu/công.

- Đang bước vào mùa thu hoạch rộ nên thanh long ở đồng bằng sông Cửu Long được bán với giá rẻ mạt. Đủ đủ cũng trong tình trạng tương tự buộc nhà vườn phải chặt bỏ để trồng chanh không hạt.

- Hàng tây Đà Lạt đổ bỏ hàng trăm tấn vì giá rớt và hàng Trung Quốc tràn vào...

Và còn nhiều tin tương tự như thế!

Khó khăn chủ quan

Nhưng cái chúng ta đáng bàn là những khó khăn không do thiên tai mà do "nhân tai", nghĩa là do chủ quan của chúng ta, hoặc từ nông dân, hoặc đến từ những người có chức trách, những người hoạch định, điều hành chính sách.

Phí, thủ tục hành chính và những quy định ngược lòng dân

Một vài ví dụ cho thấy cách hành xử hiện nay của những người có thẩm quyền:

Các doanh nghiệp kinh doanh sản xuất xuất khẩu khu vực miền Trung và Tây Nguyên đang cuống cuống kêu cứu khi thời điểm Thông tư 63/2015 của Bộ Tài chính có hiệu lực đang đến gần. Theo đó, kể từ ngày 20-6-2015, sản xuất xuất khẩu phải chịu thuế 5% thay vì trước kia không phải chịu thuế. Hiện tại, riêng Bình Định có tới 163.300 tấn hàng mắc kẹt trong thế “tiến thoái lưỡng nan”. Ngày 6-5-2015, Bộ Tài chính ký ban hành, ngày 20-6, Thông tư 63/2015 bắt đầu có hiệu lực! Đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp là bà con nông dân không hề được tham vấn. Theo các doanh nghiệp, khi thu mua sản, họ phải chịu rất nhiều chi phí, từ lãi ngân hàng đến thuê kho để bảo quản, từ tỷ lệ hao hụt đến các chi phí khử trùng và giám định, rồi lại các loại phí xuất khẩu khác nữa. Nhưng khi tính toán mức lãi của doanh nghiệp để áp thuế thì có vẻ như các cơ quan chức năng chưa kể đến hết những khó khăn của doanh nghiệp. Và có người cho rằng tuy thuế có vẻ tác động vào doanh nghiệp, nhưng doanh nghiệp chỉ chết mùa này thôi, còn sau ngày Thông tư 63/2015 có hiệu lực thì chính người nông dân trồng sản mới phải mang vác nặng, vì chẳng ai kinh doanh để rồi chịu thua lỗ, trắng tay!

Tại buổi đối thoại diễn ra sáng 26-5-2015 tại Cục Bảo vệ Thực vật với hơn 30 doanh nghiệp trong ngành thức ăn chăn nuôi, nhiều doanh nghiệp bức xúc về thủ tục phiền hà, “ngâm” hồ sơ khiến doanh nghiệp mất nhiều chi phí lưu container và lưu bãi.

Bà Trần Thu Thủy, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Việt Nam, một doanh nghiệp chuyên sản xuất thức ăn chăn nuôi, cho biết, thủ tục để nhập hàng về liên quan đến ba đơn vị là Cục Bảo vệ Thực vật, Cục Thú y và Cục Chăn nuôi nhưng đang “tắc” nhất là ở Cục Chăn nuôi. Việc thực hiện các thủ tục về kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi theo đúng quy định của cục này thường khiến các doanh nghiệp mất cả chục ngày. Điều này dẫn tới chi phí lưu container, lưu bãi tại cảng rất lớn. Không chỉ thế, thời gian chờ đợi còn ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất của công ty, chịu lãi vay ngân hàng, bị khách hàng phạt vì chậm hợp đồng... Tính ra, mỗi doanh nghiệp có khi thiệt hại cả chục tỉ đồng mỗi năm vì các phí phát sinh ngoài vòng kiểm soát này.

Ông Nguyễn Văn Đạo, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gò Đàng, một doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn ở tỉnh Tiền Giang, cho biết phí lớn nhất mà hầu hết các cơ sở xuất khẩu thủy sản đang phải gánh chịu là phí kiểm nghiệm chỉ tiêu, chất lượng sản phẩm. Hiện nay mỗi container thủy sản xuất khẩu phải đóng phí kiểm nghiệm lên đến 15 triệu đồng. Như vậy, tính ra mỗi năm chỉ riêng Công ty Cổ phần Gò Đàng đã phải bỏ ra

5-6 tỉ đồng để đóng các loại phí này. Điều này làm cho thủy sản nước ta bán ra thị trường thế giới thường có giá cao và khó có thể cạnh tranh với các đối thủ.

Nhiều đại biểu trong phiên họp Quốc hội đang diễn ra tháng 6 này nêu nhận định cần loại bỏ các khoản phí, lệ phí không cần thiết để giảm bớt gánh nặng, góp phần nâng cao mức sống cho người dân. Đặc biệt là những hộ nông dân ở các vùng nông thôn. “Hiện nay đang tồn tại nhiều loại phí bất hợp lý, không cần thiết, gây khó khăn cho người dân, gây trở ngại cho sự phát triển của xã hội. Câu chuyện con gà từ lúc nuôi đến lúc giết thịt phải chịu 14 loại phí đã được Chủ tịch Quốc hội và hai Bộ trưởng (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính) ghi nhận tại phiên chất vấn”.

Giải pháp nào cho những vấn đề này

Đại biểu Quốc hội thuộc tỉnh Phú Yên là ông Nguyễn Thái Học đã đặt vấn đề, “*Chính phủ lắng nghe điều gì ở dân? Chính phủ và Quốc hội thảo luận rất hay, đúng, nghị quyết ban hành cũng đúng nhưng triển khai nói chưa đi đôi với làm. Phải làm được như nói thì dân mới tin*”.

Về phương diện khách quan, đó là thực trạng về một nền sản xuất hàng hóa nông nghiệp còn yếu kém, hạn chế; nhiều sản phẩm nông nghiệp sản xuất dư thừa do thiếu thông tin thị trường, thiếu chiến lược dài hơi, chạy theo mùa vụ, nhu cầu ảo dẫn đến những thua thiệt của người sản xuất nông nghiệp.

Về phương diện chủ quan, Quốc hội phân tích con số 51 khoản phí và 39 khoản lệ phí được đề cập trong danh mục phí và lệ phí mới chỉ là chia theo lĩnh vực, rất chung chung, còn quy định cụ thể thì phải có đến cả trăm khoản phí và trăm khoản lệ phí. Tất cả đều đổ xuống đầu người dân, nhất là nông dân, những người “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời” hay ngư dân, những người không chỉ mưu sinh mà còn là những công dân bảo vệ chủ quyền trên biển...

Chúng ta cần phải nhanh chóng xây dựng lại chiến lược với tầm nhìn xa hơn và quan trọng nhất là những biện pháp thực thi phải dựa vào quyền lợi của dân, lấy an sinh của họ làm lý tưởng, như người xưa từng dạy “dân giàu, nước mạnh”.

Chúng ta ghi nhớ lời Thượng phụ Quốc công Trần Hưng Đạo đã nhắc nhở vua Trần Anh Tông: “*Nay lúc bình thời, phải khoan thư sức dân, làm kế sâu rễ, bền gốc. Ấy là thượng sách để giữ nước*”. Thực tế lịch sử cho ta những minh chứng: Triều đại nào làm được điều đó thì thịnh, duy trì được quyền lực; ngược lại thì suy tàn, đổ vỡ. Tóm lại “*Phải lấy dân làm gốc*”. Ta nhớ khoan thư sức dân chứ không phải “*Khoan sức dân*”. Lý do mà ngài dạy bảo như vậy là vì ngài cho rằng làm cho dân trong thời bình khổ cực, thì vào thời chiến sao có đủ người, đủ của, đủ ý chí để bảo vệ biên cương, xã tắc? Cho nên, khi chiến thắng rồi các triều Lý - Trần không bắt dân lên núi xẻ đá, vào rừng đẵn gỗ, xuống biển mò ngọc để

xây dựng cung điện, đền đài... Hãy nhớ vua Lý Nhân Tông lúc sắp lâm chung vẫn không thôi lo lắng cho quốc gia, dân tộc, cảm thông với dân, như di chiếu của nhà vua để lại: *"Trăm nhắm mắt, việc tang chế trong ba ngày phải bỏ áo trở, thôi hẳn xót thương, việc chôn cất cứ theo lối tằm tiện, không nên xây lăng mộ riêng"*, hay Thượng hoàng Trần Nghệ Tông theo sử sách ghi: *"Vua xuống chiếu rằng việc xây dựng cung thất cốt sao giản dị, mộc mạc, chỉ lấy các tân quan trong tôn thất phục dịch, không được phiền đến dân"* (Đại Việt sử ký toàn thư).

Thế nên, phải bớt tất cả những thứ "phí" thu vô tội vạ, thiếu trách nhiệm, bất chấp nhân tình, chưa kể "phí chống phí". Đó là chưa nói đến tình trạng thiếu minh bạch trong việc định ra các thứ phí như phí môi trường đối với xăng dầu mà theo Phó Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Hồng Nga thuộc Đại học Luật nhận định, *"Tôi cho rằng chỉ trong thời chiến tranh hoặc biết số tiền mình đóng góp được sử dụng hiệu quả và minh bạch thì người dân mới sẵn lòng chia sẻ khó khăn với nhà nước. Hơn nữa tăng giá xăng dầu sẽ dẫn đến tăng nhiều sản phẩm trong nền kinh tế, đây là điều không tốt trong nền kinh tế thị trường do giá cả không thay đổi theo quan hệ cung cầu mà do thuế tăng..."*. Huống chi đất nước ta, theo website Numbeo.com¹, được đánh giá là một trong những quốc gia có chất lượng cuộc sống thấp bậc nhất trên thế giới, với số điểm -13,89, xếp hạng c, sau cả Lào và Campuchia. Chúng ta lại càng cần khoan thư sức dân để người dân yên tâm sản xuất, làm ăn tăng thu nhập. Thu nhập của người dân tăng, nguồn lực nhà nước sẽ tăng dưới các hạng mục thuế.

Ngoài ra, quan trọng nhất là tâm thế và ý định của người có chức trách. Tôi nhớ một bài viết của

Vivekananda nói đến tính phụng sự của thanh niên. Ông viết cho thanh niên Ấn Độ đương thời, nhưng cũng là lời khuyên đối với tất cả những ai đang đóng góp cho cộng đồng ở vai trò công chức hay quan chức: *"Các bạn có thương yêu đồng bào các bạn không? Các bạn đi tìm Thượng đế ở đâu? Những người bạn cùng, khổ sở và yếu đuối không phải là Thượng đế đấy sao? Hãy tin tưởng vào sức mạnh vạn năng của tình thương. Tập phụng sự kẻ khác. Đó là nhiệm vụ tối cần của dân tộc ta"*.

Mục đích của ta là làm lợi ích cho đời, không phải khoe môi múa mép cầu danh... Bất cứ nơi nào có bệnh truyền nhiễm, nạn đói, hay nơi dân chúng đang chịu sự sầu não, các bạn hãy đến, tùy theo năng lực của mình, làm dịu bớt sầu khổ của họ. Có khi các bạn phải bỏ mình trong cuộc mạo hiểm ấy. Hàng ngày biết bao người sinh ra và chết đi như những con trùng... Bạn phải chết, hãy chết vì một lý tưởng cao đẹp. Bạn hãy truyền bá tư tưởng ấy cho mọi người, bạn sẽ được ích lợi cho chính bạn, cho tổ quốc của bạn. Hy vọng tương lai của tổ quốc đặt nơi bạn. Tôi cảm thấy đau đớn khi các bạn sống cuộc đời nhàn rỗi... Các bạn thân mến, tôi đi tặng các bạn tình thương yêu và cuộc chiến đấu cho những người nghèo khổ, dốt nát và bị áp bức. Ngay giờ phút này, các bạn hãy đến trước Đức Thế Tôn, Người bạn của những kẻ bần cùng, các bạn hãy cúi đầu phát nguyện hy sinh vì những kẻ bần cùng và bị ức hiếp...

Ta hãy chịu khó làm việc, hiện giờ không còn thời gian để mơ màng. Tương lai của tổ quốc căn cứ vào công việc của ta. Tổ quốc đang chờ đợi. Hãy tinh dậy và vươn lên, rồi ta sẽ thấy tổ quốc ta huy hoàng hơn bao giờ hết". (Trích Vivekananda - Đức Tin - Bản Việt dịch Hòa thượng Thích Quảng Độ - Tập san Vạn Hạnh số 4 -1965).

Cuộc cách mạng với những lý tưởng cao đẹp ban đầu ấy vẫn còn dang dở. Nói như một nhà chính trị, cuộc cách mạng nào cũng không có ý nghĩa nếu còn làm rơi nước mắt trẻ thơ. Nhất là khi thôn cùng xóm vắng vẫn còn những tiếng thở dài, còn những người thao thức vì cơm áo chưa đủ đầy, con trẻ còn bỏ học vì... nghèo. Ngày nào món nợ với nông dân chưa trả được thì lời cam kết năm xưa vẫn mãi là vật thể chấp chừa thanh khoản được, còn đau đầu khôn nguôi với những ai còn đặt niềm tin vào lý tưởng! ■

1. Numbeo.com được coi là cơ sở dữ liệu lớn nhất về các thành phố và quốc gia trên thế giới, thu thập các dữ liệu về Chỉ số Chất lượng Cuộc sống. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng dữ liệu được thu thập thông qua các khảo sát trực tuyến chứ không phải từ báo cáo chính thức của chính phủ. Chỉ số Chất lượng Cuộc sống được tính toán dựa trên hàng loạt yếu tố bao gồm mức độ an toàn, chăm sóc sức khỏe, giá tiêu dùng, sức mua, giao thông đi lại, giá nhà đất so với thu nhập và mức độ ô nhiễm môi trường. Độc giả có thể tham khảo theo địa chỉ <http://www.numbeo.com/cost-of-living/>.



Các giai thoại vụ án dưới triều vua Tự Đức

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN TOÀN



Vua Tự Đức là ông vua nổi tiếng thơ hay triều Nguyễn và cũng là ông vua có nhiều giai thoại về vụ án nhất. Đó là các vụ án Hồng Bảo, vụ án “chó cắn hạc vua”, vụ án đòi phạt đòn đại thi hào Nguyễn Du, vụ án “Hải tặc”, và vụ án Phạm Đăng Tuấn.

Vụ án Hồng Bảo

Nguyễn Phúc Hồng Bảo là con trưởng của vua Thiệu Trị với bà Quý tần Đinh Thị Hạnh. Do tính tình phóng túng, ít chịu gò bó vào khuôn phép nên Hồng Bảo thường bị vua cha quở trách. Vì thế, tuy Hồng Bảo là con trưởng mà không được nối ngôi vua. Di chiếu của vua Thiệu Trị cũng viết: *“Trong các con ta, Hồng Bảo tuy lớn, nhưng vì thứ xuất, ngu độn ít học, chỉ ham chơi, không thể nối nghiệp lớn được. Hoàng tử thứ hai là Hồng Nhậm thông minh, ham học, rất giống ta, đáng nối ngôi vua. Hôm qua ta đã phê vào di chiếu để trong long đồng. Các người phải kính noi đó, đừng trái mạng ta!”*

Khi vua Thiệu Trị mất, Phước Tuy công Nguyễn Phúc Hồng Nhậm được tôn lập theo di chiếu, tức là vua Tự Đức. Vua Tự Đức đã đối đãi tử tế với An Phong công Hồng Bảo, chu cấp thêm bổng lộc nhằm đảm bảo cho vị hoàng thân này có một cuộc sống sung túc và an nhàn để quên đi khát vọng vương vị. Vì thế, ngoài phần lương bổng được hưởng trước đây, hàng năm, vua Tự Đức còn ban cấp thêm cho Hồng Bảo 500 quan tiền và 500 phương gạo. Vua Tự Đức cũng chăm lo thờ phụng Quý tần Đinh Thị Hạnh, mẹ của Hồng Bảo, như là một cử chỉ để tạo niềm tin và thu phục Hồng Bảo cùng gia quyến ông.

Tuy nhiên, Hồng Bảo không bao giờ quên được ngai vàng, vẫn tiếp tục tập hợp bè đảng và tìm cơ hội để mưu phản.

Cuối tháng Giêng năm 1851, trong dịp Tết âm lịch, khi Hồng Bảo đang sửa soạn trốn sang Tân Gia Ba (Singapore) cầu viện người Anh thì bị bắt. Hồng Bảo định tự tử, nhưng nghe lời khuyên can của người nhà, ông quyết định nhờ sự khoan dung của vua Tự Đức. Hồng Bảo mặc áo tang, xõa tóc, ẩm đũa con trưởng khoảng sáu, bảy tuổi, đi đến cung vua khóc lóc thảm thiết. Khi được vào yết kiến, Hồng Bảo thú nhận có ý định trốn ra nước ngoài, nhưng không phải để kêu gọi người ngoại quốc đến gây giặc giã mà chỉ vì nghèo khổ, bị bạn bè và kẻ hầu hạ khinh rẻ, xa lánh... nên ông chỉ muốn đi qua Pháp để được sống như một người dân thường. Không chắc vua Tự Đức tin những lời ấy, nhưng cảm động vì thấy anh quì dưới chân mình để van xin nên nhà vua vỗ về, hứa sẽ lo cho ông được sung túc, nhận con ông làm con nuôi, lại còn cho ông một trăm nén bạc và một nén vàng.

Được tha, Hồng Bảo lại tìm cách lật đổ vua Tự Đức. Khi vụ việc bại lộ, Hồng Bảo bị triều đình xử tội lăng trì, nhưng vua Tự Đức đã tha tội chết và đổi thành án chung thân. Triều đình xây mới một ngục thất để giam giữ Hồng Bảo và dự định chuyển ông vào giam ở nơi này nhưng Hồng Bảo không chịu, rồi nhân khi một mình ông đã dùng vải trải giường để thắt cổ tự vẫn.

Điều này được sách *Đại Nam thực lục* ghi lại: "*Giáp Dần, Tự Đức năm thứ 7 (1854)... An Phong công là Hồng Bảo mưu khởi nghịch, rồi thắt cổ tự tử ở nơi giam; con trai, con gái Hồng Bảo và người dự mưu là viên đã chết là Tôn Thất Bật đều bị tước bỏ tên trong sổ Tôn nhân, viên bị cách chức là Đào Trí Phú phải tội lăng trì xử tử; các phạm nhân đều bị tịch thu gia sản và bắt cả thân thuộc".* Hồng Bảo lúc chết cũng bị đổi ra họ Đinh, là họ của mẹ.

Sau vụ án Hồng Bảo không lâu, vua Tự Đức dùng cơm vô ý cắn phải lưỡi, liền lấy đầu để "răng cắn lưỡi" ra cho đình thần làm thơ. Nguyễn Hàm Ninh, thầy của vua Thiệu Trị, chủ sự Tôn nhân phủ dâng một bài tứ tuyệt:

*Sinh ngã chi sơ, nhĩ vị sinh
Nhĩ sinh chi hậu, ngã vi huynh
Nhất đường cộng hưởng trân cam vị
Hà nhẫn tương thương cốt nhục tình.*

Dịch thơ:

Ta ra đời trước, chú chưa sinh
Chú phận làm em, ta phận anh
Ngọt bùi sao chẳng cùng san sẻ
Mà nỡ đau thương cốt nhục tình?

Tự Đức xem thơ, thưởng mỗi câu một lạng vàng vì lời thơ hay, nhưng lại phạt một câu một roi vì ý thơ sâu sắc.

Người đời sau cho rằng vua Tự Đức nhỏ cỏ nhỏ tận gốc như Trần Thủ Độ đối với nhà Lý như bắt Hồng Bảo lúc chết cũng bị đổi ra họ Đinh, là họ của mẹ; giết hết con cái và bắt hết thân thuộc. Tuy nhiên, nếu đọc kỹ tình tiết vụ án ta sẽ thấy nếu vua Tự Đức không cứng

rắn, bắt giam chung thân Hồng Bảo thì Hồng Bảo vẫn sẽ âm mưu đoạt ngôi nhiều lần nữa. Chẳng hạn, năm Tự Đức thứ 19, Bình Dân (1866), ba anh em Đoàn Trưng, Đoàn Hữu Ái, Đoàn Tư Trực cùng một số võ quan, binh sĩ và dân chúng đã nổi dậy, mưu lập con trưởng của Hồng Bảo là Đình Đạo (tức Ứng Đạo) lên làm vua. Cuộc mưu phản này chính là vụ "giặc chày vôi". Sau khi thất bại, cả gia đình Hồng Bảo gồm 8 người là Đình Đạo, Đình Tự, Đình Chuyên, Đình Tương (đều là con Hồng Bảo), Thị Thụy (vợ Hồng Bảo) và hai đứa con Đình Đạo (một trai, một gái) đều bị xử giảo (treo cổ). Như vậy, có thể nói, mặc dù vua Tự Đức đã tha cho các con của Hồng Bảo khi vị hoàng thân này đã tự tử chết nhưng các con của Hồng Bảo vẫn nổi nghiệp cha để mưu phản. Điều này khiến vua Tự Đức phải nhẫn tâm triệt hạ loạn đảng để triệt đi mối nguy của triều đình.

Vụ án "Chó cắn hạc vua"

Vua nhà Thanh (Trung Quốc) có biểu tặng vua Tự Đức một con hạc thuộc loại hiếm có. Vua Tự Đức quý lắm, cho hạc đeo trước cổ tấm thẻ bài ghi "Thiên Tử Hạc" (Hạc của vua nuôi). Thiên Tử Hạc quen hơi người nên được thả trong vườn Thượng uyển.

Ngày nọ, con Thiên Tử Hạc bay ra khỏi Hoàng cung. Nó lạc vào vườn một thường dân nên bị chó của nhà này cắn chết. Vua Tự Đức thấy mất con hạc mình yêu quý, dày công tốn sức chăm nuôi, nên truyền cho thuộc cấp điều tra. Cấp dưới điều tra biết được việc chó nhà dân cắn chết hạc của vua nuôi nên đã quay về trình báo. Vua Tự Đức thấy hạc quý đã chết nên nổi giận, truyền cho Bộ Hình luận tội. Bộ Hình kết án chủ chó phải tội tử hình và bị tịch thu toàn bộ gia sản.

Việc xử án của Bộ Hình được quan Ngự sử Phạm Đan Quế biết được. Sau khi xem xét các tình tiết, ông xin yết kiến vua Tự Đức và trình một bản tấu. Bản tấu ấy như sau:

*Hạc bất năng ngôn
Khuyến vô thức tự
Hạc nhập dân viên
Khuyến trung vu chủ
Điều, Thú đấu tranh
U minh hà dự
Khuyến phệ hạc tử
Tôi quy vu chủ
Hạc trặc khuyến tử
Tường hà luật xử?*

Dịch nghĩa:

Hạc chẳng biết nói
Chó không biết chữ
Hạc vào vườn dân
Chó trung với chủ
Chim, thú đánh nhau
Tối sáng không rõ



Chó cắn chết hạc
 Tội quy cho chủ
 Hạc mổ chết chó
 Luật xử thế nào?

Nghe xong, vua Tự Đức cấp tốc hạ lệnh hủy bỏ bản án và không bàn đến nữa. Bởi đối với vua Tự Đức, những lời của Phạm Đan Quế không những có tình mà còn rất có lý: Chó và hạc đều là vật. Cả hai không biết nói, không biết chữ nên hạc đeo thẻ để Thiên Tử Hạc chó cũng không biết. Như vậy, chó cắn chết hạc là do cái thói cắn nhau của hai con vật, nên không thể bắt chủ chó thế mạng. Nếu bản án trên thi hành như kết luận của Bộ Hình thì sau này thành án lệ. Chẳng hạn, lỡ có ngày chó hoàng cung cắn chết cấm thú nhà dân hay cắn chết người ta, không biết sẽ nghị án ra sao. Không lẽ phải bắt vua trị tội?

Tuy nhiên, càng nghĩ càng thấy vụ án không hề đơn giản. Bởi trong chế độ phong kiến, ý vua tức là ý trời, không ai dám trái lệnh. Nhưng do ông Phạm Đan Quế nói quá có tình có lý nên vua Tự Đức đã nghe theo. Và việc vua Tự Đức nghe theo cũng chứng minh vị vua này cũng là một vị vua anh minh, biết nghe lời can gián của quần thần. Chính vì thế vụ án “chó cắn hạc vua” cũng đã

để lại một điển tích hay về việc xử án ngày xưa của cha ông mà ngày nay chúng ta vẫn cần phải học tập. Đó là không phân biệt hay thiên vị một ai trong việc phân xử, chỉ có lẽ phải là luôn phải được tôn trọng triệt để.

Án đòi phạt Nguyễn Du “30 roi”!

Vua Tự Đức “mê” *Truyện Kiều*. Điều này đã được dân gian ví von:

Mê gì? Mê đánh tổ tôm

Mê ngựa hộ bốn, mê nôm Thúy Kiều.

Và tuy là người hay bắt bẻ nhưng đọc *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, Tự Đức cũng phải công nhận đúng là “hàng hàng châu ngọc lời lời gấm thêu”.

Có giai thoại cho rằng sau khi đọc *Truyện Kiều*, vua Tự Đức bỗng dưng ùng ùng nổi giận và nói với các quan: “*Nếu Tố Như (tên tự của Nguyễn Du) mà còn sống, phải nọc nằm xuống đánh cho 30 roi!*”.

Bởi khi viết về Từ Hải, Nguyễn Du đã viết: “*Dọc ngang nào biết trên đầu có ai!*”, đó là hình ảnh của Nguyễn Huệ ngày xưa trong liên tưởng của Tự Đức. Bởi vua Tự Đức thường xét lập trường chính trị của tác giả qua thơ văn.

Còn một điều nữa là vua Tự Đức vốn tên Nguyễn Phúc Thi. Nhưng trong *Truyện Kiều*, những chỗ có chữ “Thì” thường thể hiện sự xấu xa bỉ ổi:

“Khi thì lừa đảo, nơi thì ai thương?”

(câu 2.291)

“Chẳng phùng trốn chúa thì quân lộn chống”.

(câu 1.729)

“Thôi đà mắc lộn thì thôi

Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh”.

(câu 1156/1157)

Đặc biệt, câu:

“Thì con người ấy ai cầu làm chi”

đã được ngắt thành:

“Thì/con người ấy/ai cầu làm chi”

và được hiểu theo nghĩa: “Một con người như Tự Đức thì chẳng ai cầu làm gì!”.

Như vậy là Nguyễn Du đã mắc vào tội vừa phạm húy, vừa phạm thượng, một tội rất nặng trong chế độ phong kiến!

Cũng may là Nguyễn Du đã mất và vua Tự Đức cũng cảm phục tài ông nên chỉ tức giận một lúc mà thôi.

Vụ án “Hải tặc”

Ở đường Chi Lăng còn có Chiêu Ứng Từ, nằm đối diện chợ Cồn Phú Cát hiện nay. Ngôi đền do Hoa thương phố Gia Hội xưa quyên góp sửa ngôi chùa cổ đã sụp đổ vào năm 1887. Năm 1908, ngôi đền được trùng tu và có tầm vóc như ngày nay. Đây là ngôi đền ghi dấu một vụ án vào đời Tự Đức.

Vụ án diễn ra vào mùa hè năm Tân Hợi (1851), khi vua Tự Đức đọc được tờ tấu do Bộ Binh chuyển lên báo

Chương vệ Phạm Xích, Lang trung Tôn Thất Thiểu tàu trình đã đánh đuổi ba tàu hải tặc ở vùng biển Quảng Nam - Quảng Ngãi, rằng quan binh đã bắn chìm một chiếc, một chiếc bị quan binh áp sát, giết được rất nhiều hải tặc, thu tàu giải về neo tại vụng Chiêm Dữ, một chiếc bỏ chạy về phía Đông, xin báo công để triều đình ban thưởng. Vua Tự Đức xem xong tờ tàu liền sinh nghi vì đánh nhau với hải tặc mà lính tráng chẳng ai bị thương tích gì, còn phía bên kia thì chết sạch không một người bị bắt làm tù binh. Vụ việc nghiêm trọng nên vua Tự Đức nhắc bút châu phê vào tờ tấu: "Giao qua Bộ Binh điều tra cho rõ sự tình".

Liền sau đó quan Thượng thư Bộ Binh phái thuộc cấp đi khám xét. Vài ngày sau, thuộc cấp đi về phúc trình rằng chiếc tàu giặc biển giống thuyền buôn hơn là tàu giặc. Ngay lúc ấy, một phụ nữ Hoa kiều đến nha môn xin cáo giác. Nguyên bà là Hoa kiều, làm nghề tiệm ăn ở phố Gia Hội, thấy chồng cũng là Hoa kiều về nước bặt tin đã lâu. Nhưng khi viên đội trưởng trong vệ Tuyền Phong tên Trần Hựu đem bạn bè về chiêu đãi tại quán bà mà không đủ tiền trả lại rút chiếc nhẫn cầm tạm bảo thối tiền mặt. Bà chủ thấy nhẫn ngờ ngợ, xem kỹ nhận ra bảo vật của chồng liền vặn hỏi. Trần Hựu lúc đầu tìm cách chối, sau chịu theo bà đến nha môn trình việc. Hoá ra y là thủ hạ của Tôn Thất Thiểu.

Trước mặt quan Bộ Binh, Trần Hựu cung khai rằng ngày 17/6/1851, thuyền quan đậu ở cửa Thi Nại, được tin có ba chiếc thuyền lạ đậu ngoài hải phận đảo Thanh Dư. Chương vệ Phạm Xích và Thị lang Tôn Thất Thiểu lập tức đuổi theo bắn và áp sát để bắt. Mặc dù đã trình thẻ nhà buôn nhưng 108 người Hoa trên tàu bắt được đều bị chém chết rồi đem quăng xuống biển mất xác. Ngoài ra sau đó còn tìm thấy một người khác trốn dưới đáy khoang. Bị phát giác, người này chạy thoát lên boong, phóng xuống biển mất tích. Toàn bộ hàng hóa trên chiếc tàu buôn của người Hoa được chuyển sang chiếc Bằng Đoàn của quan binh rồi chiếc thuyền buôn được sơn lại toàn màu đen để trông như tàu hải tặc và dẫn về vụng Chiêm Dữ.

Trước công đường, bà chủ quán ở phố Gia Hội kêu oan rằng chồng bà cùng nhiều bạn khác thuộc các bang ở Huế và Quảng Nam, Quảng Ngãi nhân về nước thăm quê nhà ở Hải Nam đã kết hợp đi buôn, có giấy phép của trên cấp. Vậy mà nay lại bị chết oan mà còn mang tiếng là hải tặc. Quan Thượng thư Bộ Binh sau khi gọi thêm nhân chứng điều tra, làm tờ tâu, nói bọn Xích giết oan và mạo xưng công lại. Vua Tự Đức thịnh nộ, phê giao Ty Tam pháp xét xử. Thiểu chủ mưu, bị đổi theo họ mẹ (Đặng), cùng Xích đều bị xử tội lăng trì, vợ con phải phát phối; Dương Cù đồng lõa, xử tội trảm quyết; Trần Hựu biết thú nhận khi chưa tra khảo nên được tha. Bản án dâng lên, vua Tự Đức châu phê chuẩn ngay, còn xuống chỉ truy thu tang vật trả lại thân nhân những người bị hại. Do đó, hằng năm vào độ rằm

tháng Sáu âm lịch, sau khi Chiêu Ứng từ xây xong, thân nhân các nạn nhân Hoa kiều sống tại Việt Nam hay từ Hải Nam, cũng như Hoa kiều từ các nơi, đều qui tụ về đây để làm lễ tưởng niệm, thường thường lễ kéo dài đến ba ngày. Truyền thống đó vẫn còn lưu giữ đến ngày nay.

Có thể nói rằng, bản án của vua Tự Đức phê chuẩn không những đã minh oan cho nạn nhân của vụ án "Hải tặc" mà còn cho thấy pháp luật Việt Nam nghiêm minh, không phân biệt một ai. Bản án còn thể hiện được sự sáng suốt của vua Tự Đức trong bang giao với Trung Quốc, nhất là trong chính sách bảo vệ ngoại kiều đến làm ăn, buôn bán với nước ta, làm cho nước ta không bị Trung Quốc có cơ gây khó dễ về mặt chính trị.

Vụ án Phạm Đăng Tuấn

Năm 1872, giặc Pháp ồ ạt đánh chiếm các tỉnh miền Bắc nước ta. Các thành trì của quan quân đa phần đều thất thủ. Do đó, vua Tự Đức đã triệu hồi cử nhân Phạm Đăng Tuấn, đương chức Án sát tỉnh Ninh Bình về Huế để nhận án chém.

Nghe báo tin dữ, con gái của Phạm Đăng Tuấn là cô Phạm Thị Tảo mới khoảng 12-13 tuổi đã cuốc bộ từ Diên Châu (Nghệ An) vào Huế, mang theo lá đơn xin được chết thay cho cha. Dâng lá đơn lên vua Tự Đức, hai cha con họ Phạm tưởng sẽ bị vua chém đầu cả hai. Nhưng thật không ngờ, vua Tự Đức cảm động trước lòng chí hiếu của cô gái trẻ, đã tha tội chém cho án sát Phạm Đăng Tuấn, nhưng đày ông lên Lạng Sơn.

Chắc chúng ta sẽ nhầm tưởng vì vua Tự Đức là một người con rất có hiếu đối với mẹ là bà Từ Dũ nên lòng chí hiếu của cô gái trẻ đã tác động mạnh đến ông. Nhưng không, vua Tự Đức cũng hiểu được là quân triều đình thua, để mất Ninh Bình là do thế lực đôi bên quá chênh lệch, chứ không phải quan dân ta sợ giặc. Tuy nhiên, việc triệu hồi Phạm Đăng Tuấn về chém ở Huế đã chứng tỏ vua Tự Đức không phải là vị vua hèn yếu trước quân thù, chỉ biết dâng đất để cầu an mà vua cũng rất xót dạ đau lòng trước cảnh thực dân Pháp giày xéo con dân và đất nước của mình.

Tuy nhiên, trong thời gian trị vì của vua Tự Đức, nước Đại Nam dần rơi vào tay quân Pháp. Vì thế vua Tự Đức đã viết trong Khiêm Cung ký (được khắc trên một tấm bia đá đặt tại Khiêm Lăng, nơi vua Tự Đức an nghỉ sau này) rằng: "

... Không sáng suốt trong việc biết người, ấy là tội của ta; dùng người không đúng chỗ, cũng là tội của ta; hàng trăm việc không làm được; đều là tội của ta cả...". ■

Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Hương Trang, "Tuyển tập Văn xuôi Hoàng Hương Trang: Truyện ngắn, giai thoại và ký", Nxb Thanh Niên, 2012.
2. Huy Hoàng, "Phương pháp xử án có một không hai của Vua Tự Đức", Báo An Ninh Thủ Đô, cập nhật 21/5/2015.

Thử bàn về địa danh Huế

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Từ trước đến nay, đã có nhiều ý kiến bàn về xuất xứ của địa danh Huế. Trong tạp chí Kiến Thức Ngày Nay số 732 ngày 10-12-2010 có bài “Thử xét lại từ nguyên địa danh Huế” của tác giả Phanxipăng.

Trong nội dung chính của bài viết, tác giả đã dẫn chứng một đoạn văn của học giả Léopold Cadière trích mấy đoạn từ *Voyage et Missions* của Alexandre de Rhodes trong bài *Les Européens qui ont vu le vieux Hué* (Những người Âu đã thấy Huế xưa) đăng trên tạp san B.A.V.H năm 1915, có viết: “Thành phố mà đức vua ngự trị gọi là **Kehue**, triều đình rất đẹp(...) Khi đi qua, chúng tôi nghỉ tại **Hoá**”. Dựa vào đó, Cadière đã đưa ra nhận định: “... Chỗ khác, A de Rhodes lại viết **Hoá**. Còn từ điển của ngài thì ghi là **Hóa, Kẻ Hóa và Hué, Kẻ Hué**. Tôi còn thấy vài tài liệu thời ấy dạng **Hoé** nữa. **Kehue** là dạng viết gộp của **Kẻ Hué**. Riêng dạng **Hoá** tương đương dạng **Hoá**, dấu mũ trên chữ a chắc do ấn công người Âu nhầm lẫn. Dấu sao, vào thời A. de Rhodes, dạng **Huế** như hiện nay với âm ê đóng là chưa có. Hồi trước, người ta phát âm tên kinh đô với âm cuối mở, hoặc là a, hoặc là e, chứ dạng **Hoé** đã biến mất lâu rồi...”

Từ sự phân tích của Léopold Cadière, tác giả Phanxipăng đã đi đến kết luận:

“Thực tế, dạng **Hoé** tiền thân của địa danh **Huế** chẳng hề mất, mà vẫn đang tồn tại trong một bộ phận dân cư thuộc cộng đồng Việt Nam đa dân tộc người Chăm.

Trước thế kỷ XIV, chính xác là trước năm Đinh Mùi 1307 - lúc triều Trần chính thức tiếp quản hai châu Ô và Rý (Lý) - thì người Chăm tại khu vực sông Hương gọi địa bàn mình trú ngụ bằng tên **Hoé**. Niên điểm ấy trở về sau, khá đông người Chăm nán lại trên mảnh đất mà họ đã chôn nhau cắt rốn, và sống cộng cư hòa ái với người Kinh từ phía Bắc mới “chân ướt chân ráo” tới lập nghiệp. “Đại Việt sử ký toàn thư” còn cho ghi chi tiết, vào năm Nhâm Thìn 1472, niên hiệu Hồng Đức thứ III: “Ra sắc chỉ cho Thái bộc tự khanh xét họ tên của bọn người Chiêm. Nhiều gia đình người Chiêm tức Chăm mang họ **Bá, Bạch, Cái, Chế, Hàm, Hú, Ma, Ông / Ôn...** lưu lại xứ Thuận Hóa bấy giờ vẫn gọi đất này là **Hoé** giống trước kia, và giống cách phát âm của bà con họ ở Ninh Thuận lẫn Bình Thuận ngày nay. Địa danh cổ xưa đó về sau được Dictionnaire Căm-

*Vietnamien-Français (Từ điển Chăm-Việt-Pháp) của Gerard Moussay xuất bản tại Phan Rang năm 1971 ghi là **Hwe**.*

Hwe tiếng Chăm có nghĩa là hương thơm, chẳng mấy chốc chuyển thành Huế tiếng Kinh và được ký âm Hán Nôm là 化. Điều đó khiến hậu thế ngộ nhận rằng Huế do Hóa đọc trại ra. Sự thật thì diễn biến ngược lại. Há chỉ mỗi Hóa biến thành Huế, còn Thuận lại không biến thành địa danh nào?”.

Qua nội dung chính của bài viết trên, chúng tôi có một vài ý kiến trao đổi như sau:

1 Tác giả chưa minh chứng rõ là trước lúc vua Trần Anh Tông (1293-1314) tiếp quản hai châu Ô và châu Rý (Lý), người Chăm ở đây đã gọi vùng đất này là **Hoé**. Việc dẫn chứng từ **Hwe** là từ cổ trong tiếng Chăm có nghĩa là *hương thơm* không chứng tỏ được từ này vốn trước đây là một địa danh. Giả thử nếu điều đó là có, tại sao tác giả biên soạn *Từ điển Chăm-Việt-Pháp* xuất bản năm 1971 tại Phan Rang không ghi thêm nghĩa của từ **Hwe** (đọc là Huế?) là: *Tên vùng đất chỉ thành phố Huế xưa? Tên gọi một địa danh dù lớn hay nhỏ thường có tính phổ biến, người biên soạn từ điển không thể không ghi nhận.*

Đọc lại lịch sử của *Chiêm Thành*, ta thấy nước này còn có tên gọi là vương quốc Chăm Pa, (tên tiếng Phạn là *Campanagara*) được ghi chép trong sử Trung Quốc từ năm 877 đến năm 1693. Trước năm 859 Trung Quốc gọi vương quốc này là *Hoàn Vương Quốc*. Đầu thế kỷ XI, Chiêm Thành bao gồm 5 tiểu vương quốc là:

- Indrapural (vùng Quảng Trị -Thừa Thiên Huế hiện nay)
- Amaravati (vùng Quảng Nam ngày nay)
- Vijaya (vùng Quảng Ngãi-Bình Định ngày nay)
- Kauthara (vùng Phú Yên- Khánh Hòa ngày nay) và
- Panduranga (vùng Ninh Thuận-Bình Thuận ngày nay)

Năm 1306, vua Chiêm là Jaya Simhavarman III (Chế Mân) dâng 2 châu Ô và Lý cho nhà Trần để được kết hôn với Huyền Trân công chúa. Hai châu này được tách ra từ châu Ulik - về sau thuộc khu vực Quảng Trị và Huế ngày nay, (tức vùng Indrapural của Chiêm Thành cũ).

Đến thời điểm này, tên gọi Hoé (Hwé) thuộc vùng đất Ulik- Indrapural không thấy được ghi chép ở bất kỳ tài liệu lịch sử nào của vương quốc này. Cũng cần đặt ra câu hỏi là trong khi nhiều địa danh khác ở miền Trung vẫn được ghi nhận bằng nguyên gốc địa danh Chiêm Thành như *Aytra*

(Nha Trang); *Penre* (Phan Rang); *Parik* (Phan Rí); *Manthit* (Phan Thiết)... tại sao *Hoé*, *Hwé* (Huế) thì không?

2 Sau khi hai châu trên về với người Việt, năm 1037, vua Trần Anh Tông đã đổi tên châu Ô và châu Rí (Lý) thành **châu Thuận** và **châu Hóa** (**Hóa châu** theo tiếng Hán Việt). Nghĩa là ngay khi vùng đất này trở thành lãnh thổ Đại Việt, tên gọi Hóa châu đã được hình thành. Xuyên suốt thời đại nhà Trần, cả hai châu Thuận và châu Hóa được hợp lại thành **lộ Thuận Hóa**. Đến năm 1466 vua Lê Thánh Tông mới đổi thành **phủ Thuận Hóa**. Trong *Phủ biên tạp lục*, cụ Lê Quý Đôn ghi:

"Xét Minh chí thì đời Vĩnh Lạc đặt quận Giao Chỉ... Phủ Thuận Hóa lĩnh 2 châu, 11 huyện..." (sđd, tr.46). Hai châu này chính là *châu Thuận* và *châu Hóa*.

Qua đó ta thấy cả hai địa danh **Thuận Hóa** và **Hóa châu** đã *đồng thời* tồn tại trong suốt mấy trăm năm Do đó nếu **Hóa** được biến âm thành **Huế** thì không phải do từ kép **Thuận Hóa** (**lộ hay phủ**) như tác giả đã viết, mà chính là do từ **Hóa** của **Hóa châu** mà ra.

3 Để lý giải sự biến âm, theo chúng tôi với bất cứ một từ nào cũng là điều phức tạp, không thể đơn giản đưa một quy luật chung. (Ví dụ: tính-tánh; hoàng- huỳnh; nhân-nhơn; bình-bằng...). Nó chỉ cho phép ta khảo sát và so sánh ở một số từ, hiện tượng *phụ âm h + vần oa* được phát âm thành *phụ âm h + vần uê* và được ghi nhận với một số từ như *hoa* đọc thành *huê*; *hòa* đọc thành *huê*. Đó là cơ sở để nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, nguồn gốc tên *Huế* được xuất phát từ từ *Hóa* trong *Hóa* (châu), thiển nghĩ đây là điều khả tín.

4 Sự biến âm do kỵ húy chỉ là một yếu tố để khi xem xét cần lưu ý đến nó, chứ không thể là lý do duy nhất, nhưng ở đây cũng cần tham khảo kiến của học giả Thái Văn Kiểm trong bài "*Rồng châu ngoài Huế*", mục "Nguyên ủy chữ Huế" (Việt Nam Gấm Hoa, Làng Văn, Canada, 1997, tr.147-149) về việc biến âm của từ này:

"Căn cứ trên những dữ kiện về ngôn ngữ và từ điển thì có thể chữ Huế đã xuất hiện trong thời kỳ Nam Bắc phân tranh, chữ Huế bắt nguồn từ chữ Hóa trong địa danh Thuận Hóa..."

Hóa biến thành *Huế* có thể là do kỵ húy, có thể là tên ông Nguyễn Nạp Hóa, cháu 6 đời của ông Nguyễn Bặc - công thần của nhà Đinh - tổ của nhà Nguyễn".

(Gần đây, tác giả Trần Đại Vinh trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* đã cho rằng sở dĩ *Hóa* được biến âm thành *Huế* vì do từ *Hóa* còn có một nghĩa là *chết, mất đi*. Vì kiêng kỵ nên *Hóa* đã được đọc thành *Huế*.)

5 Điều quan trọng và cần nhấn mạnh ở đây là trong trích đoạn mà tác giả đã dẫn, khi ký âm bằng chữ Quốc ngữ tên địa danh này, giáo sĩ A. de Rhodes đã ghi lại với nhiều *dạng* khác nhau như: *Hóa*, *Kẻ Hóa*, *Hué*, *Kẻ Hué* hay có khi là *Hoé* hay *Hoá*... Chính vì điều đó nên tác giả Võ Hương An đã đưa ra nhận định của mình trong bài viết có tựa "*Huế có tự khi mô?*" (đăng trên tập sách xuất bản ở Hoa Kỳ năm 2006) mà theo chúng tôi là xác đáng:

"Một địa phương Việt Nam thường có hai tên, một tên

phách.

hồ mang. *Hồ dâm* : rí ta bày đặt là nó ở rí ta tưởng ai gặp rợ hạnh phúc. *Được* g một nghĩa.

tiêu.

Phù hộ. Chỉ nói về Thánh v.v. Đối với ong dân họ cũng nói tượng thần và tổ tiên một nghĩa.

họ, tông tộc. *Dấu họ* : rú. Cùng một nghĩa. g. cùng huyết thống. huyết thống về phía hía bên cha. *Họ bên* hứ thống về phía bên

HÒA NƯƠNG : Đi diếm. *Con hòa*. Cùng một nghĩa. Có người nói : *hồ*.

HỎA, THINH HỎA : Một Tỉnh trong Vương quốc Đông-kinh mà người Bồ-đào gọi là, *Sinufà*. *Thinh hồ*. Cùng một nghĩa.

HỒA : Hòa bình, bình an. *Hồa thõan cử nhau* : Sống chung đồng lòng đồng trí cùng người khác. *Làm cho hồa thõan* : Giảng hòa người khác với nhau. *Thượng hồa hạ mợc* : Người trên phải có sự hòa thuận, người dưới phải có tình bằng hữu.

HỒA, TỖAN HỒA : Bàn hỏi, hiệp nghị, lo toan, ưng thuận.

HỒA : Cùng. Và. Cùng một nghĩa. *Có hồa* : Tất cả. *Ca và*. Cùng một nghĩa.

HỎA, KÊ HỎA, THỎAN HỎA : Kinh đô xứ Cồ-sinh mà người Bồ-đào gọi là *Sinua*. *Kẻ hồa*. Cùng một nghĩa

chính thức bằng chữ Hán, và một tên Nôm do dân chúng đặt. Trong trường hợp như thế, sử sách Nhà Nguyễn có khuynh hướng chỉ ghi tên chính thức, tên "chữ" (Hán) và thường bỏ qua cái tên thông tục. Đó là lý do cái tên Huế không có trong sử liệu Nhà Nguyễn. Quốc ngữ thời A. de Rhodes là loại quốc ngữ chưa định hình... Sự hiện hữu của hai âm "hóa", "huế" về cùng một địa phương và có giá trị như nhau cho phép nghĩ rằng vào thời bấy giờ Kim Long còn có một tên khác là **Kẻ Huế** hay **Kẻ Hóa** (tùy theo cách gọi của dân chúng). Những cái tên *Kehue* hay *Kehoá* ban đầu đó tiếp tục xuất hiện dưới nhiều dạng khác nhau theo cách nghe và cách viết của mỗi người (Tây phương), cho đến khi định hình hẳn, từ nửa sau thế kỷ 18, theo cách của Pháp là *Huế*".

6 Trong *Tự điển Việt Bồ La* (Alexandre de Rhodes, 1651) các từ *Hoá*, *Kẻ Hóa*, *Thuôn Hoá* được soạn giả ghi là: *Kinh đô xứ Cồ-sinh mà người Bồ-đào gọi là Sinua*. Cùng một nghĩa. Không thấy ghi có từ nguyên của Chiêm Thành.

Tóm lại, điều tác giả Phanxipăng kết luận địa danh Huế xuất phát từ từ **Hoé** của tiếng Chăm và *phủ nhận* nó được xuất phát từ từ *Hóa* trong *Hóa châu*, theo chúng tôi là không đủ cơ sở về mặt ngôn ngữ cũng như về lịch sử và địa lý. Nên chẳng chỉ coi đó là hai cách đọc, hai cách ghi âm (bằng chữ Quốc ngữ) của hai tiếng chỉ cùng một địa danh như tác giả Võ Hương An đã nhận định... ■

Tài liệu tham khảo:

- Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, T1, Nxb VH TT, 2004.
- Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Viện Sử học, Nxb VH TT, 2007.
- Thái Văn Kiểm, "*Rồng châu ngoài Huế*", mục "Nguyên ủy chữ Huế", *Việt Nam Gấm Hoa*, Làng Văn, Canada, 1997.
- Võ Hương An, "*Huế có tự khi mô?*" trong tập «Huế của một thời», *Nam Việt (US)*, 2006.
- Nguyễn Duy Chính, *Lịch sử Champa*, (bản sách điện tử), 2005.

Tự điển Việt Bồ La tr.116 giải thích từ Hóa.



Thiền tịnh độc cư

Thiền tịnh độc cư (*Patisallàna*) là một thuật ngữ Phật học dùng để chỉ cho việc chuyên tâm tu Thiền hay nhiệt tâm hành Thiền ở các nơi vắng vẻ cô tịch. Đó là một hạnh tu, là lễ sống thiết thân của người xuất gia, có công năng giúp cho người xuất gia dễ dàng và nhanh chóng thành tựu mục đích xuất gia tu học, tức là đoạn trừ các lậu hoặc (*àsava*), chứng đắc Thánh quả giải thoát, chấm dứt khổ đau sinh tử luân hồi.

Kinh Pháp Cú xác nhận:

*Không trí tuệ, không Thiền,
Không Thiền, không trí tuệ;
Người có Thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-bàn.*¹

Người xuất gia phát nguyện đi theo con đường giác ngộ của Phật, vì thế việc tu Thiền hay hành Thiền nhằm

đoạn tận các lậu hoặc - gốc rễ của phiền não khổ đau - trở thành lễ sống thiết thân đối với vị ấy. Đó là nếp sống của các bậc giác ngộ và các hành giả Phật giáo tha thiết với lý tưởng giác ngộ. Kinh văn Nikàya lưu một hình ảnh rất quen thuộc mô tả việc Đức Phật và các Tỳ-kheo thường hành Thiền ở các nơi vắng vẻ sau giờ ngộ và vào xế chiều chư vị mới rời khỏi nơi hành Thiền gọi là “từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy vào buổi chiều” (*sàyanhasamayam patisallàna vutthito*).

Trọng tâm của lối sống Thiền tịnh độc cư là tập trung tu tập Tăng thượng tâm (*Adhicitta*) và Tăng thượng trí tuệ (*Adhipannà*), tức dành trọn thời gian cho việc đào luyện và phát triển nội tâm thông qua hành Thiền (*cittabhàvanà*). Đó là nếp sống chuyên sâu về pháp môn Niệm xứ (*satipatthàna*) hay thực hành định tâm (*samatha*) và phát triển trí tuệ (*vipassanà*) nhằm đoạn tận các lậu hoặc.



THÀNH HÒA

Đức Phật dạy rõ cho Tôn giả Ānanda:

“Ở đây, này Ānanda, Tỳ-kheo do viễn ly các sanh y (upadhiviveka), do đoạn trừ các bất thiện pháp, do làm cho an tịnh thân thô ác hành một cách toàn diện, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung tâm vào bất tử giới (Amatadhatu) và nghĩ rằng: ‘Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn’. Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự

tham pháp, hỷ pháp của mình, do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đây, không phải trở lui đời này nữa.

Lại nữa, này Ānanda, Tỳ-kheo diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm... chứng và trú Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung tâm vào bất tử giới và nghĩ rằng: ‘Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn’. Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đây, không phải trở lui đời này nữa”?

Do tầm quan trọng của pháp môn hành Thiền hay hạnh tu độc cư Thiền tịnh, Đức Phật thường nhắc nhở các học trò mình:

“Này các Tỳ-kheo, đây là những gốc cây, đây là ngôi nhà trống. Này các Tỳ-kheo, hãy Thiền định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau”.

Một lời khuyên khác xác nhận nếp sống hành Thiền hay độc cư Thiền tịnh là điều kiện thuận lợi để chứng đắc vô lậu (anāsavam) tâm giải thoát (cetovimutti), tuệ giải thoát (paññavimutti):

“Này các Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo có ước nguyện: ‘Với sự diệt trừ các lậu hoặc, sau khi tự tri tự chứng, ta chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát không có lậu hoặc’, Tỳ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tịnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh”?

Trong một văn cảnh khác, Đức Thế Tôn nhắc nhở các Tỳ-kheo về trách nhiệm giải thoát tự thân bằng cách xác nhận rằng một Tỳ-kheo sẽ không chói sáng, không chứng đắc xuất ly lạc (nekkhammasukha), độc cư lạc (pavivekasukha), an tịnh lạc (upasamasukha), Chánh giác lạc (Sambodhasukha), không đạt được thời giải thoát (samayavimutti) và phi thời giải thoát (asamayavimutti), nếu vị ấy thích thú, hân hoan, hoan hỷ trong hội chúng của mình và hội chúng của người, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly hay độc cư Thiền tịnh.

Ngài quả quyết:

“Này Ānanda, một Tỳ-kheo không chói sáng, nếu thích thú trong hội chúng của mình, nếu hân hoan trong hội chúng của mình, nếu hoan hỷ trong hội chúng của mình, nếu thích thú trong hội chúng của người, nếu hân hoan trong hội chúng của người, nếu hoan hỷ trong hội chúng của người.

Này Ananda, nếu Tỳ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người, có thể là một vị chúng đặc tùy theo ý muốn, chúng đặc không khó khăn, chúng đặc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy không xảy ra. Nhưng này Ananda, Tỳ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng chúng đặc tùy theo ý muốn, chúng đặc không khó khăn, chúng đặc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy có thể xảy ra.

Này Ananda, nếu Tỳ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người sẽ chúng đặc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoải mái hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy không xảy ra. Nhưng này Ananda, Tỳ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng sẽ chúng đặc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoải mái, hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy có xảy ra”⁴

Lời nhắc nhở của bậc Giác ngộ là hết sức quan trọng đối với lý tưởng “cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách - Niết-bàn” của người xuất gia. Mục đích của người xuất gia là làm thế nào đạt cho được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; để thực hiện điều đó thì việc chuyên tâm tu Thiền hay tinh cần hành Thiền là hết sức quan trọng, trở thành trách nhiệm hàng đầu đối với người xuất gia. Đó là lý tưởng sống mà người xuất gia phải thường xuyên tâm niệm để nỗ lực thực hành.

Trong số mười điều tâm niệm dành cho các Tỳ-kheo, điều thứ chín lưu ý như vậy: “Người xuất gia phải luôn luôn quán sát: “Ta có hoan hỷ trong ngôi nhà trống hay không?”⁵

Ngôi nhà trống (sunnàgara) ở đây chỉ cho việc chuyên tâm tu Thiền hay nhiệt tâm hành Thiền.

Thích thú, hân hoan, hoan hỷ trong hội chúng của mình và hội chúng của người có nghĩa là thích thú lối sống quần tụ, hướng ngoại, ưa thích đám đông, thích thú hiện hữu ở chỗ đông người, muốn được nhiều người biết đến, muốn được nổi tiếng; do đó cũng đồng nghĩa với lối sống buông lung phóng dật, không có thời gian dành cho việc tu tập, tâm tư luôn luôn bị dao động, quay cuồng, bị dục nhiễm, không được tu tập, bị dính mắc, bị trói buộc, không ly tham, không hướng đến an tịnh, thẳng trí, giác ngộ, Niết-bàn; khác với độc cư Thiền tịnh là nếp sống hướng nội, hạn chế ngoại duyên, chuyên tâm tu tập và phát triển Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định nhằm đạt đến Chánh trí và Chánh giải thoát. Người xuất gia mà còn ham thích hay bị lôi kéo vào lối sống dục

nhiễm ấy thì rõ ràng không thể chói sáng về giới đức, tâm đức, tuệ đức; không thương thức được các niềm vui Thiền định như xuất ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, Chánh giác lạc; không đạt được thời giải thoát (sự vắng bật từng lúc các phiền não tham-sân-si nhờ hành Thiền) và phi thời giải thoát (sự diệt trừ hoàn toàn tham-sân-si hay sự đoạn tận dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, chúng đặc quả vị vô sanh).

Nói cách khác, người xuất gia phải hành sâu hạnh viễn ly, hạn chế các thế sự, phải chuyên tâm tu Thiền và hành Thiền, yêu thích đời sống độc cư Thiền tịnh thì giới đức, tâm đức, tuệ đức mới có điều kiện tăng trưởng và chói sáng, mới thương thức được niềm vui chính đáng của người xuất gia, tức niềm vui của nội tâm an tịnh và trong sáng nhờ hành Thiền gọi là xuất ly lạc (niềm vui của sự rời bỏ các lạc thú thế gian, không còn bị các thú vui thế gian trói buộc gây phiền não), độc cư lạc (niềm vui của nếp sống một mình an tịnh, thoát khỏi mọi phiền toái, mọi ham muốn và hệ lụy thế gian), an tịnh lạc (niềm vui của nội tâm vắng bật các cấu uế và phiền não nội tâm như dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy...), Chánh giác lạc (niềm vui của tâm thức tiến dần đến giác ngộ); mới dần dần thoát ly được các phiền não lậu hoặc (thời giải thoát) cho đến khi đạt đến giải thoát hoàn toàn (phi thời giải thoát).

Do tính chất quan trọng của pháp môn Thiền định trong mục tiêu giáo dục giải thoát nên dù đã giác ngộ, Đức Phật vẫn nêu gương sáng cho các học trò mình về nếp sống hành Thiền và Ngài cảm thấy hoan hỷ khi thấy các Tỳ-kheo tha thiết với hạnh độc cư Thiền tịnh. Ngài xác nhận với Bà-la-môn Jānussoṇi rằng do quán sát hai mục đích – thực chứng hiện tại lạc trú và vì lòng thương tưởng chúng sanh trong tương lai – nên Ngài thường sống độc cư ở các nơi rừng núi hoang vu.⁶

“Thực chứng hiện tại lạc trú” tức là Ngài hành Thiền mỗi ngày để có được sức khỏe tốt đáp ứng cho mục tiêu thuyết pháp độ sanh, và “vì lòng thương tưởng chúng sanh trong tương lai” nghĩa là Ngài sống độc cư để nhắc nhở và nêu gương cho mọi người về ý nghĩa và tầm quan trọng của nếp sống hành Thiền. Ngài cũng xác nhận rất rõ rằng Ngài cảm thấy hoan hỷ khi các Tỳ-kheo tỏ ra yêu mến nếp sống độc cư Thiền tịnh. Ngài nói cho Tỳ-kheo Nàgita:

“Ở đây, này Nàgita, khi ta thấy Tỳ-kheo trú ở cuối làng, đang ngồi Thiền định. Này Nàgita, rồi Ta suy nghĩ: ‘Nay người giữ khu vườn sẽ đến quấy rầy, hay một Sa-di sẽ làm vị ấy từ bỏ Thiền định’. Do vậy, này Nàgita, Ta không hoan hỷ Tỳ-kheo ấy trú ở cuối làng.

Ở đây, này Nàgita, Ta thấy một Tỳ-kheo trú ở rừng đang ngồi ngủ gục ở trong rừng. Này Nàgita, Ta suy nghĩ như sau: ‘Nay Tôn giả này, sau khi đoạn trừ được buồn ngủ và mê mệt, sẽ tác ý đến tưởng về rừng và sống nhất tâm’. Do vậy, này Nàgita, Ta hoan hỷ với Tỳ-kheo ấy sống ở trong rừng.



Ở đây, này Nàgita. Ta thấy Tỳ-kheo sống ở rừng đang ngồi Thiền định ở trong rừng. Này Nàgita, Ta suy nghĩ như sau: 'Nay, vị Tôn giả này sẽ định tĩnh tâm chưa được Thiền định, và sẽ bảo vệ tâm đã được Thiền định'. Do vậy, này Nàgita, Ta hoan hỷ với Tỳ-kheo ấy sống ở trong rừng.

Ở đây, này Nàgita, Ta thấy Tỳ-kheo ngồi Thiền định ở trong rừng. Này Nàgita, Ta suy nghĩ như sau: 'Nay Tôn giả này sẽ giải thoát tâm chưa được giải thoát hay sẽ bảo vệ tâm đã được giải thoát'. Do vậy, này Nàgita, Ta hoan hỷ với Tỳ-kheo sống ở trong rừng.

Ở đây, này Nàgita, Ta thấy Tỳ-kheo sống ở cuối làng, nhận được vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, thích thú với các lợi dưỡng, cung kính, danh văn ấy, bỏ phước Thiền tịnh, bỏ phước các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng, đi xuống làng, thị trấn, kinh đô để lo nuôi sống. Do vậy, này Nàgita, Ta không có hoan hỷ về trú xứ cuối làng của Tỳ-kheo ấy.

Ở đây, này Nàgita, Ta thấy Tỳ-kheo sống ở rừng nhận được các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh, nhưng chận đứng các lợi dưỡng, cung kính, danh văn ấy, không bỏ phước Thiền tịnh, không bỏ phước các trú xứ rừng núi cao nguyên xa vắng. Do vậy, này Nàgita, Ta hoan hỷ về trú xứ tại rừng của Tỳ-kheo ấy."

Nhìn chung, Đức Phật đánh giá cao lối sống độc cư Thiền tịnh, vì đây là lẽ sống thiết thân của người xuất gia, có công năng giúp cho người xuất gia dễ dàng thực thi nếp sống ly dục, theo đuổi lý tưởng xuất thế, không bị các ngoại duyên chi phối và quấy rầy, có nhiều thời gian dành cho việc tu tập, chuyên tâm uẩn nhẫn và phát triển nội tâm, hành sâu Thiền định, nhanh chóng đạt được mục đích đoạn tận các lậu hoặc. Đây là lẽ sống mà phần lớn các Tỳ-kheo thời Phật tại thế đã dốc tâm

thực hiện và vì thế họ được mô tả là đã dễ dàng và mau chóng đạt được mục đích giác ngộ.

Trong bản kinh *Đại Niệm xứ* lưu ở *Trường Bộ* và kinh *Niệm xứ* thuộc *Trung Bộ*, Đức Thế Tôn xác nhận rất rõ kết quả to lớn của pháp môn quán niệm thân, thọ, tâm, pháp. Đó là vị Tỳ-kheo nỗ lực thực hành tứ Niệm xứ hay chuyên tâm tu Thiền theo lời Phật dạy trong thời gian bảy năm thậm chí chỉ trong một ngày có thể chứng đạt Chánh trí ngay trong hiện tại hoặc nếu có dư ý thì chứng quả Bất lai. Chứng đạt Chánh trí ngay trong hiện tại tức là đoạn trừ dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, đặc quả A-la-hán ngay trong đời này; còn nếu trong đời này mà chưa đoạn tận các lậu hoặc thì sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi Tịnh cư thiên và chứng Niết-bàn tại đấy, không trở lại đời này nữa gọi là Bất lai. Con số từ một ngày cho tới bảy năm chỉ mang tính ước lệ nhưng cũng phản ánh một kết quả hết sức khả quan của sự chuyên tâm tu tập pháp môn Niệm xứ hay hành Thiền, vì phần lớn các Tỳ-kheo thời Phật tại thế đều thành tựu Thánh quả giải thoát trong khoảng chừng ấy thời gian.

Đây hẳn là thông tin đáng lưu tâm và đầy khích lệ cho những ai chuyên tâm hành trì lời Phật dạy vì mục đích đoạn tận khổ đau ngay trong đời này. ■

Chú thích:

1. *Pháp Cú*, kệ số 372.
2. Đại kinh *Màlunkyaputta*, *Trung Bộ*.
3. Kinh *Ước nguyện*, *Trung Bộ*.
4. Kinh *Đại không*, *Trung Bộ*.
5. Kinh *Các pháp*, *Tăng Chi Bộ*.
6. Kinh *Khiếp đảm và sợ hãi*, *Trung Bộ*.
7. Kinh *Tôn giả Nàgita*, *Tăng Chi Bộ*.

Ba pháp quán Hoa Nghiêm

NGUYỄN THẾ DẰNG



Kinh *Hoa Nghiêm* chỉ dạy về pháp giới vô ngại, cho nên, ngoài những pháp quán có trong những kinh khác, đặc trưng của kinh *Hoa Nghiêm* là nói về ba pháp quán vô ngại.

Trong bài này, các từ Lý và Sự được sử dụng theo truyền thống của *Hoa Nghiêm tông*. Lý là bản thể, là tánh, là tánh Không, là quang minh, là Chân Như, là cái toàn thể, là chân lý tuyệt đối... Sự là hiện tượng, là tướng, là các sắc, là “ảnh hiện”, là sự vật, là cái phần tử, là chân lý quy ước, tương đối...

Thế giới của Sự là thế giới chúng ta đang trải nghiệm đây, là những sự vật khác biệt nhau, ngăn cách nhau, cứng đặc, có tự tánh, không thể dung thông nhau. Sở dĩ có thế giới sự mà người bình thường chúng ta thấy là sanh tử bởi vì cái tướng hư vọng, cho mọi sự là có thật, có bản thể riêng biệt, cứng đặc không thể dung thông. Đây cũng chính là một sự quán tưởng, quán tưởng sai lầm do vô minh, mà *Duy Thức tông* gọi là “thức biến”.

Thế giới sai lầm, hư huyền ấy cần được giải tan để chúng ta có thể thấy và sống trong thế giới chân thực. Và vì chân thực, không hư giả mà không có khổ đau. Để thoát khỏi thế giới hư giả ấy, kinh *Hoa Nghiêm* có ba pháp quán tưởng, từ thấp đến cao.

I. Ba pháp quán

1. Quán Lý vô ngại:

Để thấy Lý hay tánh Không, chúng ta cần đưa tất cả các sự hay các sắc tướng về nơi bản tánh của chúng là tánh Không. Tánh Không vẫn luôn luôn như vậy từ vô thủy đến vô chung, nó là nền tảng của tất cả các pháp.

- Quán các sự tướng là vô tự tánh, đó là đưa sự về lý, đưa tướng về tánh.

- Quán sự sanh trong tánh Không, hiện hữu trong tánh Không và tiêu tan trong tánh Không.

- Khi quán sự tướng là duyên sanh, vô tự tánh, đó là đưa sự tướng trở lại tánh Không.

Kính nói:

“Đại Bồ-tát quán các duyên khởi, biết là vô ngã, vô nhân, vô thọ mạng, tự tánh Không, chẳng có tác giả, không có thọ giả, liền được môn Không giải thoát hiện tiền.

Quán 12 nhân duyên đều là tự tánh tịch diệt, rốt ráo giải thoát, không có chút tướng sanh, liền được môn Vô tướng giải thoát hiện tiền.

Nhập Không, Vô tướng rồi, không có mong muốn nào, chỉ trừ đại bi làm đầu giáo hóa chúng sanh, liền được môn Vô nguyện giải thoát hiện tiền” (Phẩm *Thập địa*, thứ 26).

Khi đưa được các sự tướng về thể tánh hay nền tảng của chúng thì bấy giờ tánh Không hay Lý vô ngại liền hiện tiền. Khi ấy, tánh Không được thấy một cách trực tiếp.

Một thí dụ là tấm gương và các bóng trong gương. Khi đưa các bóng trở về nền tảng của chúng là tấm gương bằng cách nhìn thấy các bóng là không thật, vô tự tánh, có duyên sanh là duyên sanh trên nền tảng tấm gương, khi ấy chúng ta thấy tấm gương. Tấm gương ấy là tánh Không và quang minh.

Không, Vô tướng, Vô nguyện tức là tánh Không. Tánh Không này là chung cho cả ba thừa: Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Bồ-tát thừa; kinh *Đại Bát-nhã* nói như vậy. Trong *Thanh tịnh đạo luận*, một bộ luận căn bản của Nguyên thủy, ngài Buddhaghosa nói đến ba giải thoát môn Không, Vô tướng, Vô nguyện trong phần cuối. Ba giải thoát môn ấy chính là Niết-bàn.

Sự khác biệt có thể thấy giữa Bồ-tát thừa và Thanh văn thừa là câu kinh ở trên, “chỉ trừ đại bi làm đầu giáo hóa

chúng sanh". Đại thừa đạt Không, Vô tướng, Vô nguyện, nhưng vì nguyện giáo hóa tất cả chúng sanh, nên lấy đại bi làm đầu. Một trong những khác biệt là đại bi. Nói cách khác, Trí huệ của Đại thừa luôn luôn đi chung với Đại bi.

2. Quán Lý Sự vô ngại

Nếu trong pháp quán Lý vô ngại, sự được làm cho ẩn đi, che khuất, để lý hiển bày trọn vẹn thì ở pháp quán Lý Sự vô ngại, sự vẫn được giữ nguyên. Chính nơi sự người ta thấy lý, nơi sắc tướng người ta thấy tánh Không. Nơi sự có lý và nơi lý có sự, do đó được gọi là sự vô ngại của lý và sự, của sắc và Không. Sự vô ngại này còn được gọi là tương tức tương nhập, tương dung tương nhiếp.

Chân lý tuyệt đối có trong tất cả các chân lý tương đối: lý tương tức tương nhập với sự.

"Thân Như Lai ở khắp tất cả chỗ, khắp tất cả chúng sanh, khắp tất cả pháp, khắp tất cả quốc độ, chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến" (Phẩm Như Lai xuất hiện, thứ 37).

Quang minh Như Lai cũng như vậy:

*Hiện khắp trong tâm của trời người
Chư Phật hiện thân cũng như vậy
Tất cả mười phương đều khắp cả
Thân Phật vô số chẳng kể được
Cũng chẳng phân thân, chẳng phân biệt.*

(Phẩm Như Lai xuất hiện, thứ 37)

Và chân lý tương đối tương dung tương nhiếp chân lý tuyệt đối: Sự tương dung tương nhiếp Lý:

*Thân Phật phóng quang minh
Đầy khắp cả mười phương
Trong mỗi mỗi vi trần
Quang minh đều đầy đủ.*

(Phẩm Như Lai hiện tướng, thứ 2)

Khi lý ở trong sự, tánh ở trong tướng thì trong một sự ấy có tất cả lý, tất cả tánh, vì lý hay tánh là cái toàn thể không thể phân chia. Nói cách khác, khi cái toàn thể nhập vào cái phần tử, cái phần tử ấy dung chứa cái toàn thể mà không chật, không phải nói rộng ra, vì cái toàn thể này là tánh Không.

Khi sự nhiếp lấy lý, tướng nhiếp tánh, thì một tướng ấy chứa tất cả tánh. Khi cái phần tử nhiếp cái toàn thể thì nhiếp tất cả cái toàn thể mà không chật hẹp, không phải nở lớn thêm, vì cái phần tử, cái sự này là tánh Không.

Quán thấy cái vô hạn nằm trong mỗi cái hữu hạn, mà nhỏ nhất là mỗi vi trần, và cái hữu hạn nhỏ nhất là mỗi vi trần chứa đựng tất cả cái vô hạn. Đó là pháp quán Lý Sự vô ngại.

Thông thường tâm chúng ta không được vô ngại tự do vì tâm bị trói buộc trong những sự tướng hữu hạn, trong những khái niệm hữu hạn. Tâm thức bị phân mảnh trong những sự tướng và khái niệm thì đó là tâm phân biệt tạo nên sanh tử. Pháp quán Lý Sự vô ngại phá tan mọi giới hạn của hình tướng và khái niệm để tâm thức được tự do. Sự phân biệt, chia cắt biến mất, chân lý tương đối tức

là chân lý tuyệt đối, sanh tử phân biệt tức là Niết-bàn vô phân biệt.

Sự tương nhiếp tương nhập này chính là giải thoát.

Chúng ta lấy thêm một thí dụ về quán thời gian:

*Vô lượng vô số kiếp
Hiểu đó tức một niệm
Biết niệm cũng vô niệm
Như vậy thấy thế gian.*

(Phẩm Phổ Hiền hạnh, thứ 36)

Vô số kiếp vào trong một niệm, một niệm nhiếp vô số kiếp. Sở dĩ có sự vô ngại như vậy vì vô số kiếp và một niệm đều là vô niệm, đều là tánh Không.

3. Quán Sự Sự vô ngại

Khi một sự nhiếp lý, một tướng nhiếp tánh thì lý hay tánh nằm trong một sự. Bởi vì lý hay tánh chứa tất cả các sự hay các hiện tượng nên một sự nhiếp lý thì đồng thời nhiếp tất cả sự. Tất cả sự nằm trong một sự và một sự nhập vào tất cả sự. Đây là sự sự vô ngại hay tướng tướng vô ngại:

*Ở trong một vi trần
Đều thấy các thế giới
Như ở một vi trần
Tất cả trần cũng vậy.
Thế giới đều vào trong
Bất tư nghi như vậy
Trong mỗi trần đều có
Mười phương ba đời pháp.
Cõi loài đều vô lượng
Đều hay phân biệt hết
Trong mỗi trần đều có
Vô lượng những cõi Phật.*

...

*Tất cả các thế giới
Đều vào trong một cõi
Thế giới chẳng là một
Lại cũng không tạp loạn.*

(Phẩm Phổ Hiền hạnh, thứ 36)

Sự nhiếp và nhập này là khắp cả, nên được gọi là Phổ:

"Chư Phật tử! Đại Bồ-tát trụ trong mười trí này thì được mười thứ phổ nhập:

Một là tất cả thế giới vào một lỗ chân lông, một lỗ chân lông vào tất cả thế giới.

Hai là tất cả thân chúng sanh vào một thân, một thân vào tất cả thân chúng sanh.

Ba là tất cả kiếp vào một niệm, một niệm vào tất cả kiếp.

Bốn là tất cả Phật pháp vào một pháp, một pháp vào tất cả pháp

...

Tám là tất cả tướng vào một tướng, một tướng vào tất cả tướng...".

(Phẩm Phổ Hiền hạnh, thứ 36)

Quán Sự Sự vô ngại là nơi một sự phản chiếu, ảnh hiện tất cả sự, nơi một tướng phản chiếu tất cả tướng. Một làn sóng phản chiếu tất cả các làn sóng khác và mỗi làn sóng được phản chiếu lại phản chiếu tất cả các làn sóng khác. Một bóng phản chiếu tất cả các bóng và mỗi bóng được phản chiếu lại phản chiếu tất cả các bóng khác. Một phản chiếu trong tất cả và mỗi cái một trong tất cả này lại phản chiếu tất cả. Sự phản chiếu, ảnh hiện của tất cả nhân lên với tất cả như vậy được gọi là trùng trùng vô tận.

Với pháp quán Sự Sự vô ngại, tâm thức trở nên nhu nhuyễn, dễ điều khiển đến mức vô ngại. Nó mở rộng đến cái lớn nhất và đi vào cái nhỏ nhất (vi trần, niệm). Tâm thức phát huy mọi khả năng của nó để thành tựu sự vô ngại vốn có của nó. Với một tâm vô ngại, người ta có thể thấy và sống pháp giới sự sự vô ngại.

II. Công dụng của quán

Thế gian sanh tử với đủ thứ sắc tướng khác biệt nhau, ngăn ngại nhau, thật ra chỉ là tướng, do phân biệt mà thành:

*Chúng sanh đều riêng khác
Hình loại chẳng phải một
Thấu rõ đều là tướng
Tất cả không chân thật.
Các chúng sanh mười phương
Đều bị tướng che ngăn
Nếu bỏ thấy điên đảo
Bèn diệt tướng thế gian.*

(Phẩm Thập Nhãn, thứ 29)

Thế gian sanh tử chỉ là giả danh, do tâm phân biệt mà có:

*Tất cả chúng sanh giới
Đều ở trong ba thời
Những chúng sanh ba thời
Đều ở trong năm uẩn.
Nghiệp là gốc của uẩn
Tâm là gốc của nghiệp
Tâm đó dường như huyền
Thế gian cũng như vậy.*

...

*Thế nào là thế gian
Thế nào phi thế gian
Thế gian, phi thế gian
Chỉ là tên sai khác.
Ba thời và năm uẩn
Gọi đó là thế gian
Nó diệt là phi thế
Như vậy chỉ giả danh.
Phân biệt các uẩn này
Tánh nó vốn không tịch
Vì không nên chẳng diệt
Đây là nghĩa vô sanh.*

(Phẩm Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20)

Thế giới sanh tử chỉ là thế giới của danh tướng, mà danh tướng là do tướng phân biệt:

“Danh tướng đều là tướng phân biệt” (Phẩm Thập hồi hướng, thứ 25).

Giả danh, giả tướng do tướng như huyền đã chia cắt thực tại thành những thế giới phân mảnh gọi là sanh tử. Sanh tử chính là các giả danh và giả tướng được cho là có tự tánh nên hoàn toàn khác biệt nhau, ngăn ngại nhau, xung đột nhau.

Pháp giới chính là tâm (“Toàn cả ba cõi chỉ là Nhất tâm” Phẩm Thập địa). Ba pháp quán vô ngại xóa tan những biên giới chia cắt, ngăn ngại giả tạo này trả lại cho thực thể ‘tâm-pháp giới’ sự vô phân biệt, vô ngại vốn có. Tất cả pháp là Không, quang minh và như huyền nên chúng vô ngại, đó là sự tự do vốn có của pháp giới:

*Ví như mười phương cõi
Tất cả những địa chúng
Tự tánh vốn không có
Không chỗ nào chẳng khắp.
Thân Phật cũng như vậy
Cùng khắp các thế giới
Những sắc tướng sai khác
Không dùng, không chỗ đến
Chỉ vì do các nghiệp
Nói tên là chúng sanh
Mà có được các nghiệp.
Tánh nghiệp vốn không tịch
Chỗ y chỉ chúng sanh
Khắp làm các hình sắc
Cũng lại không chỗ đến.*

...

*Nếu thấy được thân Phật
Thanh tịnh như Pháp tánh
Với tất cả Phật pháp
Người này không nghi lầm.
Nếu thấy tất cả pháp
Bản tánh như Niết-bàn
Đây là thấy Như Lai
Rốt ráo vô sở trụ.*

(Phẩm Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20)

Ba pháp quán khiến tâm không còn cứng đờng mà linh hoạt, mềm dẻo và vô ngại. Tâm vô ngại ở hai chiều kích, rộng lớn bao la của vũ trụ và vi tế nhỏ nhiệm của vi trần, sát-na; và tâm ấy kinh nghiệm pháp giới ở cả hai chiều kích này. Tâm vô ngại thì chứng nghiệm pháp giới vô ngại, vì tâm và pháp giới là một.

Tâm càng lúc càng đạt đến bản tánh của nó là tánh Không, quang minh và diệu dụng của nó là biến hiện như huyền. Khi ấy, tâm sanh tử và thế giới sanh tử trở thành pháp giới. Pháp giới là sự phô diễn, biểu lộ của tánh Không, quang minh và như huyền ở cấp độ vi mô cũng như vi mô. ■

Quản lý Tăng sự

THÍCH GIÁC TOÀN

Lời tòa soạn: Đây là tham luận của Hòa thượng Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đóng góp cho Hội nghị chuyên ngành của Ban Tăng sự Trung ương tổ chức ngày 26 & 27-6-2015 tại Bái Đính, Ninh Bình. Được sự đồng ý của tác giả, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin đăng tải nguyên văn bài tham luận này.

VHPG

I. Nhận định chủ đề của Hội nghị

Chủ đề của Hội nghị là “Quản lý Tăng sự giai đoạn hiện nay, thực trạng, thách thức và giải pháp.” Thực ra, quản lý Tăng sự là một Phật sự truyền thống có từ thời Đức Phật, nhưng nói đến giai đoạn hiện nay là nói đến hiện trạng của thời đại, của đất nước, xã hội và tình trạng Tăng Ni do Ban Tăng sự Trung ương quản lý qua sự ủy nhiệm của Hội đồng Trị sự. Quản lý nghĩa là theo dõi, xem xét, chỉnh lý, chỉ đạo nhằm ngăn ngừa những trường hợp sai sót, sai phạm, gây khó khăn, trở ngại cho sinh hoạt, hoạt động của tổ chức, đoàn thể, thậm chí có thể đưa đến sự mất còn của tổ chức, đoàn thể nếu không giải quyết được. Những trường hợp này gọi là những thách thức nghiêm trọng.

Nhưng như đã nói, quản lý Tăng sự vốn mang tính chất truyền thống và Phật giáo tồn tại, phát triển suốt 25 thế kỷ qua hẳn là do quản lý Tăng sự luôn vượt qua những khó khăn, trở ngại hay những thách thức. Và do đó, ta có thể tin tưởng rằng quản lý Tăng sự trong giai đoạn hiện nay có thể gặp những khó khăn, trở ngại, thách thức nhưng đây không phải là vấn đề quá quan trọng đến mức phải bức xúc, cấp bách, lo lắng quá nhiều. Và từ đó, chúng ta có thể tin rằng giải pháp cho những thách thức hiện nay không quá khó đối với ngành Tăng sự.

Bài tham luận này sẽ đề cập đến mục đích, chức năng của Phật sự quản lý Tăng sự mà chúng tôi cho là vô cùng quan trọng, là chỉ nam, là sinh lực, là nhiệm vụ cao cả của vị quản lý Tăng sự. Tiếp đó là phần nói về thực trạng và thách thức trong giai đoạn hiện nay, và sau nữa là một số ý kiến về các giải pháp cho những thách thức, cuối cùng là đôi dòng kết luận.

II. Mục đích và chức năng của việc quản lý Tăng sự

Điều 2 nói về mục đích và điều 3 nói về chức năng trong Chương I Nội quy của Ban Tăng sự Trung ương có ghi: “Thống nhất lãnh đạo, quản lý Tăng Ni và các cơ sở tự viện trong cả nước;” “phối hợp với các ban, viện Trung ương thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Giáo hội giao phó trong việc truyền bá Chánh pháp, chấn chỉnh việc

sinh hoạt và hành đạo của Tăng Ni, tự viện;” và “giám sát, hộ trì việc tu học, hành đạo của Tăng Ni và các hoạt động Phật sự của tự viện...”. Mục đích và chức năng như đã nêu có liên hệ mật thiết với nhau và có thể xem như là một, là chức năng nói chung, đó là gìn giữ mạng mạch Phật giáo. Như vậy, quản lý Tăng sự là quản lý về con người về đạo đức và hành vi, bao gồm việc theo dõi, giám sát, đánh giá đối tượng, cân nhắc và quyết định đề nghị thưởng phạt. Dĩ nhiên Ban Tăng sự phải dựa vào Luật Phật, vào Hiến chương của Giáo hội và vào luật pháp của Nhà nước. Và, sự quản lý chủ yếu, quan trọng nhất là quản lý về đạo đức của vị Tỳ-kheo. Đạo đức được thể hiện trong cách hành xử, qua thân, khẩu, ý, đạo đức Tỳ-kheo bao gồm việc giữ gìn giới luật nghiêm minh. Phạm giới còn được gọi là phi phạm hạnh.

Ngày xưa, khi Giáo đoàn của Đức Phật trở nên đông đảo, số Tỳ-kheo thối thất cũng không ít, Đức Phật phải chế ra giới luật, đặc biệt là bộ Giới bốn Tỳ-kheo (Patimokkha). *Tăng Chi Bộ kinh* V, 70 ghi lời Đức Phật giảng cho Trưởng lão Ưu-bà-ly về mười lý do khiến Ngài tuyên dạy Giới bốn Tỳ-kheo: Để Tăng-già được mỹ mãn, để Tăng-già được ổn thuận, để kiểm giữ các Tỳ-kheo khó kiểm giữ, để thiện Tỳ-kheo được ổn thuận, để chế ngự các lậu hoặc trong hiện tại, để ngăn ngừa các lậu hoặc đời sau, để tạo tin tưởng, để xác tín cho người có lòng tin, để Chánh pháp được vững bền, để phù trợ cho luật. Đó là một trong những nội dung quan trọng của việc quản lý Tăng sự, cũng có thể hiểu là quan trọng nhất.

Tỳ-kheo thối thất thì thời nào cũng có, ngay cả trong thời Phật. Thời ấy, chính Đức Phật hoặc hai vị Trưởng đệ tử là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, hoặc các Trưởng lão như A-nan, Ca-diếp, A-nậu-luật-đà, Ưu-bà-ly, La-hầu-la... là những vị quản lý Tăng sự. Và do đó mà suốt 25 thế kỷ qua, việc quản lý Tăng sự đều lấy Luật Phật làm căn cứ. Kể phi phạm hạnh phải được nhận biết để loại trừ. Bộ *Culla Vagga* (Tiểu phẩm) IX có kể chuyện nhân kỳ bố-tát, Đức Phật tuyên bố hội chúng chưa thanh tịnh. Tôn giả Mục-kiền-liên dùng thần thông để nhận ra vị Tỳ-kheo thối thất và đuổi vị ấy ra. Nhân đó Đức Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo, như đại dương không dung chứa một



tử thi, một thầy chết. Hễ tử thi, thầy chết có bị ném vào đại dương thì tử thi, thầy chết ấy cũng nhanh chóng bị đẩy vào bờ, bị quẳng lên đất khô. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ nào thối thất, tham dục..., Tăng-già sẽ không sống chung với kẻ ấy, dù có ngồi giữa Tăng-già, kẻ ấy cũng xa rời Tăng chúng và Tăng chúng xa rời kẻ ấy". Quản lý Tăng sự chính là làm sao để thỏa mãn lý do Đức Phật lập Giới bốn và loại trừ những phần tử xấu trong hàng ngũ Tăng Ni.

III. Thực trạng và thách thức

Hiện nay Ban Tăng sự Trung ương gồm 77 vị và Ban Tăng sự tại mỗi tỉnh thành hội Phật giáo có 27 vị, như vậy nhân sự quản lý Tăng sự từ Trung ương đến địa phương gồm hơn một ngàn vị. Số Tăng Ni hiện nay là 47.237 vị, số tự viện là 17.287, tất cả đều thuộc sự quản lý của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Ban Tăng sự đảm nhiệm Phật sự quan trọng này qua sự ủy nhiệm của Hội đồng Trị sự.

Ta hãy nhìn qua thời Đức Phật để có ý niệm về thối thất, phi phạm hạnh của một số Tỷ-kheo. Đại khái, kinh Phân biệt của Luật tạng (Suttavibhanga) có thuật chuyện các Sa-di say rượu, bộ Đại phẩm (*Mahavagga*) cũng ghi Đức Phật tuyên bố rằng Sa-di uống rượu sẽ không được thọ giới cụ túc. Luật tạng cũng ghi một vị Tỷ-kheo không súc rửa sạch nước còn lại trong ghè chứa nước vệ sinh bị khiển trách, sự việc Trưởng lão Tu-đề-na (Sudinna) về nhà ở một đêm với vợ cũ... Trầm trọng hơn, đó là sự việc Đê-bà-đạt-đa lôi kéo một Tỷ-kheo chống lại Đức Phật và Giáo đoàn của Ngài, sự việc nhóm Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau để tranh giành vị thế, quyền lợi mãi khiến Đức Phật không còn đến Kosambi nữa... Lại còn thỉnh thoảng có một số du sĩ ngoại đạo phao tin thất thiệt chống lại Đức Phật và Giáo đoàn của Ngài v.v...

Những sự việc tương tự, những khó khăn, thách thức đối với việc quản lý Tăng sự vẫn xảy ra suốt 25 thế kỷ nay và đạo Phật vẫn luôn tồn tại, vững mạnh. Ngày nay, thách thức lại càng gay gắt hơn, do sự phát triển khoa học kỹ thuật làm phát triển lòng tham dục của con

người, sự suy thoái đạo đức, tham sân si, bạo lực, chiến tranh, thù nghịch khiến Giáo hội khó quản lý Tăng sự. Không ít Tỷ-kheo thối thất, phạm giới, kiêu ngạo, thuyết giảng, viết sách không đúng Giáo lý của Đức Phật vì chỉ mong nổi tiếng; sống sa đọa, xa hoa, các thứ đồ dùng đều sang trọng, sống buông thả, lắm khi đến các tụ điểm vui chơi, văn nghệ..., đánh mất các uy nghi của vị Tỷ-kheo; không ít trường hợp Tỷ-kheo tự tung, tự tác, sinh hoạt như kiểu một Giáo hội nhỏ; không ít trường hợp Giáo hội, chư tôn túc của Giáo hội bị vu cáo; không ít trường hợp một số người trong các tôn giáo bạn tìm cách lôi kéo Tăng Ni ủng hộ họ và lơ là với Giáo hội; không ít trường hợp tuyên truyền phản động chống Nhà nước và Giáo hội...

Hiện nay còn một số vấn đề mà Ban Tăng sự cần giải quyết: Nhân sự của Ban Trị sự tỉnh thành còn chưa được chính quyền nhất trí thông qua; tại một số tỉnh thành miền Trung như Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận... còn nhiều tranh chấp trong nội bộ Tăng Ni về quyền sử dụng đất đai, có dư luận về việc tấn phong giáo phẩm chưa nghiêm túc, về việc Tăng Ni sử dụng bằng cấp giả; tại Lâm Đồng, nhiều Tăng Ni tự động lập các am cốc cho riêng mình vượt ngoài sự kiểm soát của Giáo hội.

Thực ra, những trường hợp nêu trên không phải là mới mẻ vì những trường hợp tương tự vẫn đã xảy ra trong cộng đồng Tăng-già từ thời Đức Phật cho đến ngày nay. Có khác chăng là mức độ, thể cách và số lượng những trường hợp của ngày nay có thể gia tăng, lớn hơn. Cốt lõi của mọi vi phạm chính là sự suy thoái đạo đức, thiếu tu học, thiếu thực hành, thiếu thiền định. Những trường hợp vi phạm này không phải quá bức bách nhưng cần được giải quyết liên tục, không được ngưng nghỉ, không được để cho chúng lớn mạnh. Quản lý Tăng sự do đó là một công việc thường xuyên, liên tục. Quản lý, chỉ đạo, theo dõi, phát hiện những sai phạm của Tăng Ni để có biện pháp, mức độ xử lý. Tuy vậy, trước hết là sự giáo dục, chỉ đạo sớm, ngăn ngừa những

trường hợp sai phạm. Kinh Tư lượng của *Trung Bộ kinh* có ghi lời Đức Phật dạy về việc nhận định những trường hợp Tỳ-kheo thối thất. Đó là vị Tỳ-kheo thuộc một hay nhiều tính chất sau: ác dục, khen mình chê người, phẫn nộ, hiểm hận, cố chấp, nói lời thô ác khi phẫn nộ, chống lại người buộc tội mình, buộc tội trở lại người chỉ trích mình, né tránh vấn đề khi bị buộc tội, không giải thích rõ hành động của mình, dối trá gây hại, ghen tỵ và xan tham, lừa đảo, kiêu mạn, cố chấp. Đây cũng là phương cách để Ban Tăng sự nhận biết về một Tỳ-kheo phạm lỗi và đồng thời cũng là phương cách để chư Tăng Ni tu tập việc tư lượng tự nhận xét mình, xem mình có thuộc hàng Tỳ-kheo phạm lỗi hay không.

IV. Vài ý kiến về các biện pháp giải quyết những thách thức

Như đã nói, sự giải quyết không thể cấp bách, không thể giải quyết xong một loạt các trường hợp sai phạm là xong, vì các sai phạm sẽ còn xảy ra cho đến khi Giáo hội chỉ gồm toàn các Tỳ-kheo thánh thiện, Giáo hội hoàn toàn thanh tịnh. Việc giải quyết phải liên tục, không được lơ là, ngưng nghỉ. Sau đây là một số ý kiến đóng góp có thể còn thô thiển của chúng tôi:

1. Quản lý các giới đàn, việc lựa chọn giới tử.

Kể từ khi nhận đệ tử là đệ tử, là Sa-di các vị thầy phải lo dạy dỗ, theo dõi các đệ tử trong chùa, nghiêm khắc trong việc đào luyện đệ tử thành một con người phạm hạnh, có tri thức Phật pháp căn bản, vững vàng. Trong các giới đàn, việc sát hạch phải nghiêm túc. Tỳ-kheo phải được bốn sư theo dõi, tiếp tục uốn nắn trong việc tu tập, đặc biệt là về phạm hạnh.

2. Mở các đợt vận động, hô hào nếp sống thanh tịnh, giản dị, tri túc trong toàn thể chư Tăng Ni, tránh sự xa xỉ, lãng phí. Lưu tâm đến cung cách của chư Tăng Ni khi tiếp xúc với Phật tử, khi giao tiếp ngoài xã hội, thậm chí cách ăn mặc, đi đứng, phương tiện di chuyển,... sao cho thể hiện được nếp sống giản dị, tri túc của nhà chùa.

3. Tổ chức các khóa bồi dưỡng trụ trì, bồi dưỡng kiến thức Phật học, nâng cao trình độ nhận thức giới luật với ý nghĩa căn bản là tất cả những trường hợp gây khó khăn trở ngại cho Giáo hội, sự thối thất của Tỳ-kheo là do bởi sút kém về tánh hạnh, vi phạm giới luật, Hiến chương của Giáo hội và luật pháp của Nhà nước.

4. Theo dõi sâu sát các sinh hoạt ở các tự viện, của các Ban Trị sự, đặc biệt là qua các mùa an cư, tụng niệm, yết-ma, bố-tát. Đây là dịp để chư Tăng Ni thức liêm thân tâm, thăng tiến trong tu tập.

5. Có sự liên lạc chặt chẽ thường xuyên với các Ban Kiểm soát, Pháp chế, để nắm rõ các trường hợp sai phạm và có quyết định đúng đắn trong việc đề nghị Giáo hội xử lý. Tất nhiên, việc kết hợp với tất cả các ban, viện Trung ương, các Ban Trị sự vẫn là cần thiết để nâng cao hiệu quả của các Phật sự.

6. Thông qua Ban Thường trực Hội đồng Trị sự để có

sự liên lạc với chính quyền để được giúp đỡ trong việc quản lý Tăng sự. Chỉ có chính quyền mới điều tra và kết luận về những trường hợp sai phạm về luật pháp Nhà nước của Tăng Ni. Chính quyền cũng giúp Giáo hội xác định những cá nhân, những nhóm, tập đoàn... tung tin thất thiệt về Giáo hội, về Tăng Ni, đặc biệt là về chư tôn túc của Giáo hội. Từ đó, chính quyền có thể truy tố những kẻ làm điều sai trái, vu cáo, làm phung phí danh dự của cá nhân hay tập thể.

7. Nâng cao tính nghiêm túc, cẩn trọng, minh bạch trong việc tấn phong giáo phẩm, việc cấp phát chứng điệp. Lâu nay, Ban Tăng sự Trung ương đã phát hiện nhiều trường hợp sai sót trong các danh sách đề nghị tấn phong và cấp chứng điệp. Phật sự này phải luôn luôn đòi hỏi sự công minh, tuy vẫn chưa phải bị sai sót, nhưng chỉ cần một chút lơ là, một vài chi tiết chưa rõ ràng là rất dễ khiến dư luận xôn xao, tạo sự bất bình, mất đoàn kết.

V. Kết luận

Tổ chức những hội nghị, hội thảo, hoặc những cuộc họp nội bộ do Ban Tăng sự thực hiện là vô cùng cần thiết, giúp cho Ban tiến hành có hiệu quả các Phật sự đã đề ra.

Chư Tỳ-kheo là linh hồn trong sức sống của Phật giáo, là mạng mạch trong việc lưu truyền, phổ biến Phật pháp. Quản lý Tăng sự là quản lý con người, việc tu tập, trong sự phát triển của Giáo hội. Có lẽ vì vậy mà trong các báo cáo các hoạt động ban ngành viện của Ban Thư ký Ban Thường trực Hội đồng Trị sự luôn đặt Ban Tăng sự ở đầu mục, trước các ban viện khác.

Tăng Ni cũng là cốt lõi trong tổ chức Giáo hội. Mọi sai phạm của Tăng Ni đều có ảnh hưởng không tốt đến Giáo hội. Quản lý Tăng sự, như đã nêu, là quản lý Tăng Ni, là theo dõi, đốc thúc, sách tấn việc thủ trì giới hạnh, đặc biệt là trong việc loại trừ tham sân si. Mọi Phật sự trong tự viện, trong các cơ sở của Giáo hội, và những hoạt động, những giao tiếp xã hội của Tăng Ni đều phát xuất từ chính chư Tăng Ni. Nhận định như thế thì mục đích, chức năng và mọi công tác Phật sự của Ban Tăng sự là vô cùng quan trọng, nhằm chung sức xây dựng một Giáo hội thanh tịnh, trang nghiêm, được sự tín nhiệm của quần chúng Phật tử, của Nhà nước và sự đồng tình của nhân dân. ■

Tài liệu tham khảo:

- Báo cáo của Ban Thư ký Ban Thường trực HĐTS.
- Các bản tin tháng 4, tháng 5 của HĐTS GHPGVN.
- Nội quy của Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN.
- *Tăng-già thời Đức Phật*, Thích Chơn Thiện, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2000.
- *Đức Phật lịch sử*, The Historical Buddha, H.W. Schuman, Trần Phương Lan dịch, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1997.
- *Kinh Tư lượng, Trung Bộ kinh*.
- Các trang web trích dịch từ *Mahavagga, Culavagga*.

Nước trong tâm thức người Khmer Nam Bộ

TRẦN PHỎNG ĐIỀU

Là cư dân nông nghiệp, chuyên sống bằng nghề trồng lúa nước, người Khmer ý thức được nước đóng một vai trò quan trọng trong quá trình canh tác. Năng suất của một vụ mùa phụ thuộc rất nhiều vào nước. Cho nên trong tâm thức của mình, người Khmer rất kính trọng nước, xem nước là một yếu tố thiêng, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống con người.

Do nước có tầm ảnh hưởng quan trọng quyết định đến số phận của họ nên người Khmer xem nước như một vị thần, họ tôn thần nước là Preas Kông Kia. Năm nào trúng mùa, không có hạn hán giông bão là năm Thần Nước ban phúc, năm nào thất mùa rồi giông bão là năm Thần Nước nổi giận. Người Khmer còn một quan niệm trong văn hóa tín ngưỡng nữa là mặt trăng có sức hút, làm nên nước lớn nước ròng, nước nhiều nước ít. Thế cho nên đại lễ Ok Om Book hay lễ đút cốm dẹp còn có một phần lễ là lễ cúng trăng, vì vậy lễ này còn gọi là lễ *đưa nước rước trăng*¹.

Do mặt trăng và nước có quan hệ lẫn nhau nên trong lễ này, người ta tổ chức đua ghe Ngo để tôn thờ

Thần Nước và ý nghĩa của cuộc đua ghe này là mừng cơm mới vào những ngày trăng sáng. Mưa gió chấm dứt, nước từ từ rút xuống, mở đầu cho một mùa khô ráo sau những ngày lao động vất vả.

Cùng với ý nghĩa đó, người Khmer ở Vĩnh Châu còn có lễ cúng Phước Biển để tạ ơn biển cả đã mang đến cho họ nhiều cá tôm. Lễ này được tổ chức vào ngày 14, 15 tháng 2 âm lịch hằng năm, tại ấp Đôn Chéché, xã Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Ý nghĩa của lễ hội là cầu quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Và cũng là để tưởng nhớ đến các bậc tiền nhân đã có công khai hoang mở cõi, tạo lập vùng đất, tạ ơn trời đất, thánh thần đã cho họ có được cuộc sống ấm no, tạ ơn biển cả đã cho họ nhiều tôm cá, tạ ơn bãi bồi đã cho họ những cánh đồng xanh, hạt vàng nặng trĩu.

Phần mở màn cho buổi lễ hội là hoạt cảnh tái hiện cuộc sống vất vả, cực nhọc của những người nông dân trong những buổi đầu khai hoang lập nghiệp. Đó là hình ảnh hàng trăm cô thôn nữ đeo những thùng tưới trên vai mình. Mặc dù thùng nước đè nặng đôi vai



Nguồn: baodientu.chinhphu.vn

nhưng họ vẫn luôn tươi cười, trò chuyện cùng nhau như cố xua đi bao nỗi mệt nhọc của mình. Bên cạnh cũng là hàng trăm chàng trai lực lưỡng, với màu da đen sạm, ai nấy cũng gồng vác trên vai bộ đồ nghề đẩy xiệp, chuẩn bị bì bõm lặn lội kiếm sống qua ngày.

Sôi nổi và cuồng nhiệt nhất có lẽ là cuộc đua bò kéo xe. Mỗi chiếc xe bò được chất đầy người lên đó, người điều khiển tay vừa vút roi miệng vừa la hét cố hết sức mình để cho xe của mình thắng cuộc. Trong cuộc đua này, thắng thua là chuyện phụ, không có ý nghĩa quan trọng mấy, ý nghĩa chính của công việc đua xe bò này là nhằm nhắc nhở mọi người nhớ về buổi đầu của cuộc sống nông nghiệp, lúc bấy giờ, chưa có máy móc hiện đại, con bò trên vùng đất Vĩnh Châu này đã đóng góp một phần không nhỏ công sức mình cho công cuộc khai hoang mở đất, cho con người có được những hạt gạo, hạt nếp dẻo thơm.

Cuộc thi cũng không kém phần hấp dẫn nữa đó là đua ghe ngo trên cạn. Cuộc đua này chỉ diễn ra trong những năm liên tiếp bị hạn hán, mất mùa, tất cả kênh rạch đều khô hạn, nên phải đua ghe trên đất cho “động trời” để trời làm mưa cho mùa màng tươi tốt, con người vừa có nước xài vừa có nước tưới tiêu. Chiếc ghe trong cuộc đua này được tượng trưng bằng một cái vòng bẹ chuối dài khoảng 2m. Cứ hai người một ghe. Họ dùng dây gióng ghe lên cổ, một người cầm một cây dầm bằng cọng tàu lá chuối, vừa chạy khắp các thửa ruộng theo một lộ trình tùy hứng, vừa múa vừa hát nói những lời cầu khẩn theo kiểu bắt vần hết câu nọ đến câu kia. Nội dung của các câu đó là cầu mong ông trời ban cho mưa xuống để có nước gieo sạ, ruộng đồng được xanh tốt.

Qua lễ hội này, ta càng hiểu thêm nước có tầm quan trọng như thế nào trong đời sống của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Gần như lễ hội nào cũng có yếu tố nước trong đó - nước như là một nhân tố thiêng không thể thiếu trong các lễ hội lớn. Cho nên những khi trời hạn hán, người Khmer đều làm lễ để xin trời mưa. Việc xin nước mưa không chỉ được tái hiện trong lễ hội cúng Phước Biển mà trong lễ cúng NeakTa cũng có việc cầu mưa nếu năm đó trời khô hanh.

Lễ cúng ông Tà hằng năm được tổ chức vào tháng 4, tháng 5 dương lịch, tức là trong vòng một tháng đầu mùa hạ trước khi làm đồng áng. Vào những ngày này, người Khmer họp nhau làm lễ theo từng sóc để cúng ông Tà, và cũng để xin nước mưa làm ruộng rẫy trong năm. Họ kính trọng ông Tà, coi như vị thần trực tiếp bảo hộ và giúp họ thu hoạch tốt trong công việc đồng áng và trong đời sống hàng ngày. Vị thần này đã cho nước mưa và đuổi các sâu rầy không cho phá lúa, màu².

Trên đường đến miếu ông Tà làm lễ, người ta đi vòng quanh nhà ông ba vòng theo chiều kim đồng hồ tượng trưng cho sự xin nước mưa. Đi đầu là người chủ lễ, tiếp sau là những người cùng trong phum sóc. Đến

miếu ông Tà, họ vào đốt nhang, cầu khẩn ông Tà bảo vệ cho xóm làng được bình yên, cơm no áo ấm, nhà nhà đầy tiếng cười, và cầu cho được mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Trong lúc làm lễ, nhạc cụ dân tộc hòa vào lời ca tiếng hát được cất lên như là sự thỉnh mời các vị thần đến thưởng thức. Nếu đã thực hiện đầy đủ các nghi thức trên mà vào mùa hạ năm ấy, trời vẫn không mưa thì người ta tiếp tục làm thêm một lễ nữa gọi là *Lễ xin nước mưa*.

Họ đưa mười nhà sư ra đứng phoir nắng tụng kinh để động lòng trời; bên cạnh, họ để một con cá lóc vào cái thau khô, hoặc vào một hố đất khô để ông Trời thấy con cá cũng như nông dân đều cần nước mưa để sống và làm ruộng nên sẽ ban nước mưa cho họ. Sự tích này có nguồn gốc từ Phật giáo. Kinh Sôphônôn có nói con cá lóc là tiền thân của Đức Phật Thích-ca, trong các kiếp luân hồi, sống trong một hồ thật lớn tên là Anôtlah. Từ khi ngài sinh ra không bao giờ sát sanh, chỉ biết ăn rong rêu và cây cỏ mục để sống. Qua thời gian hạn hán 12 năm, mọi nơi đều khô cạn kể cả hồ Anôtlah. Mọi người và mọi sinh vật như tôm tép, cá lớn cá bé đều chết, muôn vàn tai họa đưa đến rất khủng khiếp. Cá lóc bèn suy gẫm: “*Ta đây, từ sinh ra đến giờ không làm hại ai, chỉ biết trầm tư mặc niệm làm lành lánh dữ, tại sao trời nổi sát hại muôn loài và sát hại cả bản thân ta*”. Nghĩ vậy, cá bèn chui đầu lên khỏi bùn và kêu trời: “*Thưa Ngọc Hoàng, Ngọc Hoàng có thấy thế gian đau khổ chẳng? Ta đây 12 năm tu tâm tham thiền hầu kiếp sau đắc đạo cứu chúng sanh. Vậy giờ đây, ta kêu gọi ngài hãy cứu lấy muôn loài dưới thế gian này bằng cách ban cho những giọt mưa lành*”. Tiếng kêu ấy động đến trời. Ngọc Hoàng nhìn xuống thấy cá lóc đứng là hiện thân của Phật Thích-ca Mâu-ni tương lai, nên ban mưa xuống cứu rỗi cho thế gian và muôn loài³.

Qua một số dẫn chứng trên, ta thấy nước đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của người Khmer đồng bằng sông Cửu Long. Bởi, đối với họ, nước không chỉ là một hiện tượng tự nhiên mà còn có ý nghĩa siêu hình quyết định đến cuộc đời họ nên họ tôn nước là Thần. Đây là một quan niệm có ý nghĩa nhân văn vì khi người ta tôn trọng nước, xem nước như mạch sống của mình thì người ta sẽ không làm ô nhiễm nguồn nước mà trái lại ra sức bảo vệ nguồn nước. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong cuộc sống hiện nay khi mà nhiều nơi trên thế giới thiếu nước sạch để sinh hoạt, biến đổi khí hậu đang diễn ra hàng ngày làm ô nhiễm nguồn nước. ■

Chú thích:

1. Phan Trung Nghĩa (2015), *Cốm dẹp - bánh thiêng của người Khmer Nam Bộ*, báo *Tinh hoa Việt*, số Xuân, tr.74.
2. Viện Văn hóa (1988), *Tim hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam Bộ*, Nxb Tổng Hợp Hậu Giang, tr.126.
3. Viện Văn hóa, *sđđ*, tr.127-128.

Phật giáo với tuổi trẻ

THÍCH NGUYỄN THÀNH

Do hình thức và nội dung truyền đạt, do mục tiêu hành động mang tính phong phú, đa dạng, do phẩm chất trí tuệ và từ bi, Phật giáo có thể đến với tất cả mọi người, mọi tầng lớp, giai tầng xã hội... Và dĩ nhiên tuổi trẻ cũng là mục tiêu tác động, giáo dục, đào tạo của Phật giáo.

Chúng tôi xin nêu vài ý kiến về đề tài Phật giáo với Tuổi trẻ qua 5 tiêu đề: 1) Nhận định về tuổi trẻ, 2) Đức Phật đến với tuổi trẻ, 3) Phật giáo với tuổi trẻ, 4) Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với tuổi trẻ, và 5) Kết luận.

I. Nhận định về tuổi trẻ

Theo các từ điển phương Tây (*Wikipedia, Merriam Webster' Thesaurus...*), tuổi trẻ (youth) là thời gian một người còn trẻ, là khoảng thời gian có những sự việc mới nhưng chưa ổn định. Theo UNESCO, tuổi trẻ là giai đoạn chuyển từ sự lệ thuộc mang tính trẻ con đến sự độc lập của một thành viên và tùy thuộc hỗ tương như là một thành viên của một cộng đồng. UNESCO cũng ấn định độ tuổi của tuổi trẻ là từ 15 đến 24 tuổi, nhưng cũng bảo rằng tuổi trẻ là một phạm trù linh động, có thể ít hơn hay nhiều hơn 15 và 24 tuổi, tùy theo từng quốc gia; ví dụ, Hiến chương của Tuổi trẻ châu Phi ấn định tuổi trẻ là từ 15 đến 35 tuổi; tuổi cao nhất của tuổi trẻ ở Trung Quốc là 29 tuổi, ở Bangladesh là 35 tuổi, ở Malaysia là 40 tuổi... (theo *wikipedia.org*). Tại Việt Nam, tuổi trẻ được hiểu là thanh niên. Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong phiên họp ngày 26-10-2005 ấn định tuổi thanh niên là từ 16 đến 30 tuổi.

Dĩ nhiên việc ấn định tuổi trẻ tùy thuộc vào thể chất, tinh thần, hoàn cảnh xã hội v.v... để có thể gọi một người là thuộc tuổi trẻ hay đã trưởng thành. Tâm lý của một con người mới lớn khá phức tạp. Sự biến đổi thể chất ảnh hưởng đến tinh thần, tức tâm lý, ước vọng, mục tiêu hành động, cách cư xử, thái độ đối với xã hội...

Mặt khác, WHO còn định nghĩa vị thành niên là nhóm có độ tuổi từ 10 đến 19 tuổi. Như thế, tuổi trẻ cũng bao gồm cả thiếu niên, và thanh niên. Lại nữa, vào năm 1995, Liên Hiệp Quốc ước tính những thành viên trẻ từ 15 đến 24 tuổi gồm 1,03 tỷ người, tức 18% dân số thế giới. Thanh niên vẫn được gọi là rường cột của đất nước, thời chiến thì ra sức bảo vệ Tổ quốc, những người lính trẻ không ngại hy sinh xương máu,

dũng cảm, tận tình; thời bình thì tham gia xây dựng đất nước. Lực lượng trẻ bao giờ cũng là mũi nhọn cho mọi chiến dịch trong công cuộc giữ nước và dựng nước.

Tuổi trẻ là tuổi dễ tiếp thu kiến thức, yêu thích điều mới lạ, ưa khám phá, có khi nóng nảy, hời hợt, dễ bị kích động, dễ bị lôi cuốn, thu hút vào điều xấu, vào bạo lực. Do đó, việc hướng dẫn, giáo dục, đào tạo thanh niên là vô cùng quan trọng để có thể phát huy hiệu quả mặt chủ yếu tích cực của những con người trẻ.

Trên thế giới, các hội đoàn, tổ chức tuổi trẻ trong mọi lĩnh vực: xã hội, tôn giáo, chính trị, hướng đạo, giáo dục, đường phố v.v... Mỗi quốc gia có thể có tới năm bảy tổ chức tuổi trẻ, có khi lên đến cả chục hay nhiều hơn. Trang web của *wikipedia* trưng dẫn đến 310 tổ chức như thế. Tại Việt Nam, các tổ chức, hội đoàn, phong trào thanh niên cũng khá nhiều, phần lớn là do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Từ năm 1931 Đoàn Thanh niên Cộng sản Việt Nam được thành lập, sau nhiều lần thay đổi danh xưng qua từng diễn biến lịch sử, tổ chức mạnh mẽ, hiệu quả nhất hiện nay là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Cũng năm 1931 đoàn Hướng đạo sinh Việt Nam được thành lập mà Bác Hồ từng là Chủ tịch danh dự (năm 1946), thành viên của phong trào Hướng đạo sinh Thế giới (World Organization of Scout Movement). Năm 1951, Gia đình Phật tử được thành lập, gồm đông đảo thanh thiếu niên toàn quốc và đến nay vẫn còn hoạt động mạnh dưới sự lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ta cũng có nhiều đoàn hội, phong trào thanh niên như: Thanh niên Tiên phong, Thanh niên Phụng sự xã hội, Thanh niên Xung phong, Hội Liên hiệp Thanh niên v.v ...

Như vậy, đủ biết tuổi trẻ ở đâu cũng là nhân tố quan trọng.

II. Đức Phật đến với tuổi trẻ

Rất nhiều chỗ trong kinh và sử Phật giáo nêu rõ những lời dạy và những tiếp xúc của Ngài đối với tuổi trẻ.

Trong kinh *A-hàm*, Đức Phật dạy: "*Này các Tỳ-kheo, có 4 điều mà các thầy không nên khinh thường: Đó là đừng xem thường một đồng lúa nhỏ, đừng xem thường một con rắn nhỏ, đừng xem thường một tu sĩ trẻ và đừng xem thường một thái tử trẻ*". Lời dạy này nhắm đến tuổi trẻ: Tuổi trẻ có thể là mầm nguy hại lớn (ví như đóm lửa nhỏ, con rắn nhỏ) và có thể là một người thành đạt lớn (ví như tu sĩ trẻ, có thể chứng ngộ, thành Thánh,



thành Phật, một thái tử trẻ, nắm vận mệnh quốc gia, đưa quốc gia đến toàn thịnh, hạnh lạc).

Theo bộ Đại phẩm I (*Mahavagga I*), sau khi độ cho 5 vị nhóm Kiều-trần-như, Đức Phật đến Vườn Nai, độ cho thanh niên Da-xá (*Yasas*). Da-xá là một thanh niên con nhà đại phú, bên cạnh thường có 100 thanh niên cùng lứa tuổi. Được Đức Phật giảng pháp, Da-xá đắc A-la-hán, 54 thanh niên trong nhóm cũng xin theo Phật và đắc A-la-hán. Như vậy 5 vị nhóm Kiều-trần-như và 55 thanh niên vừa đắc A-la-hán hợp thành Tăng đoàn đầu tiên của Đức Phật gồm 60 Tỳ-kheo A-la-hán.

Kinh *Thừa tự pháp* (số 3, *Trung Bộ*) có kể chuyện Đức Phật độ cho thanh niên Pukkasati đã tự ý xuất gia dù chưa gặp Phật. Vị này được chứng A-la-hán quả. Nhận định về tuổi trẻ thường ái dục, hời hợt, nói dối, có khi có hành động gây hại cho người khác, để đối trị, trong kinh *Giáo giới La-hầu-la* (*Trung Bộ kinh*, số 61), khi vị này còn trẻ, mới được nhập Giáo đoàn. Nội dung bài giảng là tai hại của sự nói dối, và hành động gây hại. Đặc biệt quan trọng là sự đối trị tai hại ấy, đồng thời là sự thăng tiến tâm linh, ngài dạy Tôn giả La-hầu-la về Thiên định, về tứ vô lượng tâm Từ Bi Hỷ Xả. Cũng trong *Trung Bộ kinh* (số 147), Đức Phật giảng cho La-hầu-la về Tuệ giác và vị này đắc A-la-hán quả.

Trong kinh *Thiện Sinh* (*Trường A-hàm – Sigalovada sutta*, *Trường Bộ kinh*), Đức Phật dạy cho chàng thanh niên trẻ Bà-la-môn về không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục, không vọng ngữ; các nguy hại của tham dục, sân hận, sợ hãi, ngu si; các thứ làm tiêu hao

tài sản như rượu, chè, cờ bạc, phóng dăng, đam mê kỹ nhạc, kết bạn với kẻ ác, biếng lười; các bổn phận đối với cha mẹ, sư trưởng, thê thiếp, bạn bè, các bậc trưởng thượng, người làm công...

Ngay từ lúc còn là Thái tử, trong một dịp lễ tịch điền, Đức Phật đã cảm hóa một đám thanh niên đang đuổi theo đám kỹ nữ. Ngài dạy rằng thay vì tìm đám kỹ nữ, hãy tìm chính mình. Lưu tâm giảng dạy cho tuổi trẻ, Đức Phật đã chấp nhận cho vào Thánh đoàn các thanh niên và do đó trong các Tỳ kheo đệ tử Ngài, có số đông là các Tỳ-kheo trẻ, đáng kể là các Tôn giả A-nan, Nan-đà, La-hầu-la, A-na-luật... Điều này làm căn bản cho Phật giáo về sau lưu tâm đến việc giảng dạy, giúp đỡ cho giới trẻ.

III. Phật giáo với tuổi trẻ

Phật giáo đến với tuổi trẻ và tuổi trẻ đến với Phật giáo là điều hiển nhiên, nếu không phải thế thì ngày nay đã không còn Phật giáo. Chư Tăng Ni thường xuất gia khi còn trẻ và tất nhiên đã được học hiểu Phật pháp rồi mới xin xuất gia đầu Phật.

Phật giáo phát xuất từ châu Á nhưng vài thế kỷ sau, các tự viện Phật giáo hoạt động riêng biệt, khép kín, cho nên giáo lý Từ bi, Trí tuệ của Đức Phật ít được phổ biến trong quần chúng, dần dần mang vẻ huyền bí hoặc nhuộm phần dị đoan và Đức Phật có khi được biết đến như một nhân vật huyền bí, huyền thoại. Đến thế kỷ XIX, khi các nhà khảo cổ, các đế quốc xâm chiếm thuộc địa, các thừa sai Thiên Chúa giáo tìm được các chứng tích Phật giáo, bia, tượng, kinh điển... thì Phật giáo được các



Nguồn: giacngo.vn

học giả phương Tây nghiên cứu, dịch thuật kinh sách và luận giải Phật pháp, Phật giáo mang màu sắc mới, thâm thúy, sâu xa và mang tính khoa học. Bấy giờ rộ lên phong trào chấn hưng Phật giáo tại châu Á như ở Trung Quốc, Ấn Độ, Sri Lanka, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam...

Từ đầu thế kỷ XX, Phật giáo chấn hưng là phong trào rầm rộ khắp châu Á, ảnh hưởng đến cả thế giới. Hội đoàn, Giáo hội, Trung tâm nghiên cứu, sách báo Phật giáo ngày càng nhiều, thu hút thanh niên có xu hướng tâm học. Điển hình nhất là tại Trung Quốc, Đại sư Thái Hư lấy Thanh niên Phật giáo làm động lực. Ngài thành lập Tân Phật giáo Thanh niên hội, Phật giáo Tân Thanh niên hội.... Các vị Đại sư cũng thường mở các buổi giảng, khóa giảng về thanh niên như Đức Đạt-lai Đạt-ma, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh, Ni sư Thubten Chodron... Trang web *wikipedia.org* thống kê khoảng hơn 100 cơ sở Phật học, đại học, cao đẳng Phật học tại các nước trên thế giới; ngoài ra, còn có các hội đoàn, các trang web trên thế giới dành cho tuổi trẻ. Ví dụ: Hội Ái hữu Thanh niên Phật tử Thế giới (World Fellowship of Buddhist Youth) thành lập tại Bangkok, Thái Lan; MITRA Youth Buddhist Network tại Úc; Tổ chức NNBY (National Network of Buddhist Youth, Trang web Quốc gia của Thanh niên Phật tử) tại Ấn Độ... Và không thể kể hết các hội nghị, hội thảo của Thanh niên Phật tử mang tính quốc tế như: East Asia International Buddhist Youth Exchange (Hội nghị Trao đổi của Thanh niên Phật tử Quốc tế tại Đông Á); Buddhist Youth Meet (Hội nghị Thanh niên Phật tử tại Nhật Bản); Buddhist Youth Festival (Lễ hội Thanh niên Phật tử tại Đức) v.v... Các cơ sở, tổ chức, hội nghị... nói trên thường có nội dung về Phật pháp, về nếp sống, đạo đức, việc làm, nhấn mạnh đến tính hiền thiện, tình thương, hòa bình v.v...

Thống kê của Liên Hiệp Quốc cho biết dân số thế giới hiện nay là 7 tỷ người, giới trẻ từ 15 đến 24 tuổi gần 1,7 tỷ người, nếu tính thanh niên có độ tuổi cuối là 30 hay 35 thì con số có thể lên đến gần 3 tỷ. Phật giáo đang phát triển mạnh, số Phật tử trên thế giới ngày càng tăng. Phật giáo hiện nay cần tăng cường sự lưu tâm, đào luyện tuổi trẻ để thành phần vô cùng quan

trọng này được sống an lạc, giúp đỡ, xây dựng, đóng góp cho an bình, hòa bình, hạnh phúc của loài người.

IV. Phật giáo Việt Nam với tuổi trẻ

Như đã nói ở đầu phần III, Phật giáo Việt Nam đã tồn tại từ 20 thế kỷ qua và đến nay đang phát triển mạnh, đây là nhờ Phật pháp đã đến với nhân dân, đặc biệt là giới trẻ để các thanh niên nam nữ tin Phật, và một số xuất gia làm Tăng Ni, gìn giữ mạch mạch Phật giáo đến ngày nay.

Cũng như phong trào chấn hưng Phật giáo tại nhiều nước ở châu Á, Phật giáo Việt Nam cũng lấy giới trẻ làm căn bản, vừa giáo dục thanh thiếu niên sống phù hợp với Phật pháp, vừa thích nghi với thời đại mới. Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam khởi từ 1933, nhiều sách báo, nhiều dịch phẩm kinh sách ra chữ Quốc ngữ mà thanh niên Việt Nam đang sử dụng trong học tập, trong nghiên cứu. Gia đình Phật hóa phổ, rồi Gia đình Phật tử, đồng thời cũng thu hút giới trẻ chưa biết nhiều về Phật giáo. Phần giáo lý cho các em chỉ rất đơn giản, trong khi việc rèn luyện đạo đức, sự năng nổ trong đời sống, từ bi, dũng cảm, chân thật... được đề cao. Năm điều tâm niệm chính của ngành Thiếu và các huynh trưởng rất cụ thể, rất phù hợp với hoàn cảnh hiện nay. Đó là: 1. Quy y Tam bảo; 2. Mở rộng tình thương, tôn trọng sự sống; 3. Trau dồi trí tuệ, tôn trọng sự thật; 4. Trong sạch thể chất, tinh thần từ lời nói đến việc làm; 5. Sống hỷ xả, dũng tiến trên đường Đạo.

Hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Gia đình Phật tử đang phát triển mạnh, đã có 1.006 đơn vị Gia đình trên toàn quốc, với 8.261 huynh trưởng và 65.270 đoàn sinh (Báo cáo của Phân ban Gia đình Phật tử trước Đại hội VI của Giáo hội).

Năm 1952, Hội Tăng-già Trung Việt mở trường Bồ Đề đầu tiên tại Huế, sau đó cho đến năm 1975, một hệ thống trường Bồ Đề gồm từ 137 đến 163 trường tiểu học, trung học trên toàn miền Nam. Đây là những trường thuộc dạng tư thực, dạy theo chương trình của Nhà nước và mỗi tuần có thêm 1 tiết học giáo lý Phật giáo. Học sinh không phân biệt tôn giáo, có thể là con em Gia đình Phật tử hoặc không phải hay chưa phải Phật

tử. Đây là một trong những nét tích cực trong việc đưa Phật giáo đến với tuổi trẻ. Cũng cần kể thêm, Viện Đại học Vạn Hạnh, một dạng đại học tư, được thành lập năm 1964, do cố Đại lão Hoà thượng Thích Minh Châu làm Viện trưởng. Viện có 4 Phân khoa là Phật học, Văn học và Nhân văn, Khoa học Xã hội và Khoa học Ứng dụng; gồm 12 Ban: Văn học Việt Nam, Đông phương học, Triết học, Tâm lý học Thực nghiệm, Sử Địa, Văn học Anh Mỹ, Báo chí, Xã hội học, Chính trị học, Thương mại học và Nhân chủng học. Mỗi khóa học gồm từ 3 đến 4 ngàn sinh viên theo học. Đến năm 1975, do tình hình đổi mới của đất nước, hệ thống trường Bồ Đề và Viện Đại học Vạn Hạnh ngưng hoạt động. Thay vào đó là hệ thống giáo dục Tăng Ni do Giáo hội Phật giáo Việt Nam quản lý và lãnh đạo. Hiện nay trên toàn quốc đã có 4 Học viện Phật giáo; 31 trường Trung cấp Phật học và rất nhiều lớp sơ cấp. Số Tăng Ni trẻ du học nước ngoài đã có hàng trăm vị, trong đó có khoảng 100 vị đã tốt nghiệp tiến sĩ hay thạc sĩ. Đây là lực lượng nòng cốt cùng với Ban Hoằng pháp Trung ương tạo thành sức mạnh của Tăng Ni trẻ, có khả năng thu hút giới trẻ Việt Nam.

Với tổng số hơn 47 ngàn Tăng Ni của Giáo hội, trong đó 3/4 là các Tăng Ni trẻ, có thể đưa Phật giáo vào đời, đặc biệt là đến với tuổi trẻ. Đây cũng là lực lượng hữu hiệu cho các Phật sự xã hội, từ thiện, công ích, giữ gìn, bảo vệ và phát huy đạo đức văn hóa truyền thống của dân tộc. Một nét đậm đáng được ghi nhận về sự thành công của Phật sự đưa Phật giáo đến với tuổi trẻ là ngày nay, tại các tự viện, các buổi lễ lạc, khóa tu giảng pháp, đã thu hút nhiều thanh niên nam nữ đến tham dự. Ví dụ: các buổi giảng, các khóa tu tại chùa Hoằng Pháp ở TP.HCM dành cho các sinh viên đại học đã có hàng trăm, thậm chí có lúc cả ngàn; các khóa tu mùa hè Gieo hạt Từ tâm có thể có cả chục ngàn hoặc nhiều hơn, sinh viên và học sinh toàn quốc đến tham dự.

V. Kết luận

Chỉ trong thập niên 70 của thế kỷ trước, một tôn giáo vốn thịnh hành ở Hoa Kỳ và châu Âu có số tín đồ đến dự lễ hàng tuần đã sút giảm phân nửa và sự giảm sút ấy vẫn tiếp tục cho đến ngày nay. Trong khi đó Phật giáo lại phát triển mạnh mẽ tại các vùng đất này. Trong thời đại mới, những người trẻ tự tin vào chính mình, tin vào khoa học, gần như theo khẩu hiệu "Trí tuệ và Khoa học," điều này rất phù hợp với giáo lý của Đạo Phật. Cùng với xu hướng trên, Phật giáo Việt Nam cũng có những thành tựu đáng kể trong việc đến với tuổi trẻ. Những thành tựu này là do nỗ lực của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các Tăng Ni, Phật tử.

Tuy vậy, để nâng cao mức thành tựu nói trên, Giáo hội cần phải tăng cường việc lập kế hoạch hành động và việc thực hiện. Theo chúng tôi, những điểm sau đây cần lưu tâm:

1. Mặc dù có nhiều nỗ lực của Ban Từ thiện xã hội,

Ban Hoằng pháp, Ban Hướng dẫn Cư sĩ và Phân ban Gia đình Phật tử từ Trung ương Giáo hội trong việc đến với đồng bào vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là ở các vùng núi nhưng vẫn chưa có chương trình đặc biệt cho giới trẻ ở các vùng này, hiệu quả chưa bì được với nỗ lực của Công giáo, Tin Lành...

2. Tại các thành phố, số thanh niên gặp khó khăn về công ăn việc làm, về gia đình; các thiếu nhi thiếu thốn trong việc học tập... Giáo hội cần có những cơ sở cố vấn, giới thiệu việc làm, dạy nghề...

3. Trên toàn quốc Giáo hội chưa mở được các nhà trẻ trong khi hai tôn giáo bạn là Công giáo và Tin Lành đã có rất nhiều cơ sở tại nhiều tỉnh thành, quận huyện. Muốn có những thanh niên tốt, tin Tam bảo thì phải tạo hình ảnh, ấn tượng Phật giáo ngay từ thuở đầu đời của các em. Các ảnh tượng Phật, các truyện kể về Phật giáo, hình ảnh chư Tăng Ni ở các nhà giữ trẻ... là rất quan trọng, vừa là công việc từ thiện (giữ trẻ cho các phụ huynh nghèo, lao động ở ruộng đồng, ở các cơ xưởng, công ty) vừa mở đầu cho sự nghiệp Đạo Phật vào đời.

4. Cần vận động thành lập các trường tư thục Phật giáo, từ tiểu học đến trung học, dạy theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có thêm giáo lý căn bản, giản dị của Phật giáo. Đặc biệt, cần tiếp tục lại việc mở đại học Phật giáo với các ngành học hiện đại, thu hút sinh viên Phật tử và không phải Phật tử như Viện Đại học Vạn Hạnh đã thực hiện trước năm 1975.

5. Quan tâm, giúp đỡ, chỉ đạo sâu sắc hơn đối với các hoạt động, sinh hoạt của Gia đình Phật tử, vì đây là nét đặc sắc trong việc đào tạo thanh thiếu niên của Phật giáo Việt Nam.

Đưa Phật giáo đến với tuổi trẻ là một biện pháp tích cực để tạo một xã hội hiền thiện, ngăn chặn sự suy thoái đạo đức, bạo lực hiện đang là vấn đề lớn của toàn cầu và cũng là của Việt Nam. ■

Tài liệu tham khảo:

- *Phật giáo đi vào thời đại mới*, Trần Quang Thuận, Nxb Hồng Đức, 2014.

- *Tăng-già thời Đức Phật*, Thích Chơn Thiện, Nxb Tôn Giáo, 2000.

- *The Historical Buddha*, H.W. Shumann, Arkama Penguin Books 1989.

- Báo cáo trước Đại hội VI Giáo hội Phật giáo Việt Nam: Báo cáo của Ban Thư ký, Ban Giáo dục Tăng Ni, Phân ban Gia đình Phật tử Trung ương Giáo hội.

- Các văn kiện của Quốc hội, của Nhà nước về Thanh Thiếu niên.

- Đại tạng kinh Việt Nam: *Trường Bộ kinh, Trung Bộ kinh, Tương Ưng Bộ kinh, Tăng Chi Bộ kinh* – các kinh: Giáo giới La-hầu-la, Tuệ giác, Sigalovada sutta, Thừa tự pháp.

- Các từ điển *Wikipedia.dic, Merriam Webster's Thesaurus*.

- Các trang web: *thuvienhoasen.net, wikipedia.org, facebook.com* (World Fellowship of Buddhist Youth), *mitra.org* (Youth Buddhist Network).



Thấp thoáng lời kinh

Bồ-đề tâm hành

(phẩm 4 Bồ-tát)

ĐỖ HỒNG NGỌC

Nhắc lại Duy-ma-cật “dùng phương tiện hiện ra thân mình có bệnh”, nhân lúc có “các hàng vua quan, trưởng giả, cư sĩ, bà-la-môn, vương tôn công tử...” kéo đến thăm đã thuyết giảng: “Các nhân giả! Thân này đáng lo, đáng chán, mà nên ưa thích thân Phật. Tại sao vậy? Thân Phật tức là Pháp thân”. “Các nhân giả! Muốn được thân Phật dứt hết các bệnh của chúng sinh, nên phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”.

“Như vậy tức là xuất gia, như vậy tức là đầy đủ”.

Thực ra “đầy” thì có đầy mà đủ thì chưa “đủ”! Mới là điều kiện “Ất có”, điều kiện tiên quyết - Bồ-đề tâm nguyện- còn phải có Bồ-đề tâm hành nữa! Con đường “Phật đạo vô thượng thế nguyện thành” không dễ chút nào!

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Di-lặc: “Ông hãy đến nhà Duy-ma-cật mà thăm hỏi bệnh ông ấy”.

Bồ-tát Di-lặc bạch: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, con vì vị Thiên vương ở cung trời Đâu-suất cùng quyến thuộc của người mà giảng thuyết công hạnh của địa vị Bất thoái chuyển. Bấy giờ, Duy-ma-cật đến bảo con rằng: ‘Thưa Bồ-tát Di-lặc! Đức Thế Tôn có thọ ký cho nhân giả: Một đời nữa, ngài sẽ đắc quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Do đời sống

nào mà được sự thọ ký ấy? Đời quá khứ chăng? Đời vị lai chăng? Đời hiện tại chăng? (...) Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy”.

Phật quay sang bảo Đồng tử Quang Nghiêm: “Ông hãy đến nhà Duy-ma-cật mà thăm hỏi bệnh ông ấy”. Quang Nghiêm bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, con đi ra ngoài thành lớn Tỳ-da-ly. Bấy giờ, Duy-ma-cật mới vừa đi vào thành. Con liền làm lễ ông ấy và hỏi rằng: ‘Cư sĩ từ đâu lại đây?’. Tôi từ đạo tràng lại đây.’ Duy-ma-cật đáp: ‘Con ngạc nhiên hỏi: ‘Đạo tràng nào? Đạo tràng ấy là ở đâu?’(...)”

Nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến đó thăm bệnh ông ấy”.

Phật quay lại bảo Bồ-tát Trì Thế: “Ông hãy đến nhà Duy-ma-cật mà thăm hỏi bệnh ông ấy”.

Bồ-tát Trì Thế bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này. Con còn nhớ lúc trước, khi con trụ nơi tinh thất, lúc ấy, ma Ba-tuần hóa hình hệt như Đế-thích, có một muôn hai ngàn thiên nữ theo hầu, có cả tiếng âm nhạc, đàn địch ca xướng, đi lại chỗ con (...)”

Vậy nên con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy”.

Phật phán với Thiện Đức, con nhà trưởng giả: “Ông hãy đến nhà Duy-ma-cật mà thăm hỏi bệnh ông ấy.”

Thiện Đức bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Con chẳng đủ sức đảm nhận việc đến thăm bệnh ông ấy. Nguyên do là thế này (...).

Giữa pháp hội Vườn Xoài hôm ấy có vô số các vị Đại Bồ-tát thượng thủ nhưng Phật chỉ gọi bốn vị là Bồ-tát Di-lặc, đồng tử Quang Nghiêm, Bồ-tát Trì Thế và Thiện Đức, con nhà trưởng giả... đi thăm Duy-ma-cật bệnh; hẳn phải có lý do nào đó, một thông điệp nào đó chăng?

* Thì ra Bồ-tát Di-lặc, Maitreya, A-dật-đa (Ajita), Vô Năng Thắng... là một vị Bồ-tát “Nhất sinh bổ xứ” được thọ ký sẽ thành Phật tương lai, ở cung trời Đâu-suất, chuyên gia về “Duy thức học”, chính danh là *Từ Thị* - chữ Từ trong Từ, Bi, Hỷ, Xả! “Từ” này do hạt giống Như Lai “mọc” ra, tự nhiên mà có. “Từ” ở đây là “thương”, nhưng là một thứ thương không điều kiện, thương “vô duyên”, không cần một lý do nào cả, nên còn gọi là “vô duyên từ”.

Một thứ “thương vô duyên”, thương bao la rộng lớn, không phân biệt như vậy mà cũng chia chẻ ra “đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại” nữa hay sao? Thì vẫn có thứ tình thương chia chẻ đó, tức là tình thương có “điều kiện”. Hôm qua “đẹp” thì thương, mai xấu, hết thương. Hôm qua “giàu” thì thương, mai nghèo, hết thương. Cái đó gọi là tình thương “ái kiến”. Tình thương mà có “ái kiến” thì sinh mệt mỏi! Kinh nói thế. Tóm lại, có thứ tình thương “mệt mỏi” và thứ tình thương “sảng khoái”. Tình thương sảng khoái là thứ *vô duyên từ*, khi đã “thấy biết” tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều do duyên sanh, đều có Pháp thân Phật, thân Như Lai, chỉ vì lâu nay chưa nhận ra mà đành ngụp lặn trong khổ đau, trong “luân hồi sanh tử” đó thôi.

Tất cả chúng sinh đều là Như. Tất cả các pháp cũng là Như. Các vị thánh hiền cũng là Như. Cho đến Di-lặc cũng là Như. Nếu là Như, thì chẳng hai, chẳng khác (...). Bồ-đề hành với tâm Từ - hạt giống của Như Lai - thì “Bồ-đề ấy, không thể dùng thân mà được, không thể dùng tâm mà được”. Dùng “thân” là bày vẽ, là tô son trét phấn cho tình thương, dùng “tâm” là hì hục, ráng sức mà thương... Cái thương có sự phân biệt, chia chẻ, hì hục, ráng sức... nên “mệt mỏi” là phải! Tịch diệt là Bồ-đề, vì dứt hết các tướng... Chẳng hai (Bất nhị) là Bồ-đề, vì lìa ý và pháp. Bình đẳng là Bồ-đề, vì bình đẳng như hư không. Vô vi là Bồ-đề, vì không có những sự: sinh, trụ, diệt...’.

Krishnamurti nói, “Tình thương không phải là quá trình của tư tưởng. Ta không thể “nghĩ” đến tình thương, không thể vun trồng, không thể tập luyện được. Tập thương, tập rung động trong niềm tương thân tương ái vẫn còn trong vòng ràng buộc của khối óc, nên đó chẳng phải là tình thương. Chỉ khi nào các thứ ấy dứt đi thì tình thương hiển hiện, và lúc ấy ta mới biết thế nào là tình thương. Tình thương không phải ở phẩm mà cũng chẳng phải ở lượng”.

Khi tâm rỗng hết mọi vật của trí, khi trí rỗng hết mọi

suy tư thì có tình thương. Chỉ có cái không mới là vô tận. (Trúc Thiên dịch).

* Đó là Di-Lặc, Từ Thị, “vô duyên từ” còn Quang Nghiêm thì sao? Quang Nghiêm là một đồng tử, hẳn là một vị tu sĩ trẻ, nhưng cũng có thể là một vị Bồ-tát đã thành tựu nhưng có đời sống hỗn nhiên, trong sáng. Đó là một đồng tử nghiêm trang và trí tuệ, tu tập tinh cần trong bốn bức tường của đạo tràng, tinh tấn, kham nhẫn, tri túc, phòng hộ các căn... Lúc trên đường từ đạo tràng về thì tình cờ gặp Cư sĩ Duy-ma-cật đang đi vào thành, ‘Cư sĩ từ đâu lại đây?’ Quang Nghiêm kính cẩn chào hỏi. ‘Tôi từ đạo tràng lại đây.’ Duy-ma-cật đáp. ‘Đạo tràng ư? Đạo tràng nào vậy? Đạo tràng đó là ở đâu?’ Quang Nghiêm ngạc nhiên.

Vì đồng tử Quang Nghiêm chỉ biết có mỗi một thứ đạo tràng mà ông thường xuyên lui tới để tu luyện.

Duy-ma-cật cũng ngạc nhiên: Ô hay! Đạo tràng thì chỗ nào mà chẳng là đạo tràng. Chỗ nào có chúng sanh thì hẳn có đạo tràng chứ. *Chúng sanh vô biên thế nguyền đời!* Chỗ nào có phiền não thì hẳn có đạo tràng chứ. *Phiền não vô tận thế nguyền đoan.* Nơi nào càng có nhiều chúng sanh, càng có nhiều phiền não thì nơi đó càng cần nhiều đạo tràng mới phải chứ! Như vậy mới là lòng Bi rộng lớn, “đồng thể đại Bi” một khi đã nhận ra Pháp thân Phật, thân Như Lai trong tất cả chúng sanh.

“Các phiền não là đạo tràng, vì biết hết thầy như thật. Chúng sanh là đạo tràng, vì biết rằng đó là vô ngã”.

Duy-ma-cật giải thích thêm:

“Lòng ngay thẳng là đạo tràng, vì không có sự hư dối”.

Lòng ngay thẳng, “trực tâm” là sự bình đẳng, là không phân biệt đối xử (non-discrimination), ở đó không có sự hư dối, ở đó là sự chân thành, thân khẩu ý nhất quán, không phải nói một đằng, nghĩ một nẻo kiểu “bề ngoài thơn thớt nói cười”!

Khởi làm là đạo tràng, vì có thể biện biệt được sự việc. Phải xắn tay vào việc. Vừa làm vừa học. Tu không thể là tu mù, cũng không thể là đẩy sách. Tu phải hành.

Bồ thí là đạo tràng, Trì giới là đạo tràng, Nhẫn nhục là đạo tràng, Tinh tấn là đạo tràng, Thiền định là đạo tràng, Trí huệ là đạo tràng... Từ là đạo tràng, Bi là đạo tràng, Hỷ là đạo tràng, Xả là đạo trường...

Tóm lại, thực hành Lục độ Ba-la-mật ở đâu thì ở đó là đạo tràng, thực hành Từ Bi Hỷ Xả ở đâu thì ở đó là đạo tràng.

Trong một giây nghỉ, biết hết tất cả các pháp, đó là đạo tràng, vì thành tựu được cái trí biết tất cả. Cái trí biết tất cả là Nhất thiết chủng trí, có được, một khi Mạt-na thức đã trở thành Bình đẳng chánh trí.

‘Như vậy đó, thiện nam tử! Nếu Bồ-tát dùng các ba-la-mật mà giáo hóa chúng sinh, nên biết rằng mọi việc làm của mình, cho đến những cử động nhỏ như nhấc chân, hạ chân, đều từ đạo tràng mà lại, trụ nơi Phật Pháp’.

* Thật là sai lầm khi cho rằng Phật giáo tiêu cực, chỉ thấy đời là bể khổ, muốn giải thoát bản thân, muốn rời bỏ thế gian. Nếu vậy thì đã không có Bồ-tát Trì Thế xuất hiện ở đây. Trì là giữ gìn, Thế là thế gian. Trì Thế vì vậy là vị Bồ-tát

có trách nhiệm bảo trợ, giữ gìn, làm cho thế gian được an vui, hỷ lạc, hạnh phúc. Bên cạnh Bồ-tát này còn có sự giúp đỡ của các vị thiên vương ở bốn hướng đông tây nam bắc: Trì Quốc Thiên Vương (giúp giữ nước), Tăng Trưởng Thiên Vương (giúp phát triển). Quảng Mục Thiên Vương (giúp có tầm nhìn xa), Đa Văn Thiên Vương (giúp học nhiều biết rộng). Có thể nói Bồ-tát Trì Thế mang đến hỷ lạc, hạnh phúc cho cõi ta-bà và nhờ đó có thể biến ta-bà thành cõi Phật.

Nói đến thế gian, không thể không có người nữ. Cho nên ma Ba-tuần mới đem mười hai ngàn thiên nữ đến dâng cho Trì Thế Bồ-tát. *"Xin ngài thân nhận mười hai ngàn thiên nữ này, các nàng có thể lo việc quét tước giặt rửa."* Bồ-tát Trì Thế hoảng hốt: *"Kiểu-thi-ca! Tôi là sa-môn Thích tử, ông đừng yêu cầu tôi nhận những thứ không đúng với pháp tu hành. Điều đó là trái với nghi luật của tôi."* Thế gian nhiều "ma" lắm! Ma bên ngoài và ma bên trong. Khi Phật còn ngồi thiền dưới cội bồ-đề mà ma còn dám đến quấy rầy, toàn những ma chân dài, ống ẹo, uốn éo vây quanh. Phật nói: Ta không cần mấy cái túi da này đâu! thì "ma" mới biến mất!

Duy-ma-cật đến đúng lúc: *'Chẳng phải Đế-thích đâu! Đó là ma đến quấy rối ngài đó'.* Rồi quay sang nói với ma Ba-tuần rằng: *'Các nàng này có thể tặng cho ta. Ta bằng lòng thân nhận'.* Duy-ma-cật sẵn lòng. Ma Ba-tuần miễn cưỡng giao các nàng cho Duy-ma-cật. Ông liền *"tùy theo chỗ thích hợp mà thuyết pháp với các nàng, khiến cho tất cả đều phát đạo ý"*. Rồi nói: *' Nay các nàng nên phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Có những điều vui theo đúng pháp để cho tự vui lấy, chẳng nên vui với năm dục nữa'.*

Tự vui ấy là cái vui sâu thẳm bên trong. Tâm hoan hỷ đến khi rời bỏ các dục, ly dục. Dục thì có năm thứ (ngũ dục): danh, tài, sắc, thực, thụ: danh tiếng, tiền tài, sắc đẹp, cái ăn, cái ngủ. Những thứ dục đó đều mang đến ưu phiền và sợ hãi. *"Dục ái sinh sầu ưu, Dục ái sinh sợ hãi..."* (Pháp Cú).

Phật dạy: "Ham muốn cái danh tiếng thường tình mà không lo học đạo chỉ uống công mệт sức mà thôi. Giống như đốt hương, khi người ta ngửi được mùi thơm, thì cây hương đã tàn rồi. Tiền tài và sắc đẹp đối với con người giống như chút mật trên lưỡi dao... đứa trẻ liếm vào thì dứt lưỡi" (kinh 42 chương).

Các thiên nữ nhao nhao hỏi: *'Những gì là vui theo đúng pháp?'*

Đáp: *'Vui thường tin Phật, vui muốn nghe Pháp, vui cúng dường Tăng. Vui lìa năm dục, vui quán năm ấm như bọt oán tác, vui quán bốn đại như rắn độc...'*

Tam quy ngũ giới, thọ bát quan trai, hiểu tứ đại ngũ uẩn vô thường, khổ, vô ngã, chừng ấy đủ mang lại hạnh phúc thế gian.

"Vui làm việc bố thí rộng lớn. Vui giữ bền giới hạnh. Vui nhẫn nhục nhu hòa. Vui siêng góp căn lành. Vui thiền định chẳng loạn. Vui lìa cấu nhiễm, tỏ sáng trí huệ. Vui mở rộng tâm Bồ-đề. Vui hàng phục chúng ma. Vui cắt đứt các phiền não..."

'Chúng tôi sẽ làm gì khi ở nơi chốn cung ma?' Các nàng hỏi.

"Duy-ma-cật nói: 'Này các cô, có một phép tu gọi là Đền không dứt (Vô tận đặng). Các cô nên học phép tu ấy. Đền không dứt có nghĩa là, như từ một ngọn đèn, mỗi ánh sáng ra trăm ngàn ngọn đèn liên tiếp. Những chỗ tối đều trở nên sáng, mà ánh sáng không hề dứt. (...) Các cô tuy ở nơi cung ma, hãy dùng phép tu Đền không dứt này mà làm cho vô số thiên tử và thiên nữ đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề'.

Tùy hỷ mà thực hiện được thì như một suối nguồn tươi mát chảy mãi trong tâm hồn. *"Vui gần bạn đồng học. Vui giữa nhóm người chẳng đồng học, lòng không ngăn ngại. Vui hộ trì những kẻ quen biết xấu. Vui gần gũi những người quen biết tốt"*.

Kinh Pháp Hoa đã dành cả một phẩm cho Tùy Hỷ, dành hẳn một đoạn mô tả kẻ tùy hỷ thì "mặt sáng, mắt trong, miệng tươi, môi thơm..." tức là "thành tựu tướng hảo" như Duy-ma-cật khẳng định. Các nàng thiên nữ từ nay không cần dùng mỹ phẩm, cũng chẳng cần giải phẫu thẩm mỹ làm chi!

*Thiện Đức là một Bồ-tát tại gia, thường tổ chức Hội bố thí, cúng dường cho tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, các thầy ngoại đạo và những kẻ bần cùng, hạ tiện, cô độc, hành khát... Duy-ma-cật vào trong hội, bảo rằng: 'Chàng con nhà trưởng giả! Nếu là hội bố thí, chẳng nên tổ chức theo như đang làm đây. Nên mở hội thí pháp, cần gì mở hội thí tài như vậy?' "Sao gọi là Hội thí pháp? Thiện Đức hỏi. "Hội thí pháp là không thí cho kẻ trước người sau.

Trong một lúc, cúng dường tất cả chúng sanh. Đó gọi là hội thí pháp'. Duy-ma-cật đáp. *Nhân vì Bồ-đề, phát khởi lòng Từ. Nhân vì cứu độ chúng sinh, phát khởi tâm đại Bi. Nhân vì giữ gìn Chánh pháp, phát khởi tâm Hỷ. Nhân vì nhiếp thân trí huệ, thi hành pháp Xả... Vì giáo hóa chúng sinh, mà khởi ra lễ không. Vì chẳng bỏ pháp hữu vi, mà khởi lễ vô tướng. Vì thị hiện thọ sinh, mà khởi lễ vô tác. Do hộ trì Chánh pháp, bèn khởi sức phương tiện...*

Đó là hội thí pháp. Nếu Bồ-tát trụ ở hội thí pháp ấy, đó là đại thí chủ, cũng là ruộng phước của tất cả thế gian'.

Bồ-đề tâm nguyện phải đi đôi với Bồ-đề tâm hành. Đó là lúc vào đời, là lúc dẫn thân, ngay cả khi chưa "thành tựu" bản thân. Rồi qua kết nối, qua tương tác, qua duyên sinh, con đường thênh thang sẽ ngày càng rộng mở và dĩ nhiên đòi hỏi ở đó một nghị lực không thoái hóa, không lay chuyển. "Thông tay vào chợ" là một lý tưởng, một mơ ước, nhưng liệu sau đó có bị "chợ hóa" đi không? Trải qua giai đoạn tu thân cam go và khổ hạnh, bây giờ là lúc "xuống núi", "hành hiệp giang hồ", cần phải trang bị tâm thế như thế nào để không bị lạc bước, phải trang bị những "sức phương tiện", kiến thức, kỹ năng nào để "thành tựu chúng sanh" và "thành tựu" chính mình.

Di-lặc Bồ-tát, Đồng tử Quang Nghiêm, Bồ-tát Trì Thế, Thiện Đức... phải chăng đã truyền đi một thông điệp? ■

Nghĩ về tính nhân văn trong nghi thức tế lễ

Bài & ảnh: NGUYỄN THỊ HOA

Từ những tục lệ... đáng sợ...

Thời gian gần đây, nhất là trong các dịp đầu năm, tại một vài tỉnh phía Bắc và ở một số vùng Tây Nguyên, hàng trăm người dân lại tập trung để tham dự lễ hội chém lợn hay đâm trâu. Trong lễ hội, những con trâu hay con lợn khỏe mạnh được chọn ra làm vật hiến tế. Chúng bị đâm, chém trước sự chứng kiến của nhiều người, trong đó có cả trẻ em.

Rất nhiều ý kiến của các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian đều cho rằng đó là những lễ hội tàn bạo, bị không ít cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước phản đối.

Trao đổi về những vấn đề quản lý văn hóa trong các lễ hội được cho là “truyền thống” này, người đứng đầu ngành văn hóa, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH-TT&DL) Hoàng Tuấn Anh đã có quan điểm:

“Chúng ta không thể im lặng trước những bức xúc của dư luận đối với những hành vi phản cảm tại một số lễ hội truyền thống trong thời gian qua”.

Báo Dân Trí tường thuật về buổi làm việc đột xuất của Bộ VH-TT&DL với lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phú cho biết:

“Bộ trưởng khẳng định, những hành vi như đâm trâu, chém lợn... trong các lễ hội tới đây sẽ phải xem xét lại. Ông cho rằng, ở một đất nước giàu truyền thống

văn hóa không thể tồn tại hình ảnh mang lợn ra giữa sân đình cho hàng trăm người chứng kiến cảnh đầu rơi máu chảy, nó không phù hợp với đất nước Việt Nam thanh bình, mến khách”.

Bài tường thuật nhắc lại ý kiến của Bộ trưởng, *“... chúng ta nên giữ gìn, phát huy những lễ hội văn hóa mang đậm giá trị truyền thống, tuy nhiên cũng cần phải làm rõ khái niệm thế nào là truyền thống, truyền thống cần phải có cơ sở văn hóa, khoa học chứ không phải cái gì cũng cứ gán mác truyền thống. Trong trường hợp những giá trị truyền thống nhưng hiện tại không còn phù hợp, chứa đựng nhiều hủ tục khiến dư luận bức xúc, lên án thì cũng cần phải xem xét, đánh giá để cải biến cho*

phù hợp, cái gì tiến bộ hợp lý thì mình phải giữ lại, cái gì không hợp lý thì cần loại bỏ”.

Theo ông, *“làm văn hóa không chỉ để cho hiện tại hôm nay mà là cho các thế hệ mai sau. Vì thế chúng ta phải làm gì, làm như thế nào để sau này con em của chúng ta nhìn vào truyền thống và thấy tự hào về các giá trị truyền thống của dân tộc”.*

Các sự kiện “đâm trâu”, “chém lợn”, “cướp hoa tre” diễn ra ở một số lễ hội vừa qua đã được ông coi là hủ tục mà *“chúng ta cần xem xét để tiến tới loại bỏ hoặc thay đổi hình thức, cách thức để làm sao đảm bảo thật hài hòa giữa truyền thống, văn hóa và những giá trị thời đại...”.*

(Báo Dân Trí ngày 4-3-2015)

Dù diễn ra ở Tây Nguyên (đâm trâu), hay ở đồng bằng sông Hồng (chém lợn), điểm chung khiến những

nghi thức này bị phản ứng là hình ảnh “bạo lực”, “máu me”, “phản cảm” khi trực tiếp đâm chết các con vật trước sự chứng kiến của người xem. Xa hơn, một số ý kiến còn cho rằng những phong tục trên có thể kích thích tính hiếu sát của người xem, gây tác động gián tiếp tới việc hình thành những đối tượng biến thái về nhân cách trong xã hội mới.

Phong tục tồn tại nhưng có thể mất đi khi nhận thức của những người trong cuộc thay đổi. Hy vọng rằng trong một ngày rất gần, những tục lệ trên sẽ chấm dứt, hoặc chuyển sang một hình thức biểu đạt khác phù hợp hơn.

... đến những nghi lễ truyền thống nhân văn thời nhà Nguyễn

Trâu và lợn là hai con vật rất gần gũi với đời sống người Việt.

Cùng với cây lúa nước, con trâu đã gắn liền với nền văn minh lúa nước của xã hội Việt Nam. Hình ảnh con trâu kéo cày bừa trên ruộng đồng trồng lúa, hay con



trâu đứng nằm gặm nhai cỏ trên bãi cỏ, cùng đám mình trong vũng ao hồ là hình ảnh quen thuộc, gợi lên cảm giác thi vị thanh bình ở vùng miền quê nước Việt. Con trâu là hình ảnh của bản chất hiền lành, cần cù của người Việt Nam, biểu tượng cho sức khỏe lực điền. Trong tri thức về loài vật của người Việt thì tri thức về con trâu là có sớm nhất và đầy đủ nhất. Hình ảnh con trâu được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống tinh thần từ hàng ngàn năm qua.

Từ đời sống thực, con trâu đã đi vào lĩnh vực tinh thần, tâm linh thể hiện ở chỗ tượng trâu bằng đất nung đã được tìm thấy trong các di chỉ Tiền Hội, Đồng Đậu; vật trang sức hình đầu trâu tìm thấy ở di chỉ Đình Chàng - Hà Nội; hình ảnh trẻ mục đồng Việt Nam thối sáo trên lưng trâu; trâu hiện diện trong tranh dân gian và điêu khắc gỗ đình làng thế kỷ XVII-XVIII.

Ngoài ra, đối với Phật giáo, trâu được vẽ thành bộ tranh *Thiên tông Thập mục nguưu đồ*, đó là hình thức dạy *thuật luyện tâm* và cũng là quá trình công phu của người học đạo, trước hết tự thắng bản năng mình, sau đến tự tri, cuối cùng chỉ để đạt trạng thái tự tại, an nhiên.

Còn con lợn thì đã được vẽ thành tranh dân gian để treo trong dịp Tết đến xuân về để cầu mong cho sự may mắn. Nó tượng trưng cho sự ấm no, sung túc mà ai ai cũng mong muốn.

Xin được ghi lại một trong những lễ hội truyền thống liên quan đến con trâu dưới thời vua Minh Mạng (1820-1840), đó là Tục tế trâu đất và Mang thần^(*) đã được ghi trong *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ*:

"Mang thần và trâu đất là lễ đời cổ để khuyên cày, lại là việc đầu xuân, có quan hệ đến gốc lớn của sinh dân... nguyên là ý chăm việc làm ruộng, khuyên bảo, giúp đỡ, ở kinh thành đã cử hành trước thì các địa phương cũng nên tuân làm tất cả..."

(Khâm Định ..., sđd, tr.164)

Tác giả Trần Vũ trong bài viết có tựa *Tục tế thần trâu dưới thời Nguyễn* đăng trên tạp chí *Sông Hương* số 240 tháng 2/2009 cho biết: Để chuẩn bị cho lễ tế trâu đất và Mang thần, triều đình nhà Nguyễn giao trách nhiệm cho Khâm Thiên Giám và ty Vũ Khố hàng năm đến ngày Thìn, sau ngày đông chí tổ chức cho hàng thợ thấy đến lấy đất và nước ở Phương thần Tuế đức về **làm ba con trâu đất và ba vị Mang thần**, dùng cây dâu, cây giá để làm thai cốt.

Quan viên các địa phương phải đốc thúc ty Chiêm hậu mang thợ đến Phương thần Tuế đức lấy đất và nước về làm **một con trâu đất và một vị Mang thần**.

Theo quy định, trâu đất có mình cao 4 thước (bằng 1 thước 9 tấc 2 phân) để tượng trưng cho 4 mùa, chiều dài từ đầu đến đuôi trâu là 8 thước để tượng trưng cho 8 tiết. Đuôi trâu dài 1 thước 2 tấc để tượng trưng 12 tháng; đuôi phẩy về bên tả hay hữu căn cứ vào năm Âm hoặc năm Dương. Nếu là năm Dương thì đuôi trâu

phẩy về bên Tả và ngược lại. Năm Dương thì miệng trâu há và ngược lại...

Mang thần cao 3 thước 6 tấc 5 phân để tượng trưng cho 365 ngày trong một năm. Nét mặt của thần được tô điểm để biểu hiện về *trai trẻ* theo các năm: Tý, Ngọ, Mão, Dậu; về *già lão* theo các năm: Dần, Thân, Tỵ, Hợi và về *trẻ con*: Thìn, Tuất, Sửu, Mùi...

Sau khi làm xong trâu đất và Mang thần, Khâm Thiên Giám có nhiệm vụ xem xét ngày giờ rồi họp bàn cùng Bộ Lễ chọn thời điểm tổ chức lễ tế. Theo quy định của triều đình, cần phải chọn giờ *Thìn* của ngày lập xuân, nếu giờ Thìn lập xuân vào lúc đêm tối thì chọn giờ Thìn sau khi trời đã sáng rõ mới làm lễ.

Triều đình quy định rằng: đối với phủ Thừa Thiên, trước lập xuân hai ngày, các quan viên phải lựa chọn mảnh đất sạch sẽ, ngoài cửa chính đông của kinh thành để đặt đàn tế. Các binh dịch thuộc phủ có trách nhiệm đến ty Vũ Khố nhận linh các án màu đỏ mang về phủ thự để chuẩn bị thiết trí trâu đất và Mang thần trong ngày tế.

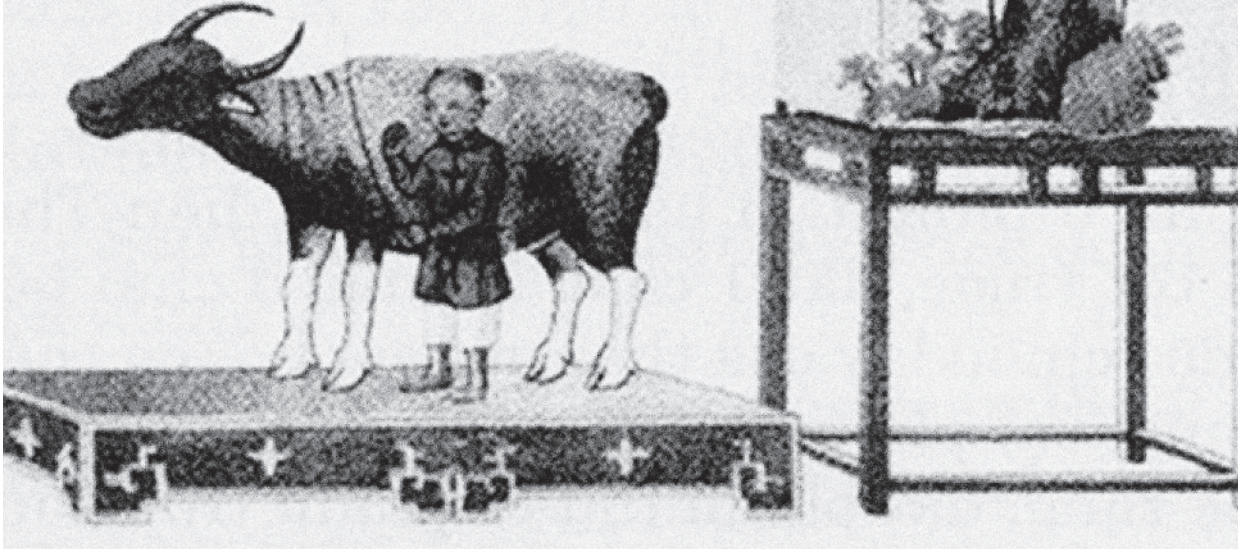
Sáng sớm trước lập xuân một ngày, phủ Thừa Thiên tổ chức làm lễ tế trâu đất và Mang thần, những người phụ trách coi việc bày đặt các hương án, nến đèn, lễ phẩm... Đến giờ lành, các viên Đề đốc, phủ Doãn, phủ Thừa... đốc suất thuộc viên mặc áo quần theo nghi thức tế giao cùng với nghi trượng, tàn, lọng, nhã nhạc đến làm lễ tại các án thờ trâu đất và Mang thần. Sau khi làm xong lễ tế, lễ rước các án thờ trâu đất và Mang thần về đặt tại nhà Bộ Lễ hai án, phủ thự Thừa Thiên một án. Các án thờ được canh giữ cẩn thận đợi đến hôm sau làm lễ chính thức.

Từ tờ mờ sáng ngày lập xuân, phủ Thừa Thiên và các địa phương cùng tổ chức làm lễ chính. Bộ Lễ hội đồng với phủ Thừa Thiên và các quan viên ở Khâm Thiên Giám đều mặc triều phục đến làm lễ tại các án thờ trâu đất và Mang thần ở nhà Bộ Lễ. Lễ tế được tổ chức long trọng theo nghi lễ cung đình. Sau khi làm lễ xong, viên phủ Doãn Thừa Thiên về phủ thự, mang trâu đất và Mang thần ra đánh ba roi để tỏ ý khuyên cày.

Đối với các địa phương tổ chức tế và rước vào ngày lập xuân, công việc chuẩn bị phải bắt đầu từ hôm trước. Đàn tế được đặt ở hướng Đông ngoài thành quách các tỉnh sở tại. Quan địa phương có nhiệm vụ đốc suất thuộc viên chuẩn bị đồ lễ chu tất, đợi đến giờ lành tất cả các quan viên đội mũ, mặc áo thường triều cùng nghi trượng, tàn lọng, nhã nhạc... đến làm lễ tế. Sau khi hoàn tất lễ tế, các án thờ trâu đất và Mang thần được rước về phủ. Quan địa phương ấy lấy roi đánh ba roi rồi kính đặt trâu đất và Mang thần trong công sảnh.

Sau ngày tế trâu đất và Mang thần hàng năm, phủ Thừa Thiên mang trâu đất và Mang thần lần trước giao cho ty Vũ khố lưu giữ. Riêng các địa phương thì chọn mảnh đất sạch để chôn cất. Tuy nhiên, từ năm Minh Mạng thứ 11 (1830), triều đình ra lệnh cho phủ Thừa

**Thần chăn trâu - Câu Mang thần -
Tư liệu_BAVH**



Thiên cùng bàn bạc với Bộ Lễ và ty Vũ Khố lựa chọn chỗ đất sạch để chôn cất trâu đất và Mang thần của năm trước nhằm giảm tải kho lưu giữ ở Vũ Khố.

Nội dung lễ tế này diễn ra khắp các địa phương trong cả nước và được ghi cụ thể trong sách *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ* như sau:

"Minh Mạng năm thứ 9, đình nghị tâu lên được chỉ chuẩn: hàng năm sau ngày đông chí, gặp ngày Thìn, tâu Khâm thiên giám hội đồng với Vũ khố, lấy nước và đất ở Phương thần Tuế đức, làm ra ba con trâu đất và ba vị Mang thần dùng cây dâu cây giá làm thai cất... Sắp tới kỳ lập xuân, Tâu Khâm thiên giám dự đem giờ Thìn dâng tiến..."

Năm Minh Mạng thứ 13, xuống dụ: *"Về khoản trâu đất và Mang thần, nguyên là ý chăm việc làm ruộng, khuyên bảo giúp đỡ, ở Kinh đã cử hành từ trước, thì các địa phương phải tuân làm tất cả, để cho phù hợp với lễ đời cổ. Nay giao bộ Lễ đem khoản ấy tiếp tục tâu lên, đợi chỉ thi hành. Khâm thử"*.

Bộ Lễ tuân phụng lời dụ bàn tâu lên được chỉ chuẩn: hàng năm, sau ngày Đông chí, gặp ngày Thìn các quan địa phương sở tại sức ty Chiêm hậu mang thợ đến lấy nước và đất ở Phương thần Tuế đức ở, làm một con trâu đất và một vị Mang thần dùng cây dâu, cây giá làm thai cốt, coi xem can chi năm ấy thì tháng Giêng chuôi sao đầu trở về phương dân và can chi, ngày lập xuân, tính nạp âm để biện rõ hình sắc.

Đến kỳ chọn đất đặt đàn ở ngoài thành quách các tỉnh sở tại, hướng về phương Đông, trước ngày lập xuân một ngày, bày đặt kỹ án hương nến, lễ phẩm và sức đem án đồ Mang thần và trâu đất; nghi tượng tàn lọng dẫn đi

trước và nhã nhạc đến đàn sở bày biện. Đến giờ làm lễ đón xuân đưa án đồ để Mang thần, trâu đất về thợ. Quan địa phương ấy lấy roi đánh trâu đất và Mang thần ba roi, để tỏ ý khuyên việc cày ruộng, rồi kính đặt ở trong công sảnh. Phạm hàng năm làm lễ đón xuân xong, tức thì đem Mang thần và trâu đất lần trước chôn cất ở chỗ sạch..."

(Trích *KĐĐNHĐSL*, tập IV, sđd, tr.164 -165)

Qua đó ta có thể nói rằng, tục tế trâu đất và Mang thần vào những ngày đầu năm dưới triều nhà Nguyễn, bắt đầu từ thời vua Minh Mạng (1820-1840) là một trong những mỹ tục tốt đẹp được cả nước thi hành. Đây là một hình thức giáo dục truyền thống yêu lao động, có ý nghĩa nhắc nhở nhân dân chăm lo sản xuất, khơi dậy ý thức tự cường của người Việt trong nhiều thế kỷ.

^(*)*Mang thần tức Câu Mang thần (còn gọi là thần chăn trâu), người đời Phục Hy. Hằng năm, triều đình nhà Nguyễn và nhân dân có tục rước thần Câu Mang tượng trưng bằng đứa trẻ chăn trâu đứng cạnh con trâu. Năm nào được mùa thì đứa trẻ đi bằng cả hai chiếc giày, năm nào mất mùa thì chỉ đi một chiếc giày. Các triều vua Nguyễn đều tổ chức tế và rước con trâu và Mang thần bằng đất. Tuy nhiên, từ triều vua Khải Định trở về sau con trâu và đứa trẻ chỉ vẽ vào vải để tế và rước. ■*

Tài liệu tham khảo:

- Báo Dân Trí ngày 4-3-2015.
- Tạp chí Sông Hương số 240 tháng 2-2009.
- Nội các triều Nguyễn, *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ*, tập IV, Nxb Thuận Hóa, 2005.



Thầy kệ!

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Những lời trong bài hát “Một cô đi về” của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn chợt hiện ra trong đầu. Câu hát “Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệt” cứ lặp đi lặp lại làm tôi tin chắc điều mà mình ngờ ngợ. Theo nhiều người có dịp gần gũi, người nhạc sĩ tài hoa này thường nói hai chữ “Thầy kệ!” khi gặp cách cư xử không đẹp hay lời thị phi xấu ác đối với bản thân mình. Người đã nhẹ nhàng buông xả, cần gì đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệt thì chắc sẽ “thầy kệ”, không bám chấp những đối xử bất lợi cho mình, âu cũng thường tình.

Tôi nhớ đến “Thầy kệ!” của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn vì mới đọc được một tiểu phẩm đáng suy gẫm trên mạng.

“Có một ngôi chùa nổi tiếng vì loan truyền nguồn tin, nơi đây thờ một sợi chuỗi do Đức Phật từng đeo khi tại thế và nhà chùa được truyền tặng lại. Đặc biệt, nơi thờ phụng sợi chuỗi chỉ có sư thầy trụ trì và vài bầy đệ tử biết.

Bây người đệ tử tu tập rất tốt và tất cả đều có ngộ tính. Thầy trụ trì cảm thấy rất an tâm và tin rằng tương lai đem y bát truyền cho bất kỳ người nào trong bọn họ, đều có thể làm rạng rỡ Phật pháp. Không ngờ, sợi chuỗi đột nhiên biến mất.

Thầy trụ trì bèn hỏi bầy đệ tử: “Các người ai đã lấy sợi chuỗi, chỉ cần trả về vị trí cũ, ta sẽ không truy cứu và Đức Thế Tôn cũng không trách tội”. Các đệ tử đều lắc đầu.

Bây ngày trôi qua, sợi chuỗi vẫn không được trả về. Thầy trụ trì lại nói: “Chỉ cần ai đó thừa nhận, sợi chuỗi sẽ thuộc về người đó”. Lại trải qua bảy ngày, vẫn không ai thừa nhận.

Thầy trụ trì rất thất vọng: “Ngày mai các người hãy rời khỏi chùa xuống núi hết đi, riêng kẻ đã lấy sợi chuỗi ta cho phép ở lại đây”.

Qua ngày hôm sau, sáu đệ tử thu dọn xong hành lý, thở nhẹ một hơi dài, nhẹ nhàng ra đi. Chỉ có một người ở lại.

Thầy trụ trì hỏi đệ tử ở lại:

– Sợi chuỗi đâu?

– Con không lấy.

– Vậy tại sao chịu mang lấy tiếng trộm cắp?

– Mấy ngày nay các huynh đệ đều nghi ngờ lẫn nhau, nếu có người đứng ra, mới giải thoát cho chuyện này.

Lại nói:

– Sợi chuỗi tuy mất, Phật vẫn còn đây.

Thầy trụ trì cười, lấy sợi chuỗi từ trong tay áo mình ra, đeo vào tay người đệ tử”.

Trong tiểu phẩm vừa kể, người đệ tử chấp nhận ở lại với thầy bằng tâm thái “Thầy kệ!” mặc cho phán xét của người đời là mình đã trộm cắp. Thầy kệ vì “Người hiểu bạn, không cần phải giải thích; người không hiểu bạn, giải thích cũng vô ích”.

Tôi lại nhớ đến mấy câu Kinh Pháp cú mới vừa đọc:

*Lấy không giận thẳng giận,
Lấy thiện thẳng không thiện,
Lấy thí thẳng tham xan,
Lấy chơn thẳng hư ngụy.*

(Pháp Cú 233, Thích Minh Châu dịch)

“Thầy kệ!” chính là sự biểu lộ cho hành động không nhắm đến mục đích trả đũa. Nó là sự vô tâm, buông xả mà nội dung của mấy câu kinh vừa kể thể hiện không gì trọn vẹn hơn.

Tôi đã buột miệng “Thầy kệ!” vì vừa xem xong một clip trên mạng TED (viết tắt Technology - Entertainment - Design) với tên “Cái giá của sự sỉ nhục”. Monica Lewinsky là diễn giả thuyết trình trên TED về kinh nghiệm đau thương của cô cách đây 17 năm.

Vào năm 1998, Monica Lewinsky là nữ thực tập sinh tại Nhà Trắng bị phát hiện dính líu vụ bê bối lạm dụng tình dục của Tổng thống Mỹ Bill Clinton. Cô gái trẻ đẹp đã chịu biết bao đau khổ vì sự dâm tiếu, sỉ nhục do có mối “quan hệ không phù hợp” với tổng thống một siêu cường quốc. Cô tuyệt vọng đến độ, theo lời cô kể: “Như một đứa trẻ con, cả tháng tôi chỉ được tắm mà không được đóng cửa phòng, để mẹ tôi theo dõi ngăn tôi không làm điều gì không tốt cho bản thân”. Cô nhớ mãi về thời gian mà cả bố mẹ đều sợ rằng cô có thể bị làm nhục đến chết theo nghĩa đen.

Giờ đây, sau 17 năm im lặng, cô thực tập sinh Nhà Trắng ngày nào nay đã 41 tuổi, lên tiếng với bài thuyết trình “Cái giá của sự sỉ nhục” mang nhiều giá trị nhân văn rất đáng suy nghĩ. Cô cho biết đã lên tiếng vì thời của cô, sự sỉ nhục người khác khu trú, không lan rộng toàn cầu một cách nhanh chóng như hiện nay. Cô lên tiếng vì sau 5 năm mạng truyền thông xã hội ra đời, với sự phát triển của công nghệ thông tin như hiện nay, hậu quả của những trường hợp giống như cô trước đây còn kinh khủng hơn rất nhiều. Trong cuộc nói chuyện, cô đã nhắc đến Tyler Clementi mới 18 tuổi, là sinh viên năm thứ nhất Đại học Rutgers. Chàng trai trẻ Tyler sáng tạo, nhạy cảm, ngọt ngào bị bạn cùng phòng bí mật quay đoạn phim cậu đang thân mật với một chàng trai khác và tung lên mạng. Khi thế giới mạng biết đến sự việc này, họ đã giễu cợt và sỉ nhục chàng trai. Tyler đã tự tử chết ở cầu George Washington. Cái chết của Tyler Clementi cho thấy internet đem lại lợi ích rất nhiều nhưng quyền uy đen tối của nó ngày càng trở nên đáng sợ. Nó có thể tạo nên và hoàn thiện “văn hóa” sỉ nhục. Sử dụng nó không khéo, người ta có thể dùng

lời nói giết người hay đâm chết người bằng hình ảnh và chữ. Các mạng xã hội đã bị lợi dụng để người thực hiện các hành vi gọi là “bắt nạt kỹ thuật số”, “bạo hành tinh thần qua mạng”, “ném đá trên mạng”. Xử sự tàn ác với người khác thì không có gì là mới, nhưng với sự giúp đỡ của công nghệ thông tin, của thế giới ảo, sự sỉ nhục ấy được khuếch đại và còn lưu lại mãi mãi. Nếu như sự xấu hổ ở thế giới thực chỉ trong phạm vi gia đình, làng xóm, trường học hay cộng đồng nhỏ hẹp xung quanh, thì ở thế giới ảo, hàng triệu người trên thế giới có thể đâm vào tim bạn bằng những lời lẽ, chữ nghĩa của họ. Theo Monica Lewinsky, trong 2 thập kỷ qua, chúng ta đã gieo những hạt giống của sự xấu hổ và sự tổn thương trên mảnh đất văn hóa của con người chúng ta, cả ở thế giới thật và ảo. Hàng ngày, người ta online, đặc biệt là những người trẻ - những người chưa được trang bị để đối phó với điều này, và vì thế họ bị lạm dụng, bị làm tổn thương đến mức không thể tưởng tượng có thể sống tiếp tới ngày hôm sau nữa hay không, và nhiều thảm kịch đã xảy ra. Nó không còn ở trong thế giới ảo nữa.

Cần làm gì để chấm dứt “môn thể thao đâm máu” này? Monica Lewinsky gọi “bắt nạt kỹ thuật số” là “môn thể thao đâm máu”. Có lẽ vì việc chế giễu hay phỉ báng người khác trên mạng, theo một số người, đem đến sự giải trí không khác gì một môn thể thao nhưng lại có thể làm rất nhiều người đổ máu. Cô nói: “Chế giễu công khai là một môn thể thao đổ máu cần phải dừng lại. Hãy bình luận bằng những ngôn từ tích cực, tiếp nhận tin tức và click chuột bằng sự bao dung, bởi chúng ta đã gieo những hạt giống của sự xấu hổ và sự tổn thương trên mảnh đất văn hóa của mình, cả ở thế giới thật và ảo”. Theo cô, tất cả chúng ta đều muốn được lắng nghe, nhưng hãy nhìn nhận sự khác nhau giữa nói có mục đích và nói để được chú ý (hay vì ác ý). Bao dung giúp thế giới trở thành một nơi tốt đẹp hơn và an toàn hơn. Chúng ta cần giao tiếp trên thế giới ảo bằng sự bao dung, tiếp cận tin tức bằng sự bao dung và click chuột bằng sự bao dung.

Ồi, nếu Monica Lewinsky dùng tiếng Việt sẽ thốt lên: “Thầy kệ!” thay vì dùng “Hãy bao dung!” cho mà xem. Cô đã nói: “Bất cứ ai đang bị tổn thương và bị sỉ nhục trước công luận cần biết một điều: Bạn có thể vượt qua, có thể không ít đau đớn, không nhanh chóng hay dễ dàng, nhưng bạn có thể đặt một cái kết khác cho câu chuyện của mình. Hãy bao dung với chính mình. Tất cả chúng ta đều xứng đáng được bao dung để sống ảo và sống thật trong một thế giới từ bi hơn”. Có khác gì cô đã sống và nói: “Thầy kệ!” trước mọi chế giễu công khai của “văn hóa” sỉ nhục của người đời. Cũng như cô mong muốn người đời “thầy kệ”, không lệ thuộc cái bản năng xấu ác của mình, không gieo hạt giống xấu hổ cho người khác. ■

Nơi tỏa bóng yêu thương

LÊ HẢI ĐĂNG

Hội chứng tự kỷ ở trẻ đang là mối quan tâm của toàn xã hội; đặc biệt, hội chứng này bắt đầu trở thành gánh nặng và là nỗi ưu tư dài lâu cho những bậc cha mẹ không may có con mắc phải. Thông tin từ Cục Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết ở nước ta chưa có nghiên cứu, điều tra và thống kê chính thức về trẻ tự kỷ, nhưng theo những số liệu dẫn từ các cơ sở điều trị hội chứng tự kỷ thì có thể ước đoán cứ 166 trẻ lại có một trẻ bị tự kỷ. Con số này chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong cấu trúc dân số và chưa phải là con số báo động, song lại đáng lo ngại vì xu hướng gia tăng suốt mấy thập niên qua.

1. Căn bệnh thời đại

Nhìn từ góc độ lịch sử, hội chứng tự kỷ mang dấu ấn thời đại, khi vai trò cá nhân được đề cao, tiện ích sinh hoạt phát triển thì tương tác xã hội suy giảm, con người dễ rơi vào tình trạng cô đơn. Các nghiên cứu tâm lý cho thấy, trẻ dễ mắc hội chứng tự kỷ vào giai đoạn từ 18 tháng đến 36 tháng tuổi, thời kỳ phát triển ngôn ngữ, có nhu cầu giao tiếp... Xuất phát từ bối cảnh xã hội, nhiều gia đình có con nhỏ giao phó hoàn toàn cho người giúp việc, bảo mẫu. May mắn gặp được người biết chăm sóc trẻ nhỏ, thường xuyên trò chuyện, chơi đùa với chúng; bằng không, tình trạng ủy thác trẻ cho ti-vi, máy tính, iPhone, iPad... sẽ tạo điều kiện cho những biến đổi tâm lý giúp chúng thu hẹp khoảng cách với thế giới xung quanh. Khi phát hiện thấy trẻ có những dấu hiệu bất thường, cha mẹ đưa con đi khám bác sĩ chuyên khoa sẽ nhận được kết quả chung chung, mơ hồ như "Có dấu hiệu tự kỷ".

Trên thực tế, cái "dấu hiệu" ấy đã tiềm ẩn một sự việc đã rồi. Bác sĩ giỏi hay thầy cô giáo chuyên biệt dày dặn kinh nghiệm quan sát cử chỉ của trẻ có thể đoán biết, nhận diện tình trạng đứa bé. Khi mắc bệnh, trẻ cần tới sự quan tâm đặc biệt, có lộ trình can thiệp của các bác sĩ tâm lý, thầy cô giáo chuyên biệt.

Ngôn ngữ là trở ngại đầu tiên đối với trẻ mắc chứng tự kỷ. Khi cánh cổng giao tiếp đóng lại, chúng ta sẽ gặp muôn vàn khó khăn khi xâm nhập nội giới của trẻ. Theo nhà Phân tâm học nổi tiếng Sigmund Freud thì, "tự kỷ là sự đầu tư vào đối tượng quay trở lại trong cái tôi", trẻ tự kỷ "ẩn náu trong thế giới bên trong huyền tưởng và ảo ảnh". Còn theo Paul Eugen Bleuler: thì "Tự kỷ là khái niệm dùng để chỉ những người bệnh tâm thần phân liệt không còn

liên hệ với thế giới bên ngoài nữa mà sống với thế giới của riêng mình, bệnh nhân chia cắt với thực tế bên ngoài và lui về thế giới bên trong, khép mình trong ham muốn riêng và tự mãn". Còn Leo Kanner lại đưa ra định nghĩa, "Tự kỷ là sự rút lui cực đoan của một số trẻ em lúc mới bắt đầu cuộc sống, triệu chứng đặc biệt của bệnh là một sự hiếm thấy, là sự rối loạn từ cội rễ, là sự không có khả năng của những trẻ này trong công việc thiết lập các mối quan hệ bình thường với các tình huống từ lúc chúng bắt đầu cuộc sống". Các nhà tâm lý học nói chung đã dành nhiều tâm huyết cho những quan sát, nghiên cứu, mô tả về căn bệnh. Chứng tự kỷ cũng thu hút sự quan tâm của nhiều nhà văn, triết gia... với bản chất thú vị mà đối tượng cung cấp cho người quan sát những dữ liệu phi thực tại của một cuộc sống bình thường không thể có được.

2. Gõ cửa bằng âm nhạc

Chưa bao giờ, chứng tự kỷ lại lan tỏa rộng rãi và nhanh chóng như hiện nay khiến cả xã hội phải lưu ý. Ở nước ta, câu chuyện về trẻ tự kỷ đã đi từ thế giới khép kín mang số phận riêng tư vào xã hội, thu hút sự quan tâm của nhiều người. Thành phố Hà Nội đã hình thành những trung tâm, những câu lạc bộ tự kỷ mà hội viên đều là những người có con em mắc hội chứng này. Tại thành phố Hồ Chí Minh, nhiều tổ chức phi chính phủ được thành lập nhằm tham gia, hỗ trợ điều trị. Nó phản ánh bức tranh xã hội đương đại mà trên điểm nhấn là sự chia cách giữa con người với nhau bằng nhiều biểu hiện bất thường.

Cuối năm 2014, nghệ sĩ viola Nguyệt Thu trở về nước sau một phần tư thế kỷ học tập, làm việc tại nhiều quốc gia trên thế giới, đã tham gia, thành lập Trường Giáo dục và Đào tạo Âm nhạc *Sunrise For Art* cho trẻ tự kỷ tuổi từ 11 đến 17. Ngôi trường này đảm nhận việc thực hiện sứ mệnh cao cả làm cầu nối giữa gia đình, trẻ mắc hội chứng tự kỷ và những người đồng hành.

Vốn là một nghệ sĩ biểu diễn, Nguyệt Thu dẫn thân vào một địa hạt học búa mà hiệu quả trước mắt khó thể tiên liệu. Điều đó cho thấy tâm huyết ở một nghệ sĩ có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội. Trong lĩnh vực âm nhạc trị liệu, người tham gia đóng vai trò kép, chỉ dẫn, đồng hành và sử dụng các biện pháp khai mở, thị phạm nhằm can thiệp vào tình trạng người bệnh. Trước đây, nghệ sĩ đàn tranh người Đài Loan Isabella, một tín đồ Phật giáo kiên thành từng mở lớp âm nhạc nhằm đào tạo cho trẻ mắc hội chứng tăng động tại thành



phố Hồ Chí Minh. Song, giữa tăng động và tự kỷ là cả một khoảng cách khó thể lấp đầy bằng phương pháp giáo dục thông thường. Điều này cần tới một phương pháp kết hợp đa dạng theo tư tưởng “tùy duyên hóa độ” nhằm đạt mục đích bằng nhiệt huyết và niềm hy vọng vô bờ. Nó đòi hỏi ở người tham gia tinh thần dẫn thân cao độ, nhẫn nại vượt bậc. Âm nhạc trị liệu không phải là đơn thuốc, cũng không có tác dụng giải phẫu tâm lý, nên khả năng tiên liệu về hiệu quả rất khó xác định.

3. Khám phá miền đất tâm hồn

Trẻ tự kỷ sống trong thế giới khép kín, công cụ ngôn ngữ đã không thể phá vỡ được cánh cổng kiên cố để thâm nhập thế giới tâm hồn. Nội giới con người như một tòa lâu đài nhiều tầng, có nhiều cánh cửa đóng mở. Chúng ta sẽ bước vào từ cánh cửa nào? Âm nhạc với bản chất khả biến của mình có thể được sử dụng như một biện pháp nhằm gỡ cánh cửa mà ngôn ngữ tỏ ra bất lực. Việc sử dụng âm nhạc vào mục đích trị liệu đã hình thành những cơ sở lý thuyết, thực nghiệm hàng thế kỷ qua. Tuy nhiên, ở nước ta, âm nhạc trị liệu mới áp dụng một cách tản mác, tự phát, chưa hình thành một cách chuyên nghiệp với những tổ chức có khả năng tập hợp cả giới y khoa và âm nhạc. Trường đào tạo âm nhạc cho trẻ tự kỷ của nghệ sĩ Nguyệt Thu có thể nói là một cơ sở chuyên biệt đi đầu trong lĩnh vực này. Đây là một địa hạt đầy chông gai, vô cùng hiểm hóc. Sự khởi đầu tốt đẹp chưa hẳn đã đại diện cho toàn bộ tiến trình. Vì vậy, để phát triển lâu dài không thể chỉ xây dựng bằng nhiệt huyết và tài năng của những người tham gia, mà cần xây dựng chiến lược phát triển với sự chung tay của nhiều người.

Âm nhạc từng được sử dụng làm phương tiện giao

tiếp với thần linh. Lần này, nó đóng vai trò gỡ cánh cửa bước vào thế giới đóng kín của trẻ tự kỷ với mong muốn chuyển hóa những gì vô ích thành hữu ích, biến sức mạnh hủy diệt thành sự sáng tạo. Trong tôn giáo hay tín ngưỡng, âm nhạc có khả năng cộng thông giữa thế giới hữu hình và vô hình, truyền đi bức thông điệp không có văn tự để xâm nhập các cõi. Những nỗ lực của lý trí gặp phải trở ngại trong quá trình điều trị trẻ tự kỷ cho phép đặt ra những giả thiết to lớn về khoảng trống tâm hồn bị bỏ ngỏ cần khai phá. Mặc dù ngành âm nhạc trị liệu ra đời chưa đầy một thế kỷ qua, song, việc sử dụng âm nhạc vào mục đích trị liệu không hề mới mẻ. Với tính chất khả biến, vô hình, phi thực tại, các pháp sư, kinh sư, đạo sĩ, bà đồng, thầy mo, then... đều sử dụng âm nhạc vào việc huy động sức mạnh siêu nhiên. Thông qua âm nhạc, họ tiến hành các biện pháp ma thuật, thực hiện sứ mệnh cao cả cộng thông giữa thế giới thần linh và con người mà một trong những nhiệm vụ quan trọng là chữa bệnh. Chúng ta đặt hy vọng vào khả năng kỳ diệu của âm nhạc trong cuộc hành trình di chuyển vào bên trong sở trú tâm hồn con người.

Trẻ tự kỷ mang trong mình bản thể khác biệt, dị thường; trong số những trẻ em bị bệnh tự kỷ, vẫn có một tỷ lệ nhỏ mang dấu hiệu thiên tài. Âm nhạc lấy cảm hứng từ những điều phi thực tại nhằm thực hiện chuyển hành trình khai phá miền đất bị bỏ hoang khuất nẻo đằng sau cánh cổng khép kín của tâm hồn con người. Sức mạnh của âm nhạc và niềm tin ẩn chứa những điều kỳ diệu đang chờ ở phía trước. Tôi chẳng dám chúc Nguyệt Thu “thuận buồm xuôi gió”, mà chỉ mong ngày càng có thêm nhiều người chung tay tiếp sức, đồng hành cùng người nghệ sĩ đầy tinh thần trách nhiệm ấy trên suốt chặng đường dài này. ■



Áp lực từ xa: mặt trái của sự tiện lợi

ALECIA SANTUZZI
NGUYỄN QUANG HẢI dịch

Loài người đang sống trong thời đại internet, thời đại mà con người dành quá nhiều thời giờ trong ngày để dán mắt vào các loại màn hình điện tử. Công nghệ đã làm một cuộc cách mạng về những lối giao tiếp với nhau giữa người và người, cho phép hầu như mọi người có thể duy trì liên tục sự tiếp xúc với bạn bè, người thân trong gia đình, người đồng sự và cả những người quản

lý họ. Điện thoại thông minh cùng những loại thiết bị điện tử khác khiến cho việc tiếp xúc được uyển chuyển và thuận tiện. Đó là lý do khiến các tổ chức ngày càng tìm cách thay thế những cuộc họp mặt đối mặt bằng những thư điện tử, tin nhắn và các cuộc họp trực tuyến.

Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu vừa cảnh giác rằng những điều tiện lợi ấy có thể phải trả giá bằng tình trạng suy sụp sức khỏe cả về thể chất và tinh thần của

những người làm việc. Áp lực từ xa thể hiện bằng việc người ta cứ chăm chăm vào việc kiểm tra thông tin gửi đến và nhanh chóng trả lời những thông tin ấy. Tình trạng này khiến cho nhân viên có thể phải làm việc ngay trong những giờ lẽ ra họ được nghỉ ngơi. Các nhà nghiên cứu cho rằng các nhân viên chịu áp lực từ xa có khả năng thể hiện thành tích kém cỏi trong công việc vì thiếu sức khỏe và thường xuyên vắng mặt trong giờ làm việc vì bệnh tật.

Tình trạng bản khoán về việc trả lời các thông điệp gửi đến cũng mang lại một đòi hỏi mới trong môi trường làm việc, nơi mà nhân viên có thể phải dùng mảnh khỏe để xoay xử với những nhiệm vụ khác của họ. Khả năng duy trì liên tục sự kết nối suốt 24 giờ một ngày trong cả một tuần lễ 7 ngày cũng làm nhòe ranh giới giữa giờ công sở và giờ cá nhân.

Như vậy có nghĩa là nhân viên có thể không hưởng thụ sự nghỉ ngơi thích đáng sau giờ làm việc, điều sẽ có tác dụng xấu đến năng lực làm việc của họ.

Cho đến nay, chúng ta biết rằng việc trải nghiệm những áp lực từ xa hầu như ít có liên quan đến tính cách cá nhân mà chủ yếu là tác động của những tiêu chuẩn công việc. Điều này cho thấy chính những người sử dụng lao động là một phần cho việc giải quyết vấn đề. Một sự sắp xếp mau lẹ có thể thiết lập một môi trường làm việc có tính đến giá trị thời gian nghỉ ngơi của nhân viên, đặc biệt là ở những công việc đòi hỏi sự đáp ứng nhanh, như ở bộ phận cấp cứu chẳng hạn. Với những công việc không đòi hỏi sự đáp ứng tức thời, người sử dụng lao động có thể đưa ra những tiêu chuẩn rõ ràng về khoảng thời gian đáp ứng thích hợp mà không ảnh hưởng đến sự nghỉ ngơi của nhân viên, nếu có tình hình đặc biệt diễn ra trong thời gian ngoài giờ làm việc.

Nhưng những kinh nghiệm về áp lực từ xa không chỉ giới hạn trong phạm vi làm việc. Áp lực từ xa còn bắt nguồn từ những sự giao tiếp hàng ngày của chúng ta, và cũng chứa đựng những nguy hiểm tiềm ẩn. Những người bản khoán kiểm tra tin nhắn gửi đến vào ban đêm có thể phải trả giá vào sáng hôm sau. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy việc sử dụng thiết bị điện tử vào những giờ quá khuya góp phần tạo nên sự mất ngủ.

Một lãnh vực quan trọng khác có liên quan là việc lái xe. Những quan tâm về an toàn trong lúc lái xe đã khiến các nhà nước ban hành quy định cấm bấm phím thiết bị điện tử khi cầm tay lái. Việc cưỡng lại nỗi thôi thúc phải trả lời cho một tin nhắn vừa gửi đến là một thái độ thích đáng, vì thống kê cho biết tai nạn giao thông gây nên do việc bấm phím thiết bị điện tử khi ngồi sau tay lái cao gấp vài chục lần so với việc chú tâm vào con đường trước mặt.

Khi công nghệ thông tin xâm nhập bệnh viện thì mối nguy hiểm vì áp lực từ xa hiện diện ngay trong

phòng giải phẫu. Ở Hoa Kỳ, khoảng 50% các bác sĩ được phỏng vấn cho biết đã có ít nhất một lần trả lời tin nhắn giữa lúc đang làm phẫu thuật.

Vi đây là một lãnh vực mới xuất hiện, trong tương lai, các nghiên cứu sâu hơn có thể đóng góp những giải pháp mới để hạn chế rủi ro liên quan đến việc gửi và nhận tin nhắn.

Việc trả lời thật mau mắn những tin nhắn gửi đến cũng là một điều khiến làm leo thang tâm trạng trông chờ ở người nhận tin, rằng người nhận được tin luôn luôn đáp ứng sự trông chờ của mình. Vì vậy, có thể là điều quan trọng khi mỗi người tự điều chỉnh thái độ trả lời tin nhắn của mình để tránh cái chu kỳ tệ hại của sự kỳ vọng ngày càng tăng. Chẳng hạn, hãy gom tất cả những thông tin mà ta nhận được trong một ngày vào một vài thời điểm giải quyết nhất định, và thiết lập một khoảng thời gian “không bị quấy rầy”, như vậy, có thể góp phần điều chỉnh hành vi nhắn gửi thông tin của người khác.

Các nghiên cứu cũng cho thấy rằng chúng ta cũng có thể có trách nhiệm trong việc gây áp lực từ xa đối với người khác bằng việc thúc đẩy một tiêu chuẩn đáp ứng, với bạn bè, với người thân, với người đồng sự... Khi ta cảm thấy khó chịu vì người khác không trả lời ngay lập tức tin nhắn của mình hoặc khi ta cùng lúc gửi một nội dung thông tin theo nhiều kênh truyền thông khác nhau, vừa e-mail, vừa tin nhắn ở điện thoại di động... và kể cả gửi thông tin cho nhóm thông qua các kỹ thuật chuyển tiếp (c/c hay Bc/c), thì ta đã góp phần vào vòng xoáy gây nên áp lực từ xa.

Cho nên, để bẻ gãy những áp lực từ xa, trước hết, tự mỗi người cần xem lại hành vi thông tin của mình một cách thật thận trọng. ■

Nguồn: *Telepressure: The Dark Side of Convenience*, Alecia Santuzzi, therapists4you.com/.../telepressure-the-dark-side-of-convenience.

Alecia Santuzzi là Tiến sĩ Tâm lý học, giảng viên môn Tâm lý Tổ chức Xã hội tại Northern Illinois University, Hoa Kỳ.



Lang thang trong chữ

Còn cần chính xác?

HỒ ANH THÁI



Vấn chương rất nhiều khi không nhất thiết phải chi li chiết tự, chẻ sợi tóc làm tư, căn vặn thật chính xác như khoa học tự nhiên. Nhưng ở nhiều trường hợp, nếu hiểu chính xác đến mỗi chữ thì cũng tránh được những ngôn từ có thể khiến người tình tảo bật cười.

Ta đọc những câu như thế này: *Chỉ có hai người một mình* với nhau (tiểu thuyết *Xứ cát*, Trần Tiểu Cao Đăng dịch). Nó cũng tương tự câu: *chỉ có hai người duy nhất* với nhau. Duy nhất là chỉ có một. Một mình cũng chỉ có một. Viết như thế, một thói quen, kèm vào đấy cụm từ một mình hoặc duy nhất, hàm ý ngoài hai người ra thì chẳng còn ai nữa. Hiểu ý của dịch giả thôi, nhưng vẫn khó tránh cho được một tiếng cười.

Không phải chỉ trong tiếng ta. Một nhà ngôn ngữ học người Mỹ cũng từng nêu ví dụ cùng loại trong tiếng Mỹ. Chẳng hạn ở câu đồng dao mà trẻ con Mỹ hay hát: *Lady Bug, Lady Bug, go home! Your house is on fire and your children are alone*. Tính từ *alone* là đơn độc, cô độc, một mình. Nhưng *your children* lại có

nghĩa là lũ con của bà, là số nhiều. Cả một lũ, mà lại đơn độc, mà lại một mình. Tôi thử chuyển câu đồng dao này sang tiếng Việt: *Cô Bọ ơi cô Bọ, cô hãy về nhà ngay, nhà cô đang bị cháy, lũ con cô đơn thay*. Tôi muốn thay chữ cô đơn bằng chữ bơ vơ: *lũ con bơ vơ thay*.

Ngôn ngữ khác với toán học, nhưng cũng rất nhiều khi nếu ngôn ngữ không chính xác thì sẽ ra một đáp số cộc cạch, sai lệch, không hiệu quả. Ta hãy đọc một câu như thế này: *Vô lấy 20.000 yên bằng cánh tay phải mất ngón út* (tiểu thuyết *69*, Hoàng Long dịch, trang 214). Bàn tay phải thì chính xác hơn chứ nhỉ. Cánh tay thì dài quá, khoảng cách đến với chỗ ngón út bị mất là cả một khoảng thiếu chính xác dài dằng dặc.

Bản tin thời sự hay có câu đại loại: *bạo động làm 42 người chết và hơn 500 người khác bị thương*. Đếm người bị thương, người ta không tính cả người chết vào đấy. Cho nên người bị thương chắc chắn là *người khác*. Người ta cũng từng phê phán cách viết tương tự trong bản tin ở Anh - Mỹ: *42 persons were killed and 500 others wounded*. Thừa chữ *others*.

Sự thiếu chính xác còn ở động từ *đổ* trong câu sau: *mưa phùn cứ đổ xuống từng chập* (*Kẻ trộm sách*, Cao Xuân Việt Khương dịch, tr.223). Người dịch ơi, mưa phùn không đổ như mưa rào đâu. Nó như bụi, nó lay phay, nó lầy rầy, nó lướt lướt. Nó rải như bụi, nó rắc nhẹ, nó bay như phấn hoa. Nó cũng không thể tuôn rơi hoặc đổ xuống *từng chập*, vì nó như có như không và dai dẳng. Người dịch nghĩ ngợi thêm một tí là sẽ tìm được động từ chính xác cho nó thôi.

Cũng là độ chính xác, lần này lại ở một tính từ: *mặt mũi tôi hơi đỏ gay chút xíu* (*Kẻ ích kỷ lãng mạn*, Phùng Hồng Minh dịch, tr.36). *Đỏ gay* là đỏ lắm rồi, đỏ rần lên, đỏ rực lên, đỏ gay gắt. Thế thì chẳng phải là *hơi đỏ*. *Hơi đỏ* và *đỏ gay* là hai sắc độ khác hẳn nhau. Sau chữ *đỏ gay* lại còn chữ *chút xíu*. Ta dám tin rằng bộ mặt lúc này mới *hơi đỏ* thôi, chứ chưa đến mức *đỏ gay*. Còn nguyên bản mà viết là *cực kỳ đỏ, rất đỏ*, thì mới có thể dịch thành *đỏ gay* được.

Nói tiếp về sự thiếu chính xác. Ta còn gặp những thành ngữ ví von: *tình trạng học sinh ngồi trong lớp mà bụng đói meo xảy ra như cơm bữa*. Trời ơi đang nói chuyện học sinh nghèo bị đói thường xuyên mà lại dùng thành ngữ như *cơm bữa*. Như *cơm bữa* là cứ đến bữa sẽ được ăn, ngày đủ mấy bữa, thường xuyên, đúng giờ. No quá rồi còn gì, nào có thiếu đói gì đâu. ■



Công nghệ in ở nước ta thời phong kiến

ĐẶNG VIỆT THỦY

Nghề in ở nước ta đã có từ lâu đời. Từ thế kỷ XI, nghề in mộc bản đã xuất hiện, đến thế kỷ XV đã phát triển tương đối khá, sang thế kỷ XVIII, nghề in càng được mở rộng. Từ đầu thế kỷ XIX trở đi, nghề khắc ván gỗ để in sách in truyện đã có bước phát triển mới và ngày càng được mở rộng.

Ở Việt Nam thời trước, có thể nói nghề in đã phát triển theo ba con đường sau:

- Việc in kinh sách của các đền chùa.
- Việc in ấn do nhà nước phong kiến chủ trương.
- Nghề in của các thư phường và của một số tư gia.

Chùa chiền – nơi xuất hiện những bản sách in đầu tiên

Đạo Phật được truyền vào Việt Nam từ rất sớm, vào khoảng thế kỷ thứ II sau Tây lịch, bắt đầu từ Luy Lâu, Bắc Ninh, bằng nhiều con đường khác nhau (từ Trung Quốc xuống, từ Ấn Độ sang...). Nơi sinh hoạt tôn giáo của Phật giáo là chùa. Chùa vừa là cơ sở sinh hoạt tín

ngưỡng, vừa là công trình văn hóa của mỗi vùng dân cư và còn là nơi lưu giữ những giá trị văn hóa của dân tộc, vừa là trường rèn luyện đạo đức, nhân cách, giáo dục lòng nhân ái, làm điều lành, tránh điều dữ cho Tăng Ni, Phật tử. Do đó, việc in kinh sách cho các chùa chiền là rất cần thiết.

Từ thời nhà Lý, các sản phẩm in chủ yếu là của Phật giáo được tư do lưu hành. Tương truyền nhà sư Tín Học trụ trì chùa Quang Đỉnh trên núi Không Lộ (tức núi Thầy ở Sơn Tây) đã từng khắc ván in kinh Phật, ông mất năm 1190. Sách *Thiền uyển tập anh* cho biết Thiền sư Tín Học (?-1190), “họ Tô, gia đình mấy đời làm nghề khắc ván in kinh”, không rõ tên, ngài đã đốt một ngón tay phát nguyện khi đứng trước tượng Phật: “Đệ tử này đã bao kiếp lao khổn trong vòng trần ai. Nay xin dứt hẳn không quay lại nữa”.

Đến thời nhà Trần cũng vậy, khoảng cuối thế kỷ XIII, dưới triều vua Trần Anh Tông, triều đình ra lệnh theo nguyên văn kinh *Đại Tạng* chép ra một bản khác, cho khắc in để lưu hành. Đến tháng 8 năm Kỷ Hợi (1299), lại

cho in các sách *Phật giáo pháp sự, Đạo trường tân văn* và *Công văn cách thức* ban bố khắp trong nước (theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, trang 87, Nxb Khoa Học Xã Hội, 1971).

Sau đó, các đền chùa dựa vào việc này thường tự động in kinh tạng thiên gia hoặc các sách “vệ đạo” khuyến thiện. Các chùa có in những kinh sách sau: *Thiên uyển tập anh* (cũng gọi là *Đại Nam thiên uyển truyền đăng tập lục*), *Tam tổ thực lục*, *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh*, *Trúc Lâm truyền đăng lục*, *Khóa hư lục*, *Trần triều Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục*...

Ngoài ra, các đền chùa còn in các kinh sách khác như: chùa Phúc Long, xã Phú Lăng in *A-di-đà kinh yếu giải*, đền Ngọc Sơn, Hà Nội in *Âm chất đăng diễn ca*, *Âm chất giải âm*, chùa Hàm Long, Hà Nội in *Báo ân kinh chú nghĩa*...

Dưới thời phong kiến, các đền chùa in kinh sách là một việc rất quen thuộc và phổ biến ở nhiều nơi. Đến thời Pháp thuộc, mặc dù chữ Quốc ngữ đã lưu hành, máy in bản đã lần lượt ra đời, nhưng tại các đền chùa chủ yếu vẫn dùng lối in cũ để in các ấn phẩm thuộc phạm vi tôn giáo. Kinh sách do các đền chùa in ra đều rất cẩn thận, sạch sẽ và nghiêm túc. Những người làm sách quan niệm rằng, từ người viết kinh đến người làm văn và thợ khắc chữ, thợ in sách đều được tham dự vào một việc thiện, việc phúc nên không quản ngại vất vả, khó khăn, không đòi hỏi thù lao, công xá. Các nhà chùa hay nhà đền nếu đứng ra in một kinh sách nào đều được thiện nam tín nữ thập phương vui lòng quyên góp. Có khi người ta còn quyên góp cả giấy in.

Nhà nước phong kiến với việc in, xuất bản sách

Đối với việc in ấn do nhà nước phong kiến chủ trương, như trên đã nói đời vua Trần Anh Tông, năm 1299 đã sai soạn một sách về loại hiến chương gọi là *Công văn cách thức* rồi cho ấn hành.

Đến thời nhà Hồ (1400-1407), kỹ thuật in đã đạt đến trình độ cao. Hồ Quý Ly đã cho in và phát hành tiền giấy gọi là “Thông bảo hội sao”, có vẽ những hình khá phức tạp như rong biển, sóng nước, đám mây, con rùa, con kỳ lân, con chim phượng và con rồng.

Sau thắng lợi của mười năm kháng chiến chống quân Minh xâm lược đầy gian khổ, giành lại độc lập cho dân tộc (1428), nhà Lê đã thi hành chính sách phàm những gì có thể tự túc được, ta đều làm lấy để dùng. Vì vậy lúc này đã phát triển nghề làm giấy bản, triều đình cho lập “Tạo chỉ cục” ở phường Quảng Đức để làm các loại giấy như giấy lệnh và giấy thị...

Nghề in mộc bản lúc này đã được cải tiến và phát triển từ học tập kinh nghiệm của người Trung Quốc. Năm 1442, Lương Nhữ Hộc (1420-1501), người làng Hồng Liễu, huyện Trường Tân (nay là xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương) thi đỗ Thám hoa, ông làm Tả Thị lang Bộ Lễ, hai lần đi sứ Trung Quốc. Đây là

dịp để Lương Nhữ Hộc quyết tâm học được nghề in của nước ngoài. Khi sang sứ nhà Minh, ông học được nghề in bản khắc gỗ. Khi về nước ông truyền nghề cho hai làng Hồng Liễu và Liễu Tràng là quê hương của ông. Hai làng này trở thành trung tâm khắc ván in trong cả nước suốt mấy thế kỷ. Để ghi nhớ việc này, dân hai làng lập đền thờ và tôn ông là tổ sư nghề khắc gỗ in sách. Rồi về sau, người hai làng này lại truyền cho những người ở nơi khác; nhờ đó, nghề in mộc bản đã phát triển từ thời Lê sơ.

Năm 1435, triều đình cho khắc in bộ *Tân san Tứ thư đại toàn*. Đến năm 1485 lại ban phát sách học (học thư) cho các học quan ở các phủ như *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Ngọc đường văn phạm*, *Văn hiến thông khảo*, *Văn tuyển*, *Cương mục*... và các sách thuốc (y thư) cho các y quan và các phủ. Năm 1483 triều đình cho làm một kho sách trong khu Văn Miếu để chứa các ván in về lịch sử (“Thư bản khố” hay còn gọi là “kho Bí thư”).

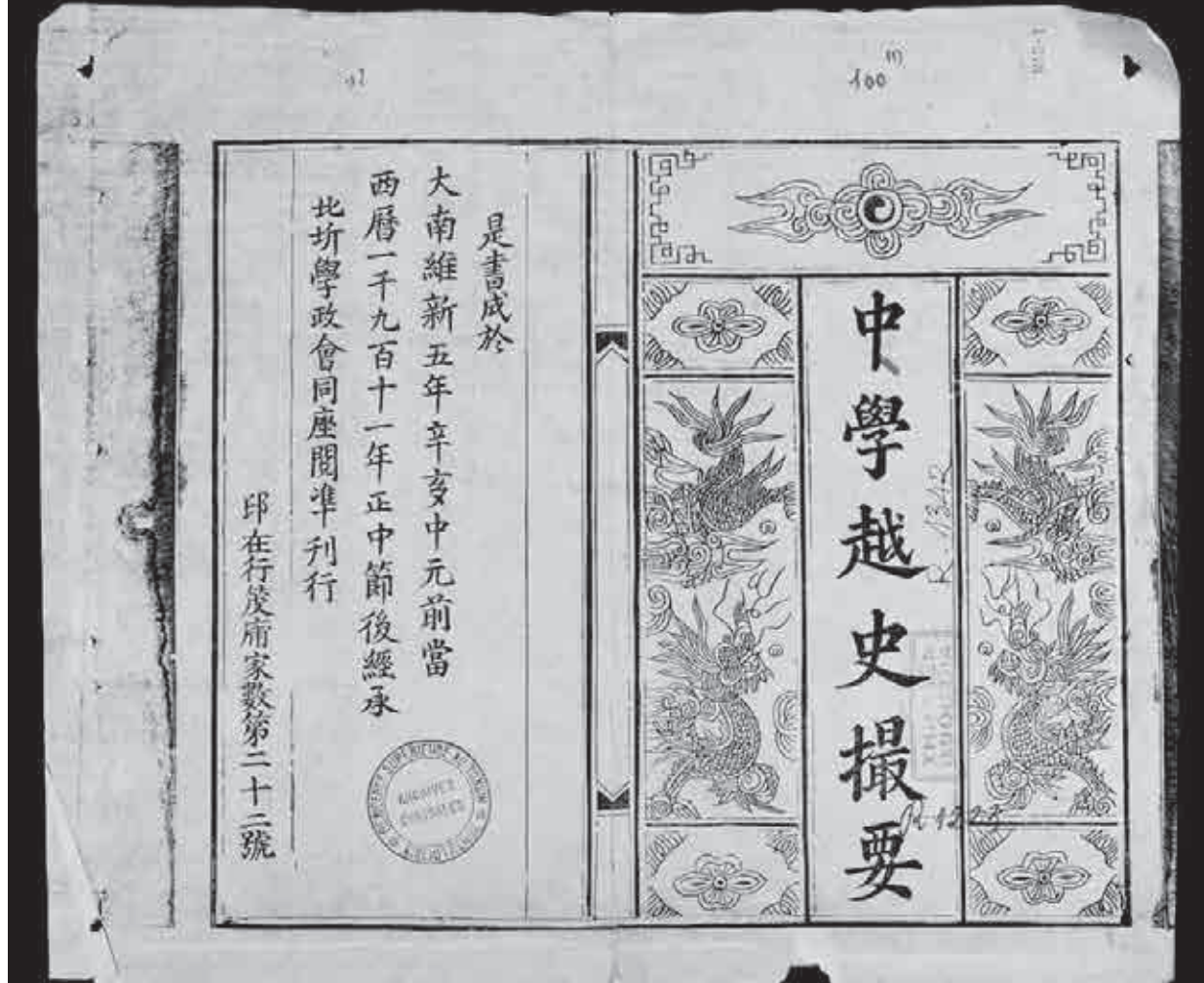
Thời Lê trung hưng, để tỏ ý không theo lễ *Chu Văn công gia lễ*, nước ta phải có một lễ chế tang tế cho thích hợp hơn, Thượng thư Hồ Sĩ Dương biên soạn một sách về tang lễ. Đến đời vua Lê Hy Tông, niên hiệu Vĩnh Trị (1676-1680), tri phủ Tứ Kỳ Chu Bá Đăng in ra gọi là *Hồ Thượng thư gia lễ* gồm 2 quyển.

Năm 1734, chúa Trịnh Giang ra lệnh in *Ngũ kinh đại toàn* để phân phát cho các học quan ở các lộ, chứ không cho mua Bắc thư. Năm 1777, nhà nước cho ấn hành bộ *Quốc triều điều luật* gồm 6 quyển.

Về sách sử, các bộ sử có tiếng từ thời Trần, thời Lê sơ, đến Lê trung hưng đã được in có: *Đại Việt sử ký* (Lê Văn Hưu), *Sử ký tục biên* (Phan Phu Tiên), *Sử ký toàn thư* (Ngô Sĩ Liên), *Việt giám thông khảo* (Vũ Quỳnh), *Việt giám thông khảo tổng luận* (Lê Tung), *Việt sử toàn thư, bản kỷ tục biên* (nhiều tác giả), *Việt sử tiêu án* (Ngô Thì Sĩ), *Đại Việt thông sử* (Lê Quý Đôn), *Quốc triều tục biên* (Lê Quý Đôn)...

Người đứng đầu việc khảo biên thường phải là một vị quan to, cai quản tòa Trung thư giám, một cơ quan giữ việc biên soạn tất cả các sáng tác, ghi chép hoặc thảo văn thư ở đương thời. Tiếp đó đến những người làm chức Tri thị Nội thư tả, trông coi việc viết chép bản thảo, rồi đến bộ phận viết chữ ký càn, chân phương, đẹp, những người khắc in... Cuối cùng là thợ chuyên môn đứng khắc ván gỗ và in sách. Sách sau khi in xong, ván in tàng trữ ở đâu, người ta để rõ chỗ “tàng bản” để phòng khi có in lần thứ hai, thứ ba... có thể cứ đến đó lấy ra để in lại. Chỉ cần soát lại xem tấm ván nào hư hỏng hay mục nát thì khắc lại bằng tấm ván khác thay thế.

Đến đầu thế kỷ XIX, triều Nguyễn tổ chức việc ấn loát sử sách tương đối có quy mô hơn. Dưới triều Tự Đức (1848-1883) cũng như các triều đại trước đó, có Ấn thư cục, một cơ quan chuyên lo việc in sách, nhưng được cải tổ lại, dời về Sử quán trông coi cả.



Nghề in ấn của các thư phường và một số tư gia

Dưới thời khoa cử thịnh hành, một số phường ở Hà Nội như Kim Cổ, Hàng Trống, Hàng Gai, Hàng Hải chuyên làm nghề in sách, in truyện và bán sách bằng chữ Hán và chữ Nôm. Những sách này chủ yếu xoay quanh đề tài liên quan đến thi cử như *Tứ thư*, *Ngũ kinh bản "quan Hành"* tức là bản giản lược do Hành tham Bùi Huy Bích soạn lại, và bộ *Trung học Việt sử loát yếu* của Ngô Giáp Đậu mới soạn... Ngoài ra, họ còn cho in rất nhiều truyện Nôm như: *Truyện Kiều*, *Nhị độ mai*, *Hoàng Triều*, *Lý Công*, *Tống Trân - Cúc Hoa*, *Phạm Công - Cúc Hoa*, *Phạm Tải - Ngọc Hoa*, *Trình thủ*, *Nữ tú tài*, *Cung oán ngâm khúc*, *Quan Âm tân truyện*, *Thạch Sanh*, *Trạng Quỳnh*, *Trạng Lợn*, *Tiểu lâm*, *Trống quân*, *Trê Cóc*...

Bên cạnh những truyện trên, còn có các bản trò, tức là các vở chèo như: *Trương Sinh tân trò*, *Lưu Bình - Dương Lễ*, *Trương Viên*, *Kim Nham*... Các vở tuồng như *Tuồng Sơn Hậu*, *Tuồng Tam Quốc*...

Những sách truyện trên đây họ thường khoán trắng cho thợ khắc in, và thủ tục làm việc, từ lúc viết chữ đến lúc khắc in, không có sự soát lại kỹ càng, chặt chẽ, sai sót cũng khá phổ biến. Vì vậy chất lượng sách nhiều bản không được tốt, nhất là đối với các truyện Nôm, người đọc cứ phải mò mẫm, suy đoán.

Đến thời cận đại, ở phố Hàng Gai vẫn còn các hiệu làm nghề in và bán sách như: Thịnh Mỹ đường, Đồng Văn đường, Phúc Văn đường, Liễu Văn đường, Tụ Văn đường, Quảng Văn đường, Cẩm Văn đường, Thịnh Văn

đường, Quan Văn đường... Năm 1915 kỳ thi hương ở Bắc Kỳ bị bãi bỏ; đồng thời sách truyện bằng chữ Quốc ngữ ngày càng thịnh hành; dù vậy, nghề khắc in và bán các sách chữ Hán, các truyện chữ Nôm vẫn rải rác tồn tại cho đến ngày kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cùng với các thư phường nói trên, còn có một số tư gia cũng làm nghề in một cách "tài tử" theo cách gọi thời đó. Đó là trường hợp các ông môn sinh muốn cho tác phẩm của thầy mình được ra "văn thế", nghĩa là hỏi ý kiến người đời. Chẳng hạn như các học trò của Phạm Quý Thích khắc in văn thơ của Lập Trai, các môn sinh của Nguyễn Văn Siêu xuất bản các sách *Dư địa chí*, các thơ văn, hoặc tùy bút của Phương Đình. Họ làm vì muốn di văn của thầy mình được truyền rộng, tồn tại lâu dài, vì thế mà họ không ngại tốn kém cùng nhau góp sức, bỏ tiền ra thuê thợ khắc in. Khi đã thành sách, họ đem tặng biếu những bạn hữu của thầy và phân phối cho anh em đồng môn. Nhờ những tấm lòng trọng nghĩa, thâm tình đó, nhiều tác phẩm của một số danh nho được truyền lại cho đời sau.

Đầu thế kỷ XX, nhóm Đông kinh Nghĩa thực cổ động duy tân, có in một số sách bằng mộc bản như *Văn minh tân học sách*, *Nam quốc giai sự*...

Nghiên cứu đôi nét về công nghệ in ấn ở nước ta thời phong kiến để hiểu thêm về những bước phát triển của quá trình in, xuất bản và phát hành ở Việt Nam, nó đã góp phần tạo nên những nét đặc sắc của nền văn hóa dân tộc. ■

Đọc sách của thầy Trung Hậu

CAO HUY THUẦN

Lời tòa soạn: Nhân cuốn “Ca dao-Tục ngữ Phật giáo Việt Nam” do Hòa thượng Thích Trung Hậu sưu tập được tái bản, có sửa chữa và bổ sung, Văn Hóa Phật Giáo xin giới thiệu với quý độc giả qua bài viết của Giáo sư Cao Huy Thuần được đăng ở đầu sách.

Ca dao, tục ngữ là gia tài văn hóa của dân tộc. Chúng ta thừa hưởng gia tài đó từ quần chúng, vì quần chúng vừa là người sáng tạo vừa là người lưu giữ bằng cách truyền miệng từ đời này qua đời khác. Một lời thốt ra đấy, rồi đồng thanh tương ứng, như thử đó là sự thực của chính lòng mình, như chính mình thốt ra. Nói sáng tạo tức là nói cảm hứng. Quần chúng rút cảm hứng từ đâu để sáng tạo? Từ trong sâu thẳm của

vốn liếng văn hóa un đúc từ ngàn xưa. Cũng từ trong sâu thẳm đó, sáng tạo bắt gặp hưởng ứng của tập thể, được truy nhận, trút bỏ tính cách riêng tư cá nhân và biến thành gia tài của tập thể.

Từ ngàn xưa, Phật giáo đã tô bồi văn hóa cho đất nước này, đã trở thành văn hóa của dân tộc. Như vậy, tất nhiên Phật giáo đã cung cấp cảm hứng, đã là nguồn cội chính của sáng tạo và truy nhận tập thể trong việc hình thành ca dao tục ngữ. Nhận định có tính cách hiển nhiên này tạo ra hai phản ứng đối nghịch nhau nơi người nghiên cứu về ca dao tục ngữ, vừa hứng khởi vừa nhụt bước. Hứng khởi, vì mưa gió thuận hòa như thế giữa Phật giáo và dân gian, mùa gặt ca dao tục ngữ chắc chắn phải đầy ắp. Nhụt bước, vì chính mưa thuận gió hòa đó trong tâm hồn quần chúng khiến cho sự quan sát ảnh hưởng của Phật giáo trong tục ngữ ca dao thành ra phức tạp. Trái cây đang chín trên cành, làm sao phân biệt đâu là cống hiến của đất, đâu là góp phần của phân bón?

Tác giả cuốn sách này đã nhụt bước như vậy không phải một lần, ngay từ câu hỏi đầu tiên. Làm sao chọn lựa? Đứng trên tiêu chuẩn nào? Không tiêu chuẩn nào là hoàn toàn khách quan cả. Lấy một ví dụ: nhân duyên. Tư tưởng rất bác học này của Phật giáo được dân gian tiếp nhận như một chuyện hiển nhiên trong đời sống thường ngày, như chim hót bướm bay. Trai gái gắn bó với nhau? Nhân duyên. Phụ bạc nhau? Cũng nhân duyên. Hàng trăm câu tục ngữ ca dao như vậy, biết lấy câu nào bỏ câu nào? Lấy ít thì bất công, lấy nhiều thì lạm phát, lấy nửa chừng thì vừa lạm phát vừa bất công.

Tình cha nghĩa mẹ là một ví dụ khác. Ở đây vừa có chữ hiếu của Nho giáo vừa có chữ hiếu của Vu-lan, hai tình cảm trộn lẫn với nhau, tùy lúc phần này đậm hơn phần kia. Làm sao phán đoán khách quan để chọn lựa: đây đậm màu Phật giáo hơn đó? Đã trích câu này sao lại bỏ câu kia? Giống như một tiếng chuông ngân, ai dám quả quyết với ai đâu là lúc ngân nga tan biến hẳn trong không trung?

Cũng vậy, những khái niệm hoặc ngôn ngữ như phước, đức, tội, nghiệp, phận, số, kiếp... hoặc những hình ảnh, âm thanh như chùa, tượng, hương đèn, hoa



sen, chuông mõ... nằm trong rất nhiều thể thốt, ví von, hện hồ, trách móc giữa trai gái, vợ chồng. Chẳng lẽ nghe tiếng chuông này mà bỏ tiếng chuông kia?

Chọn lựa của tác giả quả là ray rứt, bỏ thì thương vương thì tội. Tác giả đành mang tội, đành gánh tội nghiệp trên vai, gánh mọi phê bình chỉ trích mà tác giả biết trước. Bù lại, người đọc tha hồ thưởng thức hoa thơm quả lạ mà tác giả đã hái trong nhiều chục năm qua với lòng thương trải rộng trên cả những trái đắng chất, độc.

Ở đây, trong bất kỳ văn hóa nào, quần chúng cũng thích hóm hỉnh, trào lộng, tiểu lâm. Đặc tính đó phát biểu tràn đầy trong tục ngữ. Ở Pháp, hồi thế kỷ XVII, César Oudin, trong *Les Curiosités Françaises* (1640), đã phân loại tục ngữ theo thứ lớp như sau: familiares, vulgaires, basses, triviales (trên chọc, tầm phào, hạ tiện, thô bỉ). Trong sách này, bốn loại đó không thiếu. Cùng với những chấp tay cung kính, những tiếng cười bốn loại này vẽ ra hình ảnh của Phật giáo trong dân gian. Dân gian sùng kính từ bi, nhân quả, nghiệp báo, nhân duyên, hiểu hạnh trong đạo Phật. Và dân gian đòi tôn trọng chữ giới. Không đặt chữ giới lên hàng đầu, hãy cúi đầu gánh chịu tiếng cười, kể cả tiếng cười độc, của dân gian. Hãy quán tiếng cười đó, biết ơn những người đã cười độc, và trải lòng từ bi đến họ.

Tôi rất hân hạnh được Thượng tọa Trung Hậu cho cái phước viết mấy dòng này ở đầu sách. Sự kính trọng và

tình cảm thân mật lâu đời của tôi đối với Thượng tọa cho phép tôi cũng cười một tiếng với tác giả qua hai câu chuyện thiền.

Chuyện thứ nhất, tôi nghĩ là chuyện thiền nhưng quá phổ thông trong quần chúng đến nỗi đã thành ra chuyện ngụ ngôn mà thế hệ của tôi đã học từ lớp ba trong *Quốc văn giáo khoa thư*. Một chú bé thọc tay vào hũ kẹo, bốc cả một nắm kẹo, rút tay không ra. Nhưng nếu Thượng tọa lấy một chiếc kẹo để có thể rút tay ra dễ dàng thì lại thương mấy chiếc kẹo kia quá trong nắm tay.

Chuyện thứ hai là chuyện gió thổi. Mùa hè nóng bức, sư phụ ngồi quạt phe phẩy. Chú tiểu lại gần, thưa: "Bạch Thầy, bản chất của không khí là hiện diện cùng khắp, còn gió thì chỗ nào cũng thổi cả. Bạch Thầy, tại sao Thầy phải dùng quạt? Tại sao Thầy phải tạo ra gió?".

Chú tiểu thông thái quá, như những bậc thông thái. Sư phụ đáp: "Chú chỉ biết rằng bản chất của không khí là hiện diện cùng khắp, nhưng chú không biết tại sao chỗ nào cũng có gió thổi".

Chú tiểu hỏi lại: "Bạch Thầy, Thầy nói 'không có chỗ nào mà không có gió thổi', như vậy là nghĩa làm sao?".

Sư phụ không nói gì nữa, im lặng tiếp tục phe phẩy. Chú tiểu cúi đầu, chấp tay vái, rồi bước ra.

Thượng tọa Trung Hậu ngồi quạt phe phẩy. Chỗ nào mà không có làn gió Phật giáo?

Paris - Phật lịch 2545 Tân Tỵ 2001 ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2015

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,
 Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakin.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Châu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
Cty TNHH Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
Cty Nền Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **454 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập

Bức tranh tuổi thơ và giấc mơ cội nguồn

NGUYỄN KHẮC THẠCH

Mảnh đất nghèo khó nào cũng mọc lên những điều ngang trái. Hồi ấy, có lần tôi mang theo tham vọng đầu tư một gallery ở xứ sở hội họa này.

Vừa về phố, tính hiếu kỳ đã bắt tôi đến ngay phòng trưng bày “Giấc mơ Tuổi thơ”, nơi có bức tranh của ai đó đang chào đón dư luận.

Ấn tượng trực giác của tôi trước phòng tranh là sự “hài hòa lập dị” giữa những gam màu bay bổng như “Mặt trời mặc áo mưa” hoặc ngộ nghĩnh như “Vườn bách thú trái đất”... thì có một bức dường như lập dị với các ý tưởng trên. Những tranh khác đều có thể kể được bằng lời do sự xâm nhập pha tạp giữa các loại hình nghệ thuật, còn bức này thuần khiết đặc trưng ngôn ngữ hội họa. Những đường nét thần tình của nó ẩn hiện trên cái nền sơ sài, mộc mạc...

Biết tôi là Việt kiều, cô tiếp viên cười mở một cách vồ vập:

- Thưa ông, đó là một họa phẩm của một tác giả giấu tên.

Nếu ông muốn gặp, Kiều Hoa xin làm người dẫn đường.

- Cám ơn cô! Ta đi luôn chứ?

Chúng tôi bước vào nỗi kỳ ngạc giữa căn nhà vắng tanh, đầy tử khí. Một nắm mỡ đất tươi còn trầm uất hương khói. Kiều Hoa chột dạ, bối rối. Tôi nhót vợi ra ngoài quan sát. Đây chỉ là một túp lều tranh, vách đất, bỏ ngõ nằm chênh vênh bên bờ sông cỏ. Phía trước, trên mép nước, tán cây si lòa xòa già cỗi. Cảnh vật đìu hiu. Mà sao nó giống bức tranh kia đến vậy? Lòng đầy nghi hoặc, tôi định trấn an vài lời với Kiều Hoa thì nghe tiếng người từ con đò dưới bến vọng lên “Vinh Sơn bị điên rồi, đến Viện tâm thần mà hỏi”.



Đâm lao phải theo lao, chúng tôi lần theo sự tò mò đến viện. Vinh Sơn khinh khỉnh nhìn tôi. Anh xa lạ với chính cô gái từng làm người mẫu cho mình. Tôi lấy làm tiếc, ngồi bịch bịch với Kiều Hoa:

- Bức tranh thuộc trường phái Levitan nhưng nó trầm mặc ma quái, đầy sức quyến rũ.

- Levitan là hỗn pha màu, còn nó là hỗn nhuộm máu - Vinh Sơn bắt thần chen ngang - khác nhau vậy thôi.

Hình như tôi đã vô tình mà “gãi đúng chỗ ngứa” chạm vào miền ẩn ức của Sơn làm anh tỉnh trí. Thấy Sơn minh mẫn hơn, tôi đến mừng anh và giới thiệu mục đích cuộc viếng thăm. Sơn xúc động, ngùi ngùi chia sẻ với tôi:

- Tôi nghiệp; lúc đầu, tôi nghi nhà mình có ma. Hoặc có ai đó đùa dai, cứ lên vào vẽ trộm khi nhà vắng chủ. Tôi thường thổi cơm buổi sáng dành cho cả ngày. Bởi vậy, nhiều bữa tôi bị bớt khẩu phần. Nghĩ tức cười, trong truyện cổ thì có tiên giáng trần giúp người, còn cái thời buổi này thì chỉ có ma nhập thể ám người. Tôi mặc kệ cho mọi sự trôi tuột luôn nhưng tình cờ một hôm, về sớm hơn, tôi nhác thấy thằng bé rách rưới từ trong nhà ló dạng. Rồi nó bỏ chạy. “Trộm, trộm”, tôi hô hoán và đuổi theo hù dọa. Gặp lúc lũ học trò của tôi đi ngang chặn lại. Đứa đấm, đứa đá, đứa thoi túi bụi. Chúng dẫn thằng bé như tử. Chợt nó nhìn tôi “thầy Sơn cứu em với”. Tôi giằng nó thoát khỏi đám hỗn loạn ấy và nhận ra thằng bé từng leo đèo theo tôi xin học vẽ...

Thằng bé này con nhà vạn đò. Gia đình nó tử nạn trong bão năm trước. Nó sống sót trên đò hàng xóm. Ai kể cho thằng bé biết đời cố nội của nó từng là chủ cái túp lều giờ đến lượt tôi chui rúc. Cái nơi ma mị mà tôi tìm cách rời bỏ chưa xong thì lại là ước mơ của nó. Đời ông cha thằng bé từng trôi nổi rồi chìm vào bè bọt đã trôi lên trên tiếm thức nó một giấc mơ khác: GIẤC MƠ CỘI NGUỒN. Nó đã vẽ được giấc mơ thành kiệt tác. Làm sao ông mua nổi được giấc mơ ấy?!

Sơn để giọt nước mắt chấm hết câu chuyện rồi anh lại rơi vào trạng thái tâm thần. Chắc lúc này, Kiều Hoa mới biết đích thực tác giả của bức họa là ai. Tôi trả cô về phòng tranh rồi trở lại nắm mỡ ấy thấp nén hương muộn mằn vĩnh biệt một số phận, một mầm non tài năng.

Có lẽ Vinh Sơn không hàm ám chỉ gì nhưng cái mặc cảm tha hương cố hữu đã gây cho tôi một cảm giác mĩa mai chua xót từ câu hỏi phủ định của anh “làm sao ông mua nổi giấc mơ ấy”.

Ồi, giấc mơ cội nguồn... ■



Tôi có vết sẹo trên đầu

SONG THUẬN

Bạn thân không nhất thiết phải hợp tính mà là có sự thấu hiểu, cảm thông, bổ khuyết cho nhau nhiều thứ. Và, tôi cũng có một người bạn như thế.

Có ai đó nói với tôi rằng mọi thứ trong đời đều cần đến cái duyên, có lẽ thế. Cái duyên bạn bè giữa tôi và người bạn thân nhất tìm đến khi tôi đang chìm trong nỗi đau thất bại.

Rớt đại học lần thứ ba, tôi suy sụp hẳn, suốt ngày lang thang trong thế giới ảo. Nghe mọi người kháo nhau lên mạng tán gẫu thú vị lắm, tôi cũng mon men vào tìm vui. Với chút tiếng Anh bập bõm, tôi lán la vào mấy phòng chat nước ngoài mỗi tối. Giữa một rừng nick name, tôi chú ý tới một cái tên rất thuần Việt, rất nữ tính: Bông. Bắt chuyện làm quen, tôi mới biết Bông vào đây để rèn thêm ngoại ngữ chứ không như tôi, thư giãn giết thời gian. Nguyên tắc của cả hai tự đặt ra là chỉ trò chuyện bằng tiếng Anh dưới bất kỳ hình thức nào, ngay từ lần đầu tiên.

Trò chuyện cùng nhau, tôi phát hiện ra đó là một con người thú vị, có óc hài hước nhưng đôi lúc cũng thật ngô nghê. Chúng tôi gặp nhau mỗi đêm trước màn hình máy tính, nói đủ chuyện trên trời dưới đất, đến mức tôi không nhận ra tiếng Anh của mình cũng dần tiến bộ từng ngày. Bông hơn tôi một tuổi, suy nghĩ chín chắn, lạc quan nhưng tính tình hồn nhiên, mau quên, không để bụng bất cứ chuyện gì. Tôi thì ngược lại, tuy mồm miệng liến thoắng mà lại thâm trầm, cẩn trọng, thậm chí là khó tính. Hai đứa như hai thái cực tương phản nhưng lại có sự đồng cảm trong nhiều thứ.

Mùng ba Tết năm ấy, tôi và Bông hẹn gặp nhau ngoài đời thực; bởi từ trước tới bấy giờ chúng tôi chỉ toàn nhìn nhau qua webcam. Động lại trong tôi về cuộc gặp gỡ ở quán nước ven đường hôm đó là hình ảnh một đứa thì cứ ngó chừng chiếc xe máy cà tàng dựng sát bên, một đứa thì vẫn hồn nhiên nói cười rôm rả. Tôi vốn nghe nhiều về chuyện gặp gỡ sau khi quen biết trên mạng rồi xảy ra lừa gạt nên luôn trong tâm thế phòng thủ cao độ dù cố tỏ ra bình thản. Bông thì không nhận ra điều đó.

Sau lần ấy, Bông gợi ý giới thiệu tôi đi dạy tiếng Anh thiếu nhi ở một trung tâm nhỏ, nơi Bông từng tập những bước đi đầu tiên trong nghề gõ đầu trẻ. Cứ ngỡ chỉ là

chuyện vu vơ, nhưng Bông làm thật. Bông dắt tôi đến tận nơi, ngồi chờ tôi vào phỏng vấn. Tôi ngồi bên này hỏi hộc, bờ ngỡ như đứa học trò lần đầu tới lớp. Bông ngồi bên kia với vẻ bình thản, an nhiên tự tại, không chút so đo toan tính. Cuối cùng, tôi được nhận. Bông bày cho tôi bí quyết quản lớp thế nào, cách truyền đạt ra sao, cả những chiêu dụ khị sao cho con nít nghe lời răm rắp.

Dày dạn là vậy, thạo nghề là vậy, nhưng thế giới của Bông chỉ gói gọn trong công việc và gia đình, là khoảng cách giới hạn từ nhà đến trường và ngược lại. Tôi hầu như khác hẳn, thích bay nhảy khám phá những điều mới mẻ, thích tìm hiểu đến tận cùng nhiều thứ. Những chuyến đi dù xa dù gần, tôi luôn tìm cách kéo Bông ra khỏi vỏ ốc nhàm chán, đơn điệu. Bông không ngại khó nhưng dễ mất kiên nhẫn, vậy là tôi tập cho Bông biết thay đổi từ những điều nhỏ nhất để thích nghi dần. Tôi xung phong làm tài xế, làm “vệ sĩ trên từng cây số” cho Bông trong mọi chuyến đi để hai đứa cùng mở mang tầm mắt. Thế giới bên ngoài mở ra trong mắt Bông đầy ắp điều lạ lẫm. Nhiều lúc đùa vui, Bông bảo kiếp này chỉ có thể làm bạn thân của nhau thôi, là người yêu không bao giờ cưới. Nếu có kiếp sau gặp lại thì tôi sẽ là chồng, Bông là vợ, nhận ra nhau qua đặc điểm riêng là những vết sẹo trên người. Bông có cái sẹo ở chân, tôi có cái sẹo trên đầu.

Cuộc sống riêng của chúng tôi lại đi theo hai hướng ngược chiều dù từng ấy năm đồng hành cùng nhau. Tôi thì bình lặng êm đềm, Bông lại trải qua nhiều sóng gió khi phải đương đầu với những biến động gia đình. Gần sáu năm bên nhau, đầy ắp niềm vui lẫn tiếng cười, buồn thì lòi nhau ra rủ rừ rì, xem nhau như chỗ dựa tinh thần. Chính chỗ dựa ấy đã kéo tôi trở lại cổng trường đại học mơ ước sau gần chục năm dang dở với niềm tin “cố lên bạn ơi, tôi không nhìn nhầm người đâu”. Ngày Bông báo tin sắp lấy chồng, tôi như lạng đi không nói thành lời. Vui vì cuối cùng Bông cũng tìm được hạnh phúc cho riêng mình nhưng đầu đó trong tôi có nỗi buồn man mác.

Hạnh phúc đến với Bông tuy có hơi muộn nhưng kịp lúc, để bạn tôi bắt đầu mở ra trang đời mới. Hạnh phúc viên mãn nhé bạn thân, người có vết sẹo ở chân và nếu có kiếp sau, hãy nhớ là tôi cũng có một vết sẹo trên đầu. ■

Buổi sáng vùng cao

SÔNG HƯƠNG

Buổi sáng vùng cao
Cái lạnh đầu đông len vào kẽ đá
Những đứa trẻ còng lưng đạp xe vội vã
Con dốc đến trường nghiêng ngả vòng quay
Hạt chữ nảy mầm trên tán rừng hòa quyện lối mây
Chào mào ngậm sương tìm tia nắng

Buổi sáng vùng cao
Ngực núi phập phồng làn hơi trắng
Gió lao xao hát lời rừng xanh thắm lặng
Lưng chừng dốc vắng, sơn nữ vớt mây làm khăn choàng địu con lên rẫy
Khúc khuỷu suối reo, gập ghềnh đá nhảy
Trong veo mắt rừng, chợt ven đường... cánh hoa đại nguyên sơ

Buổi sáng vùng cao
Chiếc gùi lên nương còn đắm cơn mơ
Em gieo hạt yêu thương vào mùa cốm nếp mới
Lũ ong tìm hoa
Cần mẫn dòng mật thơm chất chiu từ đại ngàn vơi vơi
Vành khuyên thánh thót lưng trời!

Buổi sáng vùng cao
Ngõ ngàng hạt sương rơi
Lưng dốc đắm mồ hôi, chú bé gùi tương lai vào từng con chữ
Ta gùi đam mê trong lời ru sơn nữ
Ngơ ngác lũ nai rừng
Mai xa bản làng, lời ru nào níu giữ bước đa đoan?

Hư vô

NGUYỄN VĂN ĐÔN

Tự nghiệp gõ đầu trẻ
cộng nghiệp gõ đầu thơ
bến Tha La thả vó
cá ngớp bóng Gò Công

Con đường vô áp Chăm
quanh năm mù bụi đỏ
cổ quận chẳng nơi đó
nở những đóa Cham-pa

Ngoài kia chim én dẹt
những sợi tình phơi pha
ta về lau kệ sách
đem ánh mắt tẩy trần

Đêm đêm tiếng mõ gần
tiếng chuông vọng chùa xa
trên vai chiếc lá đậu
tiếng hư vô vỡ òa...

Ngã

PHAN THÀNH MINH

Lợi danh bóng nước mây lồng
Từ hư không đến hư không vơi vơi

Khổ đau bệnh tử luân hồi
An sinh phú quý cuộc người ngắn thay
Công hầu nửa đốt ngón tay
Dân gian lâm lũ lấp đầy trăm gang
Chòng chành trên chiếc thuyền nan
Bão giông nào biết tính toan yên bề

Mênh mông không ngã đi về
Định tâm mở cửa bồ-đề an cư.

Kỷ niệm xưa

HÒ NHẬT QUANG

Quay về lối cũ trường xưa
Tường chừng như chỉ mới vừa xa nhau
Trường xưa rêu cũ úa màu
Thầy cô, bạn hữu ngày sau mãi còn.

Lần theo lối cũ đá mòn
Sân trường in bóng nét son bụi mờ
Cổng trường đứng lặng bơ vơ
Tường như ai đứng đợi chờ bóng ai.

Nhớ xưa trong ánh nắng mai
Sân trường nhộn nhịp, áo dài tung bay
Thầy cô giảng dạy điều hay
Hôm nay mới thấy, chợt cay mắt nồng.

Hôm nay phượng lại nở hồng
Thầy cô đâu vắng, chắt chùng yêu thương!
Bạn bè xa cách ngàn phương
Còn đâu chốn cũ nẻo đường ngày xưa.

Thuở nào chung bước ngày mưa
Tan trường cùng bước, mình đưa nhau về
Bây giờ cách biệt sơn khê
Sân trường đứng đợi người về hay chưa?

Nỗi niềm mùa sang

PHƯƠNG PHƯƠNG

Chiều buông vạt nắng đo lòng
Vội mùa chao gió phượng hồng diêm rơi
Dỗi hờn ướt mắt em tôi
Bút lưu tay vội trao đưa ngập ngừng

Nói gì đây cũng nửa chừng?
Chìa tay xác phượng đỏ hừng lời thương
Tháng năm để nhớ vô thường
Đề mùa yêu cũ ngậy hương nhuốm chiều

Hàng cây phủ áo xanh rêu
Xòe bung mắt nhớ mà hiu hắt buồn.
Níu thời gian nhắn tin sương
Níu tôi chậm chậm tỏ tường mùa si

Phượng vô tư đỏ làm lì
Nghệt căng ngày tháng biết gì chưa em?
Chiều buông vạt nắng dài thêm
Hè sang tôi những nhớ quên nỗi niềm.

Ru đời

KIM HOA

Đêm về ta đối bóng ta
Buồn vui trầm mặc chuyện xa chuyện gần
Nhẹ tay khuấy giọt băng khuâng
Nghe từ sâu thẳm lằng lằng nỗi niềm.

Chân chim đượm nét muộn phiền
Cuốn theo năm tháng an nhiên một thời
Nén lòng giấu lệ mắt rơi
Nhâm nhi cho hết vị đời đắng cay.

Ngửa bàn tay, úp bàn tay
Vẫn không thấy được chuỗi ngày thành thời
Nâng niu một chút mộng hời
Ru đông giá lạnh... ru đời chắt chiu.

Thầm nghe mắt nói buồn hiu
Thầm nghe gió hát những chiều yêu thương
Chìm trong khoảng lặng đêm trường
Vọng đưa muôn tiếng từ phương xa về...

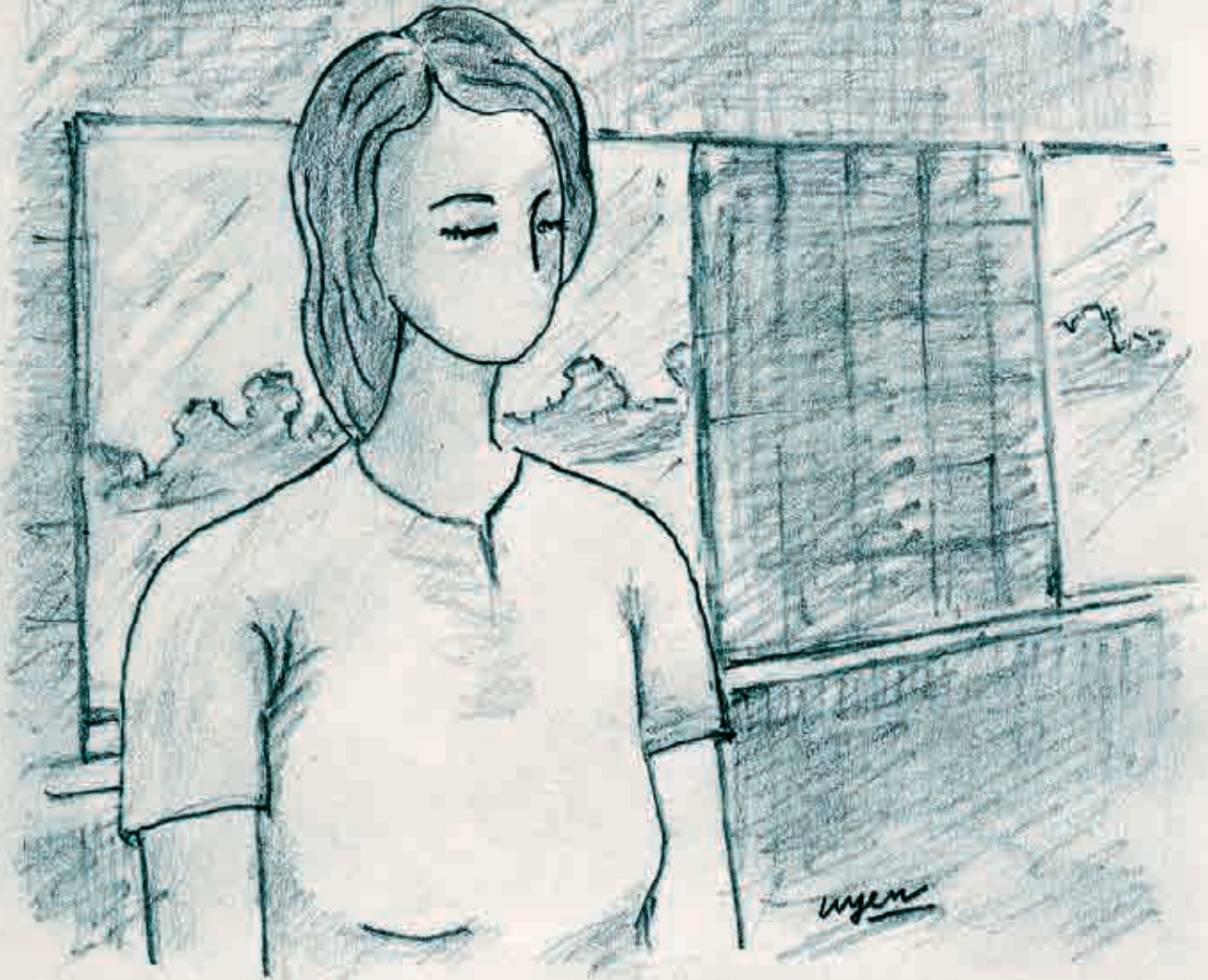
Hoài khúc tháng Năm

NGUYỄN TIÊU

Thơ long đong muốn dập vùi
Lêu bêu sông núi ngậm ngùi thương ta
Nhẹ tay vắn điệu hứng hoa
Chắt chiu từng chữ làm quà cho em.

Như viên cuội trắng sân thềm
Nhớ bàn chân thưở ngọt mềm tin yêu
Hút heo đời rộng bao chiều
Lãng quên tình ái thơ tiêu tụy thơ.

Rồi mai dùng bước xa mờ
Hong câu lục bát neo bờ tịch nhiên!



Lấy chồng xa

TRẦN KIÊM HẠ

Vừa đặt chân vào nhà là Ngân đã lao tới ôm chầm lấy mẹ mình. Ngân không thể ngờ chưa đầy một năm xa cách mà mẹ mình lại nhanh già đến vậy. Mẹ Ngân đang ngồi trên chiếc chõng tre, trời vừa chớm thu, gió heo may chưa về mà khăn đã trùm kín đầu. Thấy con về bà cất lên mấy tiếng “Con về đấy ư...” rồi ôm ngực ho sù sụ.

Bốn năm xa nhà học tập, kỳ nghỉ nào Ngân cũng về thăm nhà. Quanh quẩn bên mẹ vài ngày cho thỏa nỗi nhớ rồi nàng lao ra đồng làm việc, để rồi khi trở lại trường mặt mày đen nhẻm, khiến lũ bạn phải thốt lên rằng: “Ôi con bé này lạc từ châu Phi về hả?!”. Năm nay

là kỳ nghỉ hè cuối cùng trong đời sinh viên của nàng. Ngay từ ngày đầu nàng ra đồng làm việc, bà con lối xóm đã chia sẻ, nhắn gửi: “Mừng cho u mày quá, trồng cây đã đến ngày hái quả rồi. Nhớ thư thư rồi lấy chồng nhé”. Hoặc: “Trông mẹ mày như con cá mắm, ra đồng làm việc chúng tao ái ngại quá...”. Những câu nói thân tình ấy, đã vô tình chĩa vào lòng Ngân đau nhói, để rồi mỗi khi định mở miệng nói ra cái điều mình muốn nói với mẹ thì cảm giác bất nhẫn dâng lên ngập lòng. Vậy là nàng im bặt. Chỉ khi gần đến ngày trở lại trường, lúc ấy trời sấm tối, cả nhà vừa ăn cơm xong, mấy đứa em bung bê bát đĩa ra cầu ao rửa, chỉ còn hai mẹ con,

Ngân mới đánh liều dò ý tứ mẹ: “U ơi, cho con... lấy chồng miền Nam và vào trong ấy làm việc nhé?”. Miền Nam lúc ấy trong tâm thức bà con miền Bắc là một vùng đất còn xa xôi lạ lẫm lắm. Mẹ Ngân nhìn con một thoáng, sững người. Tuy bà không nói gì, nhưng đêm ấy cái chông tre bà nằm nghe èo ọ suốt.

Ngày Ngân trở lại trường, tiễn con ra đến cổng làng, mẹ Ngân cầm tay con, giọng tha thiết: “Phận đàn bà sướng khổ từ chuyện chồng con. U không cấm việc con lấy chồng xa chồng gần, nhưng hãy suy xét cho chín chắn con ạ!...”. Nửa ngày đường ngồi trên xe mà nước mắt Ngân cứ chực trào ra. Đã bao lần rồi, cứ tiễn người thân ra đến cổng làng là giọng u trở nên trầm buồn, rồi khi về nhà ngồi tựa cửa mà lấy lai quần chặm nước mắt. Bố Ngân đi biển biệt hết kháng Pháp rồi lại chống Mỹ, u quanh năm lê bóng nuôi đàn con thơ mà sinh lao碌. Cuộc chiến cơm gạo ở hậu phương với u xem ra cũng cam go chẳng khác gì cuộc chiến ngoài tuyến đầu của bố. Nhưng bố có thể yên lòng cầm súng xung phong rồi nằm xuống. Còn u không thể rời bỏ mặt trận, có ốm đau cũng không thể vắng mặt ngoài đồng, bởi ánh mắt háu đói của đàn con nhìn chằm chằm vào nồi cơm khi đến bữa. U lặng lẽ nuôi con. U lặng lẽ mong đợi hết chiến tranh thì bố sẽ trở về chung vai xây tổ ấm. Nhưng mơ ước của u đã không thành. Bố đã mãi mãi không trở về với u nữa! Ngày Ngân đỗ đại học, u không ngớt động viên hãy lên đường nhập học, để rồi u càng oằn vai với bao công việc nhọc nhằn. Gần đây sức khỏe u trở nên sa sút, việc đồng áng phải cậy nhờ vào đôi vai nhỏ nhắn của đứa em gái Ngân mới lớn. Giữa hoàn cảnh ấy, Ngân biết mẹ và em mòn mỏi mong ngày Ngân ra trường. Thế mà chưa giúp gì cho u thì Ngân lại toan cắt bước đi lấy chồng xa, thật là bất nhẫn! Nghĩ đến đây thì Ngân không còn cầm được nước mắt nữa.

Mấy ngày nay trong ký túc xá Ngân học, ngồi đâu cũng nghe sinh viên râm ran chuyện ra trường. Được về chốn thị thành công tác hay vùng sâu, miền duyên hải xa xôi là cả bước ngoặt cuộc đời nên đứa nào cũng thấp thỏm. Riêng Ngân và một số ít bạn có được tâm thái ung dung là nhờ kết quả của bốn năm miệt mài học tập: họ có được tấm bằng đồ, có phần thưởng, và kèm theo là được ưu tiên chọn nơi công tác. Càng may mắn hơn là năm nay nhà trường giữ lại một số sinh viên ưu tú đào tạo làm công tác giảng dạy. Ngân và người yêu Ngân cũng có trong danh sách này! Ước mơ xây một mái ấm yên bình, một công việc mưa không ướt mặt nắng không bết vai đã trong tầm tay hai đứa Ngân rồi. Trường xa nhà nửa ngày đường, các ngày nghỉ lễ Ngân sẽ tranh thủ về chăm sóc u mình. Ôi tình yêu, sự nghiệp và hiếu nghĩa vẹn cả... ba đường, Ngân thấy hạnh phúc quá!

Sau kỳ nghỉ, người yêu Ngân đã trở lại trường. Gặp nhau, Ngân vỡ òa niềm vui sướng ấy. Tuy nhiên khi nhận được cái tin mà bao sinh viên khác dấu nằm mơ cũng không thấy thì anh ấy lại trầm tư một hồi rồi nói:

“Hãy hiểu cho anh, anh không thể ở lại trường được”. Ngân nghe mà lòng bùng nổ tai, vùng chạy về ký túc xá nằm khóc rấm rức. Hôm sau anh ấy giải bày rằng: “Mẹ anh không ra đồng làm việc được, hai em thì còn quá nhỏ dại mà Ngân...”. Nghe mà chạnh lòng, Ngân than thảm: “Trời sao hoàn cảnh hai đứa giống hệt nhau vậy kia? Không lẽ chỉ vì phận gái mà mình đành bỏ u theo anh ấy, lại còn sự nghiệp nữa chứ?”.

Ngân đang đứng trước sự lựa chọn tối quan trọng đời mình. Ở lại trường vừa yên bề sự nghiệp, được gần u rồi lấy một tấm chồng, người như Ngân đầu khó. Nhưng tình yêu của Ngân đối với anh ấy đã như mối nợ lương duyên rồi. Mới nghĩ đến chia tay mà lòng Ngân đã đau với vợi. Biết tìm đâu ra người hòa hợp cả tâm hồn và lẽ sống với mình như anh ấy. Một chút suy tư thoáng qua mắt mình, anh cũng hiểu và tìm cách chia sẻ. Hải hức mà lại sâu sắc. Bên anh, Ngân luôn có cảm giác cuộc sống nhẹ nhàng và bình yên hơn. Nghĩ đến đây Ngân cảm thấy lòng mình yếu đuối hẳn. Cô tỏ bày với người yêu: “Bỏ u mà theo anh thì em không đành. Nhưng làm sao để trọn vẹn đôi đường đây thì em không biết?”. Suy nghĩ một hồi anh ấy nói: “Thôi hãy đưa anh về thăm gia đình em đã, rồi tùy theo hoàn cảnh mà tính...”.

Ngày Ngân đưa người yêu về quê trời đang độ rét đậm. Từ trên xe bước xuống, nhìn con đường độc đạo xuyên qua cánh đồng về xóm nghèo quê mình lầy lội dưới làn mưa lạnh mà Ngân quá ái ngại. Cả hai lột giày, xắn quần, hành lý khoác trước khoác sau, nắm tay nhau để đi cho khỏi ngã. Lạch rỏi cả hai cũng về đến làng. Vượt qua cái sân trơn như đổ mỡ, đứng trước ngôi nhà mái rạ vách đất ẩn mình dưới hàng sấu đông, giọng Ngân oang oang phá vỡ cái không khí tĩnh lặng vốn có của một làng quê chiều đông: “U ơi, ra mà đón khách này”. Trong nhà có tiếng ho húng hắng, rồi mẹ Ngân xuất hiện trước cửa với cái khăn mỏ quạ trùm kín đầu. Đột nhiên thấy Ngân về với một chàng trai xa lạ, tay xách nách mang, đoán biết bà hỏi: “Hắn đấy u?”. Giọng Ngân ngượng ngập: “Vâng, thưa u”. Người yêu Ngân nhanh nhẩu cúi đầu chào: “Dạ, thưa bác ạ”.

Xóm nghèo quê Ngân nằm chơ vơ bên ven bờ sông Bôi đoạn chảy qua Thái Bình. Tin Ngân đưa người yêu là người miền Nam về ra mắt gia đình chẳng mấy chốc lan nhanh khắp xóm. Tối ấy vừa ăn cơm xong thì bà con đã đốt đèn đến thăm nhà Ngân nườm nượp. Đó là tục lệ người quê Ngân có từ lâu, khi trong xóm có người ra mặt trận, từ mặt trận hoặc ở đâu xa về. Mẹ Ngân làm mặt tươi tắn. Luôn miệng mời bà con ăn bánh, hút thuốc nhưng lại khéo léo từ chối “cái anh kia” không phải là con rể tương lai mình. Khuya khi bà con đã về, đi vào cái khoảng lặng ấy là tiếng giọt mưa rơi ngoài hiên tí tách nghe môn một. Qua đi cái giây phút vui rộn ràng “giả tạm” đó thì cái chông tre mẹ Ngân nằm lại nghe èo ọ! Giường bên kia không biết anh ấy nghĩ gì mà ngồi rít thuốc lá đỏ rục. Tâm tư Ngân bắt đầu xao động. Có

phải u đang buồn vì câu “có phúc gả con chồng gàn, có bát canh cần nó cũng mang cho”? Còn anh ấy chắc đã nản trước thái độ khước từ khéo léo chuyện rể con của u trước bà con lối xóm? Trời về khuya rét đậm. Có lẽ do hít nhiều khói thuốc của bà con ban nãy hoặc quá rét mà u Ngân ho liên tục, rồi lên cơn hen nặng, mặt tím tái do bị co thắt phế quản. Bệnh đã thành mãn tính mấy năm nay rồi, tiêm cho u là việc của đứa em gái tuổi 15, nó được tập huấn kỹ và đã quen việc. Biết Ngân toan lấy chồng xa nó cảm hơn lắm. Trước khi bỏ sang nhà hàng xóm ngủ, nó ngúng nguẩy liếc anh ấy thiếu đường rách mắt, rồi chu miệng vào tai Ngân mà nói: “Đồ phản bội!” Biết tim con bé đồng đánh đầu trong lúc cấp bách này? Ngân làm liều, cầm xi lanh và ống thuốc Adrenalin mà tay run run vì chưa tiêm cho u lần nào. Giữa lúc đó thì anh ấy bước tới, nhanh chóng sát trùng, rút thuốc vào xi-lanh và tiêm cho u Ngân khá thuận thực. Mấy phút sau da dẻ u hồng hào trở lại, hỏi anh: “Cháu biết tiêm thuốc từ lúc nào mà rành vậy?”. “Dạ, cháu từng là lính cứu thương biên giới phía Bắc ạ”.

Quê Ngân ăn Tết thật muộn. Những ngày cuối năm, chiếc loa phóng thanh hợp tác xã treo đầu xóm cứ ra rả câu khẩu hiệu: “Xuân sẽ không nông khi ngoài đồng chưa xuống hết giống” làm ai cũng nóng ruột. Ngay hôm sau, Ngân đã tham gia nông vụ với bà con. Người yêu Ngân thấy cảnh nhà dột cột xiêu, sau mấy ngày ra vườn chặt tre chẻ lạt, che chắn nhà cửa, dọn chỗ dột rồi cũng cương quyết theo Ngân ra đồng với ý bù đắp chút công điểm cho u chừng nào hay chừng đó. Tối đến anh lại cùng đứa em trai út Ngân đốt đèn, ra bờ sông úp cá. Là dân đồng ruộng đúng là anh có tay sát cá thật. U Ngân vốn tính thảo ăn đêm biếu khắp xóm. Nhìn những con cá lóc to bằng bắp chân, ai cũng trở mặt khen bạn trai cái Ngân giỏi thật!

Theo dõi việc u đối xử với anh ấy, Ngân dần yên dạ. Hôm mới về, nhìn vào chiếc rổ treo trên xà nhà mà Ngân thương u quặn lòng. Một bát chữ yêu tóp mỡ, một lọ dưa cải muối, một nồi khoai độn cơm ăn dở... thế mà từ ngày anh ấy về, dù thóc trong bồ đã sắp cạn, u vẫn đãi ngày ba bữa cơm trắng tinh kia chứ. Thấy u chi dùng mà Ngân lo lắm. May mà còn có con lợn đang

nuôi trong nhà; Ngân và anh ấy bàn nhau sẽ mua cho u một số gạo nữa, mới mong ra giêng nhà bớt cảnh đói.

Ngày trở lại trường đã gần kề, vậy mà anh ấy chưa có kế hoạch gì ráo làm Ngân sốt ruột lắm. Đã thế lại còn đại miệng làm tình hình tối tệ hơn. Bữa ấy, sau khi đem cá biếu hàng xóm về, giọng u cười mở hỏi anh: “Sao cháu không ở lại trường mà phải về quê công tác làm cho cái Ngân khó xử?”. “Dạ hoàn cảnh cháu ngặt lắm, mùa gặt vừa rồi má cháu gánh lúa ngã cầu khi bị liệt nửa người, hai em thì còn quá đại...”. “Vậy bố cháu đâu?”. “Dạ, ba cháu mất ở chiến trường Quảng Trị...”. Mẹ Ngân lặng người. Chồng bà cũng hy sinh ở chiến trường ấy vào mùa hè năm 1972. Có khi nào họ là đồng đội của nhau không nhỉ? Bà gấp gấp hỏi: “Cháu có biết tên đơn vị bố không?”. “Dạ cháu không biết, nhưng ba cháu là lính... cộng hòa”. Mẹ Ngân buột miệng “Hả!” rồi mặt mày tái mét như bị trúng gió vì cái định kiến xưa nay ẩn sẵn trong lòng bà là: “chính những người lính cộng hòa đã chia súng vào chồng bà, biến bà thành cô phụ”. Không nói thêm nửa lời, bà lặng lẽ lên giường nằm. Cái chồng tre nói thay nỗi lòng bà lại nghe èo ọ.

Ngân đã không còn gì để hy vọng nữa rồi. Đụng đến vết thương lòng của u thì chỉ có trời cứu. Mấy hôm sau, mặt u buồn buồn giục Ngân sang quê ngoại từ già cậu dì. Anh ấy mang bộ mặt dễ ghét lẽo đẽo theo sau. Tối về, vừa ăn cơm xong u bảo hai đứa ngồi lại để nói chuyện. Nghe thế Ngân đã lo lắm. Ngồi một chập, u nói với anh ấy: “Mấy đêm nay không ngủ được, u quá thấu hiểu phận đàn bà chồng chết trận rồi. Dẫu ở bên nào đi nữa thì nỗi đau mất chồng cũng giống nhau. Ngắm u thấy mình vẫn còn may, còn đi lại được, em gái con tuy còn nhỏ nhưng cũng đã cạy nhờ được rồi. Tội nghiệp má con trong ấy, nằm liệt giường mà phải nhìn đàn con đại không ai chăm sóc, chắc là đau lòng lắm!”. Lại lấy cái lai quần chặm nước mắt, u nói tiếp: “Cho con gái đi lấy chồng xa là u đứt cả núm ruột, nhưng mà yên dạ phần nào vì con rể là đứa tảo tần, biết sống. Đám cưới các con vì sức khỏe mà u không vào được, thôi thì có chút tiền con gọi là cho con gái đi lấy chồng. Hãy cầm lấy cho u yên lòng...”. Bọn Ngân không thể ngờ rằng cái định kiến sâu thẳm lòng u vì thương con mà được khỏa lấp nhanh đến vậy. Lại còn tiền đâu mà u có nữa chứ? Đang phân vân thì đứa em gái “đồng đánh” đứng ngoài nói chen vào: “U vừa bán lợn đấy”. Bọn Ngân tức tốc chạy ra chuồng lợn, thì hỡi ơi con lợn đang sức ăn sức lớn đã không còn nữa rồi!

Trên chuyến tàu lửa trực chỉ vào Nam theo người yêu hôm ấy, tâm tư Ngân ngổn ngang trăm nẻo. Tương lai sắp tới của mình ra sao? Chắc bây giờ u đang trần trụi trên chiếc chông tre? Đêm xuống, qua khung cửa con tàu, ánh đèn dầu nhà ai bập bùng lúi dúi theo bánh con tàu quay làm cho quê hương trong tâm tư Ngân thêm xa diệu vợi. “Con đến đất khách quê người nhớ giữ gìn sức khỏe mà còn có ngày về thăm u nghe...”. Vẳng bên tai tiếng u thì thầm, nước mắt Ngân cứ thế trào ra ào ạt. ■



Niềm vui trong cô đơn

PHẠM CHÍNH CÀN

Gì ra chơi trong một ngôi trường tiểu học. Tôi lặng lẽ ra sân, tìm đến góc hành lang quen thuộc ngồi nhìn những cuộc vui đầy náo động của bạn bè. Tôi luôn khao khát được hòa nhập với họ, nhưng mặc cảm vẫn giữ chân tôi. Đã lâu, hồi còn học lớp nhỏ, trong một lần cãi nhau với bạn vì nguyên nhân gì không nhớ rõ, một người bạn khác bênh bạn ấy, mắng tôi là đồ con mồ côi! Lời mắng làm tôi đau. Tôi mồ côi cha mẹ từ tám bé, được ông bà nội mang về nuôi. Nhà thường chỉ có ba người, ông bà nội và tôi; thỉnh thoảng mới có những người em họ được vợ chồng của cô tôi hoặc chú tôi đưa về thăm ông bà. Ông thương các cháu nhưng rất nghiêm khắc; còn bà thì phục tùng ông hoàn toàn. Không khí trong nhà thường lặng lẽ. Tôi sẵn rụt rè, thái độ hung bạo của bạn khiến tôi càng thêm khép kín. Trong thâm tâm, tôi vẫn muốn có bạn để trò chuyện, để chia sẻ; nhưng vẫn ngại, sợ phải nghe thêm những lời hung bạo. Lúc nào tôi cũng cảm thấy cô độc. Tôi vẫn nghĩ, phải có bạn bè mới có niềm vui...

Càng lớn lên, mặc cảm mồ côi trong lòng tôi càng nặng; thay vào đó, nỗi khao khát có bạn để được thổ lộ tâm sự càng tăng. Tuy nhiên, tôi vẫn không khắc phục được ngay sự nhút nhát của mình. Cũng may, không khí tự do của giảng đường Văn khoa đã giúp tôi có tự tin khi phát biểu ý kiến riêng trong các buổi học nhóm. Nhóm học chung của chúng tôi thường xuyên gặp nhau. Ngoài giờ học, chúng tôi rủ nhau đến ngồi ở các quán cà-phê trao đổi đủ thứ chuyện, từ việc học đến vấn đề thời thế... và cả những chuyện tình cảm riêng tư. Từ khi tôi vào đại học, thấy tôi trưởng thành, ông nội tôi đã bớt khắt khe với tôi. Có nhiều buổi sáng, ông gọi tôi dậy sớm ra ngồi uống trà với ông. Lúc ấy, ông kể cho tôi nghe chuyện đời của ông và chuyện bố mẹ tôi. Tôi nhớ, có lần tôi khoe với ông về niềm vui có bạn, ông bảo, *"khi con còn cần đến điều kiện bên ngoài để có được niềm vui thì niềm vui ấy chưa phải là của con"*. Lúc ấy, tôi chưa hiểu hết lời ông...

Phải nhiều năm sau, khi ông bà tôi đều đã lần lượt qua đời và tôi vẫn ở một mình trong căn nhà ông bà nội để lại, tôi mới có nhận thức về niềm vui không dựa vào những điều kiện bên ngoài. Quả thật, trong lúc dành nhiều thời giờ cho bạn bè, tôi đã phần nào xao lãng một số bổn phận cá nhân không thể chia sẻ với ai được. Nhiều khi, giữa lúc chuyện trò sôi nổi, lời lẽ vô tình của một ai đó đụng chạm đến những điều sâu kín của riêng tôi khiến tôi chạnh lòng, nhưng ngay lúc ấy tôi không có cơ hội để phân tích kỹ. Tôi lờ mờ nhận ra rằng việc ở một mình, trong sự cô độc hoàn toàn, cũng có những cái hay riêng của nó. Một thời gian dài, tôi tránh những cuộc gặp gỡ với bạn bè. Những lúc không phải bận rộn chuyện mưu sinh, tôi dành thời giờ đọc sách và suy ngẫm. Trong lúc đọc sách, tôi có cảm tưởng vẫn còn người thủ thủ bên tai, khi kể lể, lúc khuyên răn, giảng giải... Nhưng rồi khi đã gấp sách lại, tôi mới cảm nhận thêm một điều khiến tôi thật sự ngắt ngảy: Tôi hoàn toàn cô đơn, và trong niềm cô đơn đó, tôi thật sự tự do nghiền ngẫm những điều đã được nghe kể lể, khuyên nhủ, giảng giải trong lúc tôi đọc sách; và tôi có điều kiện tìm hiểu mọi trạng thái tâm lý, thăm dò mọi góc ngách tâm thức của mình. Nhiều khi tôi đã cảm nhận những khoảnh khắc an lạc; và tôi biết rằng chính sự cô đơn là điều hết sức cần thiết để trải nghiệm một tâm an lạc. Tôi nhớ đến những bậc ẩn sĩ đã vào tận rừng sâu hay lên núi cao, để suy ngẫm về bản chất của đời sống và để tìm hiểu lẽ đạo. Hẳn là các ngài luôn có được sự an lạc. Với những nhận thức mới mẻ đó, tôi nghĩ có lẽ tôi đã tìm được niềm vui của mình, niềm vui mà ông nội tôi bảo rằng không cần đến những điều kiện bên ngoài; và tôi cũng không cần phải sống xa cách với mọi người mới có thể duy trì niềm vui đó.

Tôi nghĩ rằng, trong cô đơn, vắng lặng, một người có thể tìm thấy niềm vui khi khám phá tâm thức của chính mình, khi lần dò và cảm nghiệm ý nghĩa của cuộc đời và hy vọng tìm thấy phương hướng truy tầm chân lý. Cô đơn, độc hành như một hành giả tìm đạo, vượt qua cầu, bỏ lại đằng sau người thân kẻ lạ và mọi sự phồn tạp của cuộc sống đời thường. ■



Tượng Phật ở Bamiyan tái hiện dưới dạng “quang minh”

NGUYỄN VĂN NHẬT

Vào ngày Chủ nhật 7-6-2015, người dân ở thung lũng Bamiyan thuộc Afghanistan đã có một cơ hội hiếm gặp trong đời khi được chiêm ngưỡng hình ảnh của hai bức tượng Phật vĩ đại vốn đã bị những người Taliban cực đoan phá hủy vào tháng Ba năm 2001. Lần này, họ được chứng kiến hình ảnh của các vị Phật dưới dạng “quang minh”.

Tổng hợp các dữ kiện theo một bài viết của Edward Delman đăng trên *The Atlantic*, một bài viết của Ban Biên tập Tạp chí *Lion's Roar* (hậu thân của tờ *Shambhala Sun*) và các nguồn khác trên mạng internet, người ta được biết một nhà báo tên là Ali Latifi, thường trú tại Kabul của tờ *Los Angeles Times*, đã chứng kiến toàn bộ sự kiện diễn ra trong hai ngày thứ Bảy và Chủ nhật đầu tháng Sáu-2015 tại thung lũng này. Nhà báo này cho biết hai người Trung Quốc là Janson Yu và Liyan Hu vốn thường đi lại trên khắp thế giới để làm phim tài liệu, hết sức đau buồn trước sự kiện hai pho tượng Phật ở

thung lũng Bamiyan bị hủy hoại, đã phát nguyện góp phần tái dựng hình ảnh của hai pho tượng Phật này như một sự cúng dường. Họ đã xin được sự chấp thuận của tổ chức UNESCO và chính quyền Afghanistan để thực hiện dự án phục hiện hình ảnh của hai pho tượng bằng kỹ thuật chiếu hình trong không gian ba chiều với ánh sáng của tia laser. Hai người Trung Quốc chủ trương dự án này đã thực hiện việc tinh chỉnh các hình chiếu trên một sườn núi ở nội địa Trung Quốc trước khi đưa toàn bộ hệ thống chiếu hình của họ đến Bamiyan. Tại đây, trong ngày thứ Bảy 6-6, hệ thống chiếu hình được lắp đặt trên các giàn giáo phía trước phế tích của hai pho tượng; và vào đêm Chủ nhật, đã có khoảng 150 người dân ở thung lũng Bamiyan được chiêm ngưỡng cảnh tượng hết sức ấn tượng, là hình ảnh của hai pho tượng Phật bằng ánh sáng đã lung linh lấp đầy hai khoảng trống, nơi trước đây là hai pho tượng vĩ đại đã được xây dựng từ thế kỷ thứ VI. Đám đông có mặt đã có thái độ thành kính, ở lại đến tận khuya; có cả những



người mang nhạc cụ cổ truyền ra để điểm xuyết cho cuộc trình diễn bằng âm nhạc dân tộc.

Sự kiện thành tâm phục hiện hình ảnh của các Đức Phật mặc dù chỉ là thoáng qua này đã diễn ra vào lúc loài người cũng đang lo lắng cho số phận của những di sản văn hóa của nhân loại ở cách đây không bao xa, trên đất nước Iraq và Syria.

Khi đưa tin về sự kiện này, Ban Biên tập của tờ *Lion's Roar* cũng nhắc lại một bài viết đã đăng trên *Shambhala Sun* hồi tháng Ba năm 2002, một năm sau sự kiện Taliban triệt hạ hai pho tượng Phật. Bài viết nói về sự phát triển hòa bình của Phật giáo trong khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch khi giáo pháp của Đức Phật được giới thiệu cho các dân tộc sinh sống trong vùng Kashmir và Punjab (nay là Pakistan và phía Bắc Afghanistan). Afghanistan vẫn được biết đến như một ngã tư đường vĩ đại của loài người. Đây từng là điểm dừng chân quan trọng của Con đường tơ lụa thời cổ, nơi có những trạm thu phí đầu tiên của hệ thống thương mại đa quốc gia. Vì thế, nơi này đã từng là đối tượng của các cuộc xâm lăng, chinh phục. Trong quá khứ, vùng đất này có lúc thuộc về các vương triều Hy Lạp hóa, hậu duệ của những người thuộc đạo quân do Alexander the Great lãnh đạo; ở đó, vị vua Hy Lạp Menandros đã có những tranh luận sôi nổi với Tỳ-kheo Nagasena để sau này hình thành bộ kinh *Na-tiên Tỳ-kheo*. Một bộ tộc du mục Trung Hoa là người Kushan cũng đến đây thành lập một vương triều hùng mạnh; và theo các nhà nghiên cứu thuộc Institute of Geodesy and Photogrammetry ETH ở Zurich, Thụy Điển thì chính nhà

vua Kanishka của vương triều này đã trở thành Phật tử để rồi chính ông ra lệnh xây dựng một quần thể tượng đài vĩ đại ở thung lũng Bamiyan, trong đó có hai pho tượng Phật đứng, được dựng cách nhau khoảng một cây số. Phong cách xây dựng tượng kết hợp sự tường tượng phong phú của người Ấn Độ với tài khéo của nghệ nhân Hy Lạp. Người Mông Cổ và người Ba Tư cũng đã đến vùng này; và do khác biệt về tôn giáo, cũng đã có những vị vua chúa cuồng tín dự định phá hủy các pho tượng, nhưng họ đều dừng lại kịp lúc.

Vào lúc nhóm Hồi giáo Taliban giành quyền lực ở Afghanistan, ngay từ năm 1997, khi chưa kiểm soát được Bamiyan, các nhà lãnh đạo Taliban đã nói đến ý định phá hủy các pho tượng Phật trong thung lũng này. Khi chiến tranh quanh vùng Bamiyan trở nên ác liệt, các nhà nghiên cứu về văn hóa trên thế giới đã lên tiếng để tìm cách cứu vãn các di tích văn hóa nhân loại, không để những di tích này bị xâm hại. Đã có những đề nghị cung cấp tài chính cho Taliban để đổi lấy sự an toàn của các di tích, nhưng các nhà lãnh đạo Taliban không quan tâm. Năm 2001, khi được biết nhà lãnh đạo cao cấp nhất của Taliban lúc bấy giờ muốn hủy diệt các di tích ở Bamiyan, một loạt tổ chức quốc tế lên tiếng phản đối và tìm cách thương lượng, nhưng ngay cả sự can thiệp của các nước Hồi giáo thân thiện với Taliban như Pakistan, Qatar và Egypt cũng không mang lại kết quả. Việc phá hủy hai pho tượng kéo dài trong vài tuần lễ. Ban đầu, việc dùng các loại hỏa lực bắn vào đều không có kết quả. Về sau, quân Taliban bắt người dân sở tại leo lên đục vào thân tượng để nhét thuốc nổ vào nhiều vị trí. Ngay cả những người bị buộc phải làm công việc phá hoại ấy cũng đau buồn nhưng họ chỉ là người dân, không thể chống lại cường quyền Taliban lúc ấy.

Từ khi hai pho tượng Phật vĩ đại ở Bamiyan bị phá hủy, trên toàn thế giới đã có nhiều cố gắng phục chế lại hình ảnh của hai pho tượng ấy. Đến năm 2011, nhóm chuyên gia về các dự án văn hóa ở Afghanistan của UNESCO đã triệu tập tại Paris một cuộc thảo luận về những biện pháp cần thiết trong việc phục dựng hai pho tượng này. Tuy nhiên, những cố gắng của UNESCO cũng đã gây nên những dư luận trái chiều.

Chính là giữa những tranh cãi bất tận ấy mà hai người Trung Quốc đã tự thực hiện dự án của riêng họ. Theo *The Atlantic*, hai người đã dành dụm khoản tiền 120.000 đô-la Mỹ để tiến hành mọi công việc.

Trong bối cảnh nhân loại vẫn còn những cố gắng mang tính cuồng tín tìm cách hủy hoại những thành quả văn hóa lao động nghệ thuật của loài người, ngăn cản tín ngưỡng của người khác để vinh danh tôn giáo mình, việc làm của hai người Trung Quốc dựng lại hình ảnh hai pho tượng Phật ở ngay thung lũng Bamiyan bằng kỹ thuật chiếu hình trong không gian ba chiều với tia laser đáng được tán dương và khiến nhiều người phải suy nghĩ lại. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Năm ấy tôi mới khoảng sáu tuổi thì mẹ tôi dẫn tôi lên Sài Gòn. Về sau tôi mới biết, trước đó bố tôi bỏ mẹ con tôi đi đâu không rõ, mẹ tôi mang tôi về ở với ông bà ngoại. Trong một lần lên Sài Gòn, tình cờ mẹ tôi gặp lại bạn cũ đang có vị trí xã hội, bảo lãnh cho mẹ tôi vào làm việc. Một hôm, mẹ tôi đưa tôi đến nhà bà ấy chơi. Bà ấy cũng có một người con trạc tuổi tôi đã đi học. Bà ấy gọi con ra, bảo dẫn tôi vào phòng riêng của anh ấy trong lúc hai bà mẹ nói chuyện.

Tôi choáng ngợp trước căn phòng riêng ấy, đầy những đồ chơi. Anh ấy lấy ra một hộp bút chì màu nhỏ rồi tôi ngồi tô màu trên giấy. Anh ấy say mê vẽ và tô màu, còn tôi thì chỉ nguệch ngoạc vài nét và trong lúc anh ấy không để ý, tôi giấu chiếc bút chì màu đỏ vào trong túi. Khi anh ấy chọn màu đỏ không thấy, liền hỏi tôi có lấy của anh ấy không. Tôi trắng tráo trả lời rằng tôi thấy hộp bút chì ấy không có màu đỏ. Anh ấy đùng đùng lời tôi xềnh xệch ra tới chỗ hai bà mẹ đang nói chuyện, la to lên rằng tôi là đứa ăn cắp. Trong lúc mẹ tôi hoảng hồn hỏi anh ấy thì bà bạn của mẹ tôi bảo anh ấy không được hờ dờ, ra lệnh cho anh ấy buông tay tôi ra rồi vẫy tôi đến gần cho bà hỏi chuyện. Ban đầu tôi chối, nhưng sau khi được bà ấy dỗ dành một lúc, tôi nhận là đã giấu chiếc bút chì màu trong túi, rồi lấy ra đưa trả. Bà ấy ôn tồn bảo con trai mang cả hộp bút chì màu ra, nói với mẹ tôi là bà ấy cho tôi, khuyên tôi lần sau nếu có gì cần thì phải nói, không được ăn cắp, là điều xấu.

Ngay ngày hôm sau, mẹ tôi nghỉ việc, mang tôi về lại nhà quê sống với ông bà ngoại và cho tôi đi học ở quê nhà. Từ bấy giờ, mẹ tôi tránh né mọi sự liên lạc với người bạn cũ. Mẹ tôi không hề nhắc lại câu chuyện đã xảy ra, nhưng thường xuyên nhắc nhở tôi đừng bao giờ lấy bất kỳ vật gì của người khác nếu không được người ta cho. Lớn lên, có lúc hồi tưởng gương mặt thất thần của mẹ tôi lúc tôi bị con người bạn của mẹ tôi lời ra tố cáo tội ăn cắp, bấy giờ tôi mới hiểu được nỗi lòng của mẹ tôi.

Đã vài chục năm trôi qua, ông bà ngoại và mẹ tôi đều đã qua đời. Có lẽ bà bạn của mẹ tôi ngày ấy cũng đã qua đời. Tôi đã có con lớn và vẫn luôn nhắc nhở các con tôi không bao giờ lấy của không cho. Tôi rất biết ơn mẹ tôi và bà bạn của mẹ tôi qua cách ứng xử của bà mấy chục năm trước. Những lời dạy của mẹ và những lời khuyên của người bạn của mẹ đã giúp tôi nên người và để tôi truyền lại những điều đó cho các con tôi.

Tôi tin rằng những điều ấy luôn là truyền thống trong các gia đình Việt Nam ta và đó là một trong những điều khiến tôi luôn biết ơn cuộc sống.

Nguyễn Đặng Thành Nhân,
TP.HCM



ĐC: 6975E, đường Nhà Vàng,

Mỹ Hòa 1, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

ĐT: 08.37181818 - 01.222.999.666 - 01.666.000.666

Website: thienphuthao.com Email: tkhuthao@gmail.com



THIÊN PHÚ THẢO là nơi chế tác tượng Phật đáng tin cậy!
Vì Sản Phẩm luôn được bảo hành mãi mãi...!

Bánh giò bột gạo lứt đỏ nhân chay

Ý NHI - CHÂN NGUYỄN



4. Làm bánh

Cho tất cả bột vào nước lạnh, cho dầu mè vào khuấy tan rồi bắc lên bếp khuấy đều cho đến khi bột mịn và đặc hơi dẻo.

- Mộc nhĩ ngâm nở mềm băm nhuyễn.
- Cà-rốt và củ sắn rửa sạch thái hạt lựu.
- Lúa mạch lát khô ngâm mềm thái hạt lựu.
- Hành tím thái mỏng.

Bắc chảo nóng cho hành phi thơm rồi cho tất cả rau củ vào xào 15 phút cho chín đều. Nêm ít muối và nước tương cho vừa miệng. Nêm ít tiêu và hành lá cho thơm rồi nhắc xuống.

Lá chuối rửa sạch trụng nước sôi cho mềm để ráo lau khô.

Đặt 2 miếng lá chuối xuống mâm, múc một thìa bột lên lá. Đè bột bẹp xuống, múc một muỗng nhân cho vào giữa miếng bột. Tém bột để bột bọc kín nhân. Gấp 2 mép lá lại ép chặt xuống bột rồi bẻ cạnh 2 bên gấp xuống mặt đáy. Dùng lạt chuối cột bánh để định vị.

Gói bánh xong cho bánh vào xúng hấp 20 phút. Bánh hấp xong để nguội cho vào ngăn mát tủ lạnh có thể để 1 tuần. Bánh giò gạo lứt có thể dùng ăn điểm tâm hay ăn xế. Trẻ em và người lớn đều có thể ăn rất tốt. Bánh giò chay gạo lứt vừa tốt cho sức khỏe, lành mạnh và sạch sẽ lại rất tiện lợi dễ làm. Nguyên liệu làm bánh có bán sẵn ở Cửa hàng Thực phẩm dưỡng sinh Chân Nguyễn.

Cửa hàng Thực phẩm dưỡng sinh Chân Nguyễn

Chuẩn bị (làm 20 chiếc bánh nhỏ)

1. Bột vỏ bánh

- 2 lít nước
- bột gạo lứt đỏ: 500gr
- bột sắn dây: 100gr
- dầu mè: 50ml

2. Nhân bánh

- cà-rốt: 250gr

- củ sắn: 250gr
- mộc nhĩ khô: 20gr
- hành tím: 50gr
- hành lá: vài tép
- dầu mè: 50ml
- nước tương

3. Lá gói

Lá chuối 1kg cắt thành 40 miếng khoảng 20x20cm



THỰC PHẨM DƯỠNG SINH

CHÂN NGUYỄN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel.: 08 22422951
Facebook: channguyen
Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn

Vai trò chất xơ

BS CK1 Trần Thị Minh Nguyệt
Thành viên HĐQT Công ty NutiFood

Chất xơ thực phẩm là những phần dự trữ và thành tế bào polysaccharid của thực vật mà cơ thể không tiêu hóa và hấp thu được trong ruột non nhưng bị lên men một phần hoặc toàn bộ bởi các vi khuẩn thường trú trong ruột già của người. Chất xơ thực phẩm không trực tiếp cung cấp năng lượng và các chất dinh dưỡng cho cơ thể nhưng thực hiện rất nhiều các chức năng sinh học quan trọng.

Các loại chất xơ thực phẩm

Tùy theo khả năng phân tán trong nước, người ta phân biệt hai loại: Xơ tan và xơ không tan. Xơ tan gồm: Pectin, gôm, oligofructose, thạch, beta-glucan... Chất nhầy có trong rau mồng tơi, rau đay, mướp, thanh long, sương sâm, sương sáo, hạt é... cũng là dạng xơ tan. Xơ không tan gồm cellulose, lignin, một vài hemicellulose.

Chất xơ thực phẩm có nhiều trong nguồn thực vật, đặc biệt trong trái cây, rau, ngũ cốc nguyên cám, các hạt họ đậu. Các nguồn này đều chứa cả hai loại xơ tan và xơ không tan, trong đó xơ không tan chiếm nhiều hơn từ 50-75% tổng chất xơ và xơ tan từ 25-30%. Hiện nay trên thị trường nhiều thực phẩm dinh dưỡng cũng được bổ sung chất xơ vì những vai trò quan trọng của nó cho sức khỏe.

Vai trò của chất xơ thực phẩm

Tác dụng nhuận trường ngăn ngừa táo bón: Khi kết hợp với nước, chất xơ hút nước và nở to làm cho phân mềm, làm tăng khối lượng phân khiến vách thành ruột bị kích thích mạnh, làm tăng nhu động ruột, giúp việc bài tiết phân được dễ dàng, tránh táo bón. Việc dễ dàng đi tiêu làm tăng tốc độ thải các độc tố được tạo ra trong quá trình thức ăn được tiêu hóa và bị phân hủy bởi các vi khuẩn yếm khí trong phân như phenol, ammonia, indol... giảm độ đậm đặc của các chất độc này, giúp tránh được nguy cơ ung thư đại tràng. Ngoài ra chất xơ còn có tác dụng làm tăng khả năng miễn dịch hệ tiêu hóa thông qua việc phát triển hệ vi khuẩn

có ích trong đường ruột, giảm nguy cơ nhiễm trùng đường tiêu hóa.

Tác dụng giảm cholesterol máu: Các chất nhầy polysaccharid hoạt động trong đường ruột làm giảm cholesterol máu bằng cách làm giảm hấp thu cholesterol hoặc acid béo hoặc giảm hấp thu muối mật và acid mật. Chất xơ tan gắn với acid mật tại ruột non làm tăng thải acid mật qua phân, khi đó, gan sẽ lấy cholesterol từ máu để tạo acid mật, nhờ vậy giảm cholesterol máu. Chính vì lý do đó nên ăn nhiều chất xơ giúp phòng ngừa các bệnh tim mạch, xơ vữa động mạch, nhồi máu cơ tim...

Tác dụng ổn định đường huyết: Chất xơ thực phẩm giúp tăng thời gian lưu thức ăn ở dạ dày, giảm tốc độ hấp thu đường tại ruột non, các xơ tan còn làm tăng sự nhạy cảm của insulin, giúp ổn định đường huyết ở người bệnh đái tháo đường hoặc người có đường huyết cao, phòng ngừa các biến chứng của bệnh.

Giúp kiểm soát cân nặng: Xơ thực phẩm kéo dài thời gian no nhờ làm tăng khối thức ăn nhưng không tăng thêm năng lượng, giúp hạn chế tăng cân.

Tăng khả năng miễn dịch: Nhờ tính chất tăng hệ vi khuẩn có ích đường ruột, làm giảm nguy cơ nhiễm trùng đường ruột đồng thời giúp tiêu hóa tốt, tăng sức đề kháng.

Đảm bảo cung cấp đủ chất xơ hàng ngày

Với những vai trò quan trọng được biết của chất xơ, các chuyên gia dinh dưỡng khuyên trong chế độ ăn hàng ngày phải cung cấp đủ chất xơ cho cơ thể từ nguồn thực phẩm, đặc biệt rau và trái cây. Theo khuyến nghị nhu cầu dinh dưỡng cho người Việt Nam của Viện Dinh dưỡng, mỗi người mỗi ngày cần ít nhất 20-30g chất xơ, tương đương 300g rau củ và 200g trái cây. Nên ăn gạo ít chà xát còn cám, các loại đậu, hoặc các thực phẩm dinh dưỡng có bổ sung chất. Đảm bảo đủ rau và trái cây mỗi ngày, ăn càng nhiều loại càng tốt, rau quả ngoài cung cấp chất xơ còn cung cấp nhiều vitamin, khoáng chất cần thiết cho cơ thể.

LỜI CẢM TẠ

Nam-mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật



Kính bạch chư Tôn đức Ban Trị sự GHPGVN TP.Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai, chư Tôn đức Ban Trị sự GHPGVN H.Long Thành; chư Tôn đức Giáo phẩm Hệ phái, đại diện các Giáo đoàn và chư Tôn đức Tăng Ni trụ trì các tự viện!

Kính thưa quý vị khách quý đại diện lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp tỉnh Đồng Nai và huyện Long Thành, các tổ chức, cá nhân, cơ quan đoàn thể, ban ngành, chính quyền địa phương, các đơn vị trong ngành Giáo dục huyện Long Thành cùng quý Phật tử các đạo tràng!

Kính thưa Quý liệt vị!

Thân Mẫu của chúng con:

Cụ Bà LÊ THỊ CỰ

Pháp danh: Thanh Tân

Quá vãng lúc 22 giờ 10 phút ngày 11 tháng 4 năm Ất Mùi (nhằm ngày 28/5/2015)

Hưởng thọ: 95 tuổi

Trong những ngày Tang lễ vừa qua, gia đình chúng con rất vinh dự được các phái đoàn chư Tôn đức và liệt Quý vị đã đến phúng viếng, gửi vòng hoa phân ưu; tham dự lễ tiễn đưa linh cữu thân mẫu của chúng con đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Thay mặt toàn thể Tang gia hiếu quyền, chúng con xin thành kính tri ân quý Chư tôn Trưởng lão Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng; Quý Ni trưởng, Ni sư, chư Đại đức Ni các tự viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường cùng quý Phật tử các đạo tràng:

- HT.Thích Trí Quảng - Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN - Trưởng ban Trị sự GHPGVN TP. Hồ Chí Minh;
- Chư tôn Hòa thượng Ban Trị sự GHPGVN TP.Hồ Chí Minh;
- HT.Thích Nhật Quang - Phó ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai - Trụ trì Thiền viện Thường Chiếu, Long Thành, Đồng Nai;
- HT.Thích Thiện Trung - Chứng minh Ban Trị sự GHPGVN H.Long Thành - Viện chủ Thiền viện Đạo Huệ, Long Thành, Đồng Nai;
- HT.Thích Minh Đáo - Trưởng ban Trị sự GHPGVN H.Long Thành - Trụ trì chùa Viên Âm, Long Thành, Đồng Nai;
- Chư Tôn đức Tăng, Ni Ban Trị sự GHPGVN H.Long Thành;
- HT.Thích Nguyên Như - Trụ trì chùa Phú Quang, Nhơn Trạch, Đồng Nai;
- TT.Thích Minh Lương - PT.Ngoại vụ Tổ đình Ấn Quang, TP.HCM; TT.Thích Quảng Chơn - PT.Nội vụ Tổ đình Ấn Quang, TP.HCM; TT.Thích Minh Đạo, Viện chủ Tổ đình Huệ Nghiêm, Thủ Đức, TP.HCM; TT.Thích Hoàng Tri, Trụ trì chùa Vạn Đức, Thủ Đức, TP. HCM; TT.Thích Nhật Thiện, Trưởng ban Trị sự GHPGVN Q.10, Phó trụ trì chùa Giác Ngộ, TP.HCM; TT.Thích Thiện Hào, Trụ trì chùa Hội Sơn, Q.9, TP.HCM; TT.Thích Minh Tuyên, Trụ trì thiền thất Thiên Đức, Thủ Đức, TP.HCM; TT.Thích Thiện Phát, Tổ đình Ấn Quang, TP.HCM; TT.Thích Huệ Sanh, Trụ trì chùa Thanh Long, TP.Biên Hòa, ĐN; TT.Thích Lệ Ngô, Trụ trì chùa Tịnh Ngộ, Long Thành, ĐN; TT.Thích Lệ Chánh, Tổ đình Huệ Nghiêm, Thủ Đức, TP.HCM; TT.Thích Pháp Quang, Trụ trì chùa Pháp Vân, Long Thành, ĐN;

Cùng chư Tôn đức:

- ĐĐ.Thích Lệ Phú, Trụ trì tổ đình Huệ Nghiêm, TĐ; ĐĐ.Thích Thiện Thuận, Trụ trì viện Chuyên tu, LT-ĐN; ĐĐ.Thích Minh Hạnh, Trụ trì tu viện Hạnh Chiếu, LT-ĐN; ĐĐ.Thích Thông Triệt, Trụ trì tịnh thất Bảo Tạng, LT-ĐN; ĐĐ.Thích Nguyên Thông, Trụ trì thiền tự Phước Quang, LT-ĐN; ĐĐ.Thích Huệ Lộc, Trụ trì chùa Bửu An, LT-ĐN; ĐĐ.Thích Huệ Nghiệp, Trụ trì chùa Phước An, LT-ĐN; ĐĐ.Thích Hạnh Trung, Trụ trì chùa Vĩnh Đức, LT-

- ĐN; ĐĐ.Thích Trí Hòa, chùa Tam Bảo, LT-ĐN; ĐĐ.Thích Quảng Phú, chùa Kỳ Quang 4, TP.HCM; ĐĐ.Thích Trí Thiện, Trụ trì chùa Bửu Lộc, LT-ĐN; ĐĐ.Thích Minh Chánh, Trụ trì chùa An Lâm, LT-ĐN; ĐĐ.Thích Pháp Huệ, Trụ trì Linh Sơn Bửu thiên tự, Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu; ĐĐ.Thích Trung Hòa, chùa Bửu Thiên, LT-ĐN; ĐĐ.Thích Trung Luận, chùa Tịnh Ngộ, LT-ĐN; ĐĐ.Thích Đạo Tiên, niệm Phật đường Pháp Thông; ĐĐ.Thích Trung Thông, tịnh thất Bửu Minh, LT-ĐN;

.....

- Ni trưởng TN.Như Thuận, Trụ trì chùa Quang Mỹ, Nhơn Trạch, Đồng Nai; Ni sư Trụ trì chùa Phước Thạnh, NT-ĐN; Ni sư Trụ trì tịnh xá Ngọc Thành, LT-ĐN; Sư cô Tác Huệ, chùa Bửu Hoa, Bình Phú, Long Tân; Sư cô Tịnh Mãn, Nhơn Trạch, ĐN;

.....

- *Chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử các Đạo tràng:* Tổ đình Ấn Quang, TP.HCM; Tổ đình Huệ Nghiêm, TĐ; Chùa Huệ Nghiêm, Q.2; Thiền viện Thường Chiếu; Thiền viện Đạo Huệ; Chùa Viên Âm; Chùa Phước An; Ban Hộ niệm chùa Long Phước Thọ; Chùa Vô Lượng Thọ; Tu viện Hạnh Chiếu; Viện Chuyên tu; Chùa Bửu Lộc; Chùa An Lâm; Chùa Phú Quang, Nhơn Trạch; Chùa Bửu Thiên; Chùa Quang Mỹ, NT-ĐN; Chùa Bửu Hoa, Bình Phú, Long Tân; Tịnh xá Ngọc Thành; Tịnh thất Bửu Minh; Đạo tràng Pháp Hoa, TP.HCM; Đạo tràng Pháp Hoa, chứng Di Lạc, Q.4; Niệm Phật đường Pháp Thông; Đạo tràng Phật tử tịnh thất Bửu An; Gia đình Phật tử Khánh Long, LT-ĐN; Nhóm Từ thiện chùa Phật Quang;

.....

Đồng thời, xin thay mặt cho toàn thể Tang gia hiếu quyền, chúng tôi chân thành cảm tạ nghĩa tình của quý vị khách quý:

- Ông Huỳnh Văn Tới - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai;
- Huyện ủy - HỖND, UBND, UBMTTQVN H.Long Thành, Ban Dân vận, Công an H.Long Thành;
- Đảng ủy - HỖND, UBND, UBMTTQVN thị trấn Long Thành, xã Phước Thái và xã Phước Bình;
- Các trường Trung học cơ sở: Phước Thái, Tân Hiệp và Phước Bình;
- *Các tổ chức cơ quan, cá nhân:* GD. Anh Tốt - Công ty CP Quốc tế Gia, TP.HCM; Công ty CP XNK Thuận Minh; GD. Anh Tuấn - Công an H.Nhơn Trạch; GD. Anh Minh, xã Bàu Cạn - LT-ĐN; Tập thể Y - Bác sĩ Khoa Hô hấp BV.Nguyễn Trãi, TP.HCM; Hội Người Cao tuổi xã Phú Hội; GD. Anh Dũng và Chị Thắng, Long Thành; Đội Mai táng Phước Thiện cùng bà con lối xóm, thân bằng quyến thuộc, sui gia và bạn bè đồng nghiệp...

Trong suốt thời gian tổ chức Tang lễ, mặc dù toàn thể tang quyền chúng con đã cố gắng hết sức, nhưng không sao tránh khỏi những thiếu sót, kính mong chư Tôn đức Giáo phẩm, chư Tôn đức Tăng Ni, chư vị khách quý và nam nữ Phật tử, thân bằng quyến thuộc niệm tình hoan hy.

Nam-mô Hoan Hy Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát

**TM. Toàn thể Tang gia Hiếu quyền
Tỳ-kheo Thích Lệ Đạt
và Hiếu nam Phan Văn Mẫu**

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN


- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lệ...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com

Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB, CN Bình Thạnh

Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank, CN Bến Thành

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

D13/2 Trần Nãi, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Đang phát hành

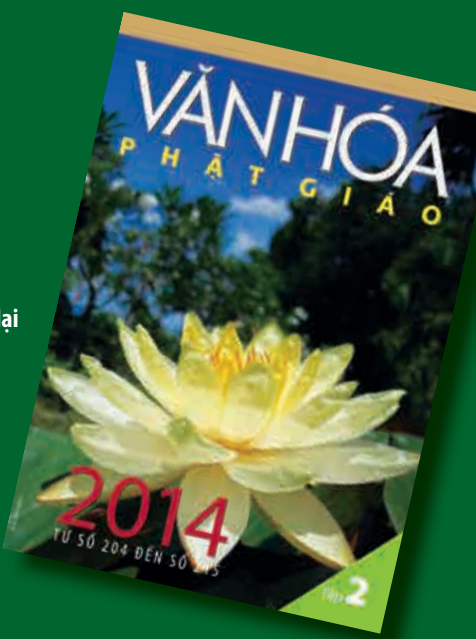
VĂN HÓA PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2 năm 2014**,
từ số 204 đến số 215
giá: 210.000đ/cuốn

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại
toàn tập (tập 1 + tập 2)

- 2007 (tập 2): 160.000VNĐ
- 2008 (2 tập): 340.000VNĐ
- 2009 (2 tập): 360.000VNĐ
- 2010 (2 tập): 380.000VNĐ
- 2011 (2 tập): 420.000VNĐ
- 2012 (2 tập): 420.000VNĐ
- 2013 (2 tập): 420.000VNĐ
- 2014 (2 tập): 420.000VNĐ



VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.



KHÂM TÍN

Nước Uống ALOEPAS

Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn

○ Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.

○ Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

Số 1 phẩm cấp : CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN
Số 1: 284/11 Cơ Súc, Phường, Cờ Đỏ, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
Số 2 Nhà máy : CN NHADAM VINA - CTY TNHH TM DV KHÂM TÍN
Số 2 Lò A, CỤ XÃ PHỔ LÂM D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website : www.khamtin.vn Email : khamtin1668@gmail.com

ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG · KHỎE VÌ GIA ĐÌNH

Vên Vên Hotel Hồ Cốc

(Nghỉ dưỡng và thiên định)

- Khách sạn tọa lạc dưới tán rừng nguyên sinh Bình Châu Phước Bửu, gần biển, cảnh quan mát mẻ yên tĩnh phù hợp cho việc nghỉ dưỡng, tọa thiền và hành thiền.
- Khách sạn tiêu chuẩn 2 sao.
- Nhà hàng phục vụ các món ăn chay và mặn.
- Nhận tổ chức cho các đơn vị có nhu cầu thực hiện thiên định.

○ Liên hệ: **Hồ Cốc, xã Bung Riềng, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**
Điện thoại: 0643 791121 - Fax: 0643791122
Email: venvenhotel@gmail.com
Website: venvenhotel.com



Công ty TNHH SX-TM **QUANG NGHỆ** Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

QUANG NGHỆ CO., LTD. HẾN THƠM NGHỆ THUẬT NGŨ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
 Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
 Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
 Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
 Website: www.quangnghecandle.com



pháp uyển
DHARMA GARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P.6, Bình Thạnh, Tp.HCM
 08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
 lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

Restaurant **Chay** Vegetarian

Việt An

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh âm cúng, thanh nhã và lịch sự

- **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...
- Giờ mở cửa:** Từ 6 giờ - 22 giờ
- Buổi sáng:** Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



- **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469 hoan hi gặp anh Lãnh (quản lý)

Trần trọng kính mời

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



DIÊU TƯỜNG AM NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



DIÊU TƯỜNG AM NAM KỶ
382B NAM KỶ KHỐI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663

DIÊU TƯỜNG AM 3/2
212 BA THẮNG HẢI, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363

DIÊU TƯỜNG LỮ LY QUANG (NGỌC LỮ LY)
382G NAM KỶ KHỐI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com

Buổi giới thiệu tập thơ "Cung trời hội cũ"

- **Buổi ra mắt**
 - Tập thơ "Cung trời hội cũ"
 - Tác giả **Nguyễn Cẩm**
- **Sẽ tổ chức**
 - Vào lúc 9 giờ sáng Chủ nhật ngày 5-7-2015
 - Tại quán café Lọ Lem
 - Số 345 Nguyễn Trọng Tuyển, Q. Phú Nhuận
- **Thân hữu nào tham dự xin liên hệ số điện thoại**
 - 0918 451 818 (anh Tâm)
 - hay
 - 090 691 3010 (anh Thái)

Tập thơ giới thiệu của nhà thơ Nguyễn Cẩm là một thành công và một thử thách nghệ thuật đáng trân trọng của tác giả. Ông đã chọn một chủ đề rất quen thuộc để viết về những người bạn đồng hành của mình. Tập thơ được chia thành hai phần: phần đầu là những bài thơ về quê hương, đất nước, gia đình; phần sau là những bài thơ về bạn bè, đồng nghiệp. Mỗi bài thơ đều được viết bằng một ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, nhưng lại chứa đựng những cảm xúc sâu sắc, chân thành. Đây là một tập thơ đáng đọc và đáng lưu tâm.



THƯ KÊU GỌI

Cúng Dường Trường Hạ và Xây Dựng Chùa Phật Hiện

NAM MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO

Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai có 2 tụ điểm An Cư Kiết Hạ Cẩm Túc.

1. Chùa Huệ Giác:

Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai, tại xã Long Phước, huyện Long Thành (gần trạm thu phí mới xã Long Phước), điện thoại 0613558626 - 0919076446, **gồm 192 Ni sinh đang tu học nội trú.**

2. Chùa Phật Hiện:

Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai, tại xã Phước Tân, Thành Phố Biên Hòa (gần trạm thu phí ngã 3 Thái Lan), điện thoại 0616523146 - 0919076446, **gồm 194 Tăng sinh đang tu học nội trú.**

3. Về việc xây dựng Chùa Phật Hiện:

Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai, diện tích 40m x 40m = 1600 m² x 2 tầng 3200 m².

Đặt đá ngày 11 tháng 8 năm Quý Tỵ (15/9/2013).

Kinh phí dự trù 20 tỷ đồng Việt Nam (20.000.000.000 VNĐ)

Đến ngày 11 tháng 4 năm Ất Mùi - 2015, đã xây dựng đồ tám xong tầng trệt, đã đổ trụ và đổ băng kèo tầng 2 xong.

Hiện nay

đang chuẩn bị đồ mái bê tông cốt thép dán ngói chánh điện, làm rồng phượng, trang trí Bàn Thờ Phật - Bồ-tát, Thờ Vong dự trù khoảng 5 tỷ đồng Việt Nam (5.000.000.000 VNĐ).

Vậy Ban Giám Hiệu làm thư này kính mong quý Chư Tôn Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng Ni và Phật tử xa gần phát tâm công đức cúng dường tịnh tài tịnh vật, để cho Phật sự của Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai sớm hoàn thành viên mãn báo đáp Tứ Trọng Ân, đào tạo Tăng Ni kế thừa Phật Pháp.

Xin cầu nguyện Tam bảo gia hộ quý Chư Tôn Thiên Đức và Phật tử
"Thân Tâm An lạc, Phật sự viên Thành".

Đồng Nai, ngày 1 tháng 5 năm Ất Mùi - 2015

Ban Giám Hiệu

Hiệu Phó Học Vụ và Xây Dựng

Hòa Thượng Thích Quang Đạo
(Phước Viên Tự - Biên Hòa)

HIỆU TRƯỞNG



Hòa Thượng Thích Nhật Quang
(Thiền Viện Thường Chiếu - Long Thành)

Hiệu Phó kiêm Chánh Thư Ký

Hòa Thượng Thích Phước Tú
(Tứ Tôn Tự - Biên Hòa)



Đón đọc

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

SỐ 229

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Quầy báo
110 Lê Lợi, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113894929 - 0168242401
(Kim Khánh)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phát Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG